

CÔNG TY CP XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA MỎ ĐÁ XÂY DỰNG KHE NGỌ SU**

Địa chỉ: phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh, tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CP XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA MỎ ĐÁ XÂY DỰNG KHE NGỌ SU**

Địa chỉ: phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG  
HÀ TĨNH



*Nguyễn Ngọc Tú*

CHỦ DỰ ÁN  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG  
THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU



*Phan Xuân Hồng*  
GIÁM ĐỐC

Hà Tĩnh, tháng 8 năm 2024

## MỤC LỤC

Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1.1. Tên chủ cơ sở.....	1
1.2. Tên cơ sở .....	1
1.2.1. Địa điểm cơ sở.....	1
1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án .....	2
1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) .....	3
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở .....	4
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	4
1.3.2.1. Công nghệ sản xuất, chế biến đá .....	4
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện, nhiên liệu .....	7
1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước .....	7
1.4.3. Nhu cầu sử dụng máy móc .....	8
1.4.4. Nhu cầu sử dụng thuốc nổ .....	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	9
1.5.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở .....	9
1.5.2. Tuổi thọ của mỏ.....	10
1.5.3. Hiện trạng các hạng mục công trình.....	11
1.5.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của cơ sở .....	13
1.5.5. Tổ chức quản lý sản xuất tại mỏ.....	14
Chương II.....	15
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	15
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	15
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	16
Chương III .....	20
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	20
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	20
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	21
3.1.3. Xử lý nước thải .....	22
3.1.3.1. Xử lý nước mưa chảy tràn .....	22

3.1.3.2. Xử lý nước thải sinh hoạt .....	23
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	25
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	27
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại: .....	28
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	30
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	31
3.6.1. Các công trình, biện pháp phòng chống cháy nổ .....	31
3.6.2. Biện pháp phòng chống sự cố bão lũ.....	32
3.6.3. Giảm thiểu tác động do chấn động và đá văng.....	32
3.6.4. Giảm thiểu tác động do sự cố trôi trượt, sạt lở đất đá .....	33
3.6.5. Các biện pháp an toàn lao động.....	34
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	35
3.7.1. Phòng chống sét đánh.....	35
3.7.2. Giảm thiểu tác động đến con người.....	35
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	35
3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học .....	37
3.9.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường .....	37
3.9.1.1. Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác.....	37
3.9.1.2. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải.....	38
3.9.1.3. Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp .....	38
3.9.2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường .....	39
3.9.2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường.....	39
3.9.2.2. Đơn vị nhận ký quỹ .....	39
3.9.3. Kế hoạch thực hiện.....	39
3.9.3.1 Tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường.....	39
3.9.3.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường .....	40
3.9.3.3. Kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường .....	41
Chương IV .....	43
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>43</b>
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	43
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	43
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa .....	43
4.1.3. Dòng nước thải .....	43
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	43
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: .....	45
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn .....	46
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải: .....	47
Chương V .....	48
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>48</b>
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	48

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước mặt .....	49
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải .....	50
5.4. Kết quả quan trắc môi trường đối với độ rung .....	51
5.5. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án .....	53
CHƯƠNG VI.....	54
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	54
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải .....	54
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: .....	54
b. Tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện lấy mẫu chất thải .....	55
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	55
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	55
- Quan trắc nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp:.....	55
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	56
ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	56
CHƯƠNG VIII .....	57
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	57

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BVMT:	Bảo vệ môi trường
CBCN:	Cán bộ công nhân
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CTNT:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
CTSH:	Chất thải sinh hoạt
ĐTM:	Đánh giá tác động môi trường
KH&KT:	Khoa học và kỹ thuật
KTMT:	Kỹ thuật môi trường
KT-XH:	Kinh tế - xã hội
MT:	Môi trường
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
PTMT:	Phân tích môi trường
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
QLNN:	Quản lý nhà nước
XLNT:	Xử lý nước thải
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN&MT:	Tài nguyên và Môi trường
TNMT:	Tài nguyên môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
XNK	Xuất nhập khẩu

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1. 1. Tọa độ khu vực mỏ .....	1
Bảng 1. 2. Tọa độ khu vực bãi chế biến .....	2
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án .....	8
Bảng 1. 4. Tổng hợp máy móc thiết bị tại mỏ .....	8
Bảng 1. 5. Khối lượng vật liệu nổ năm 2023 .....	9
Bảng 1. 6. Thống kê các hạng mục công trình .....	11
Bảng 2. 1. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận (Ltd) .....	17
Bảng 2. 2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (Lnn).....	18
Bảng 2. 3. Khả năng tiếp nhận nước thải của khe Lau khu vực mỏ .....	18
Bảng 3. 1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh .....	29
Bảng 3. 2. Phương tiện dụng cụ PCCC và CNCH .....	31
Bảng 3. 3. Tổng hợp các công trình XLCT theo ĐTM và đã xây dựng của dự án .....	36
Bảng 3. 4. Bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.....	40
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt .....	44
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước mưa chảy tràn .....	45
Bảng 4. 3. Thông số và giới hạn của tiếng ồn và độ rung .....	46
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt năm 2022.....	48
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt năm 2023.....	48
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 2022 .....	49
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 2023 .....	50
Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2022 .....	50
Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2022 .....	50
Bảng 5. 7. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2023 .....	51
Bảng 5. 8. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2023 .....	51
Bảng 5. 9. Kết quả quan trắc độ rung đợt 1 năm 2022 .....	52
Bảng 5. 10. Kết quả quan trắc độ rung đợt 2 năm 2022 .....	52
Bảng 5. 11. Kết quả quan trắc độ rung đợt 1 năm 2023 .....	52
Bảng 5. 12. Kết quả quan trắc độ rung đợt 2 năm 2023 .....	52

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ khai thác kèm dòng thải.....	5
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ chế biến sản phẩm .....	6
Hình 1. 3. Khu nhà nghỉ công nhân.....	12
Hình 1. 4. Khu vực sửa chữa máy móc .....	12
Hình 1. 5. Khu vực bãi chế biến.....	13
Hình 1. 6. Khu vực moong khai thác.....	13
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước.....	20
Hình 3. 2. Mương thu gom nước mưa chảy tràn .....	21
Hình 3. 3. Công D1m thoát nước mưa .....	21
Hình 3. 4. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải .....	21
Hình 3. 5. Bể lắng lọc nước thải sinh hoạt .....	22
Hình 3. 6. Hồ lắng nước mưa chảy tràn tại mỏ .....	23
Hình 3. 7. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại ba ngăn.....	24
Hình 3. 8. Bể lắng lọc 02 ngăn .....	24
Hình 3. 9. Hệ thống phun sương áp suất thấp xử lý bụi khu vực nghiền sàng.....	27
Hình 3. 10. Kho chứa chất thải nguy hại.....	30
Hình 3. 11. Mặt cắt dọc hàng rào dây thép gai.....	38
Hình 3. 12. Sơ đồ tổ chức quản lý, cải tạo phục hồi môi trường.....	40



**Chương I**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

**1.1. Tên chủ cơ sở**

**Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Trung Hậu**

- Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố 3, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện: Ông Nguyễn Hữu Hùng; Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0393.865.451

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 300375798 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29/3/2006, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 30/12/2021.

**1.2. Tên cơ sở**

Mỏ đá xây dựng Khe Ngọ Su tại Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

**1.2.1. Địa điểm cơ sở**

Mỏ đá xây dựng Khe Ngọ Su thuộc địa phận Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với diện tích khu vực khai thác 7ha (hiện nay diện tích 1,3ha không còn khai thác sử dụng chỉ khai thác phần diện tích đất thuê là 5,7ha) và sân công nghiệp có diện tích 3,3080ha, kho vật liệu nổ 0,01ha (nằm trong sân công nghiệp). Cụ thể như sau:

➤ Khu vực mỏ khai thác:

**Bảng 1. 1. Tọa độ khu vực mỏ**

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> 30' múi 3 <sup>0</sup>	
	X (m)	Y(m)
1	1990558	594706
2	1990677	594825
3	1990552	594841
4	1990486	594775
5	1990536	594727
6	1990461	594662
7	1990181	594486
8	1990418	594369
9	1990578	594686

Ranh giới xung quanh khu vực mỏ như sau:

- Phía Bắc giáp với khu vực chế biến;

- Phía Nam giáp với đồi núi cao;
- Phía Tây giáp với đồi núi;
- Phía Đông giáp đồi núi.

➤ Khu vực sản công nghiệp với diện tích 3,3080ha có tọa độ như sau:

**Bảng 1. 2. Tọa độ khu vực bãi chế biến**

TT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105 <sup>0</sup> 30' múi 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y(m)
1	A	1990979	594393
2	B	1990840	594643
3	C	1990708	594552
4	D	1990781	594461
5	E	1990928	594344

Ranh giới xung quanh khu vực bãi chế biến như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất lâm nghiệp;
- Phía Đông Nam giáp hành lang an toàn;
- Phía Tây Bắc giáp đất lâm nghiệp;
- Phía Tây Nam giáp đất lâm nghiệp.

➤ **Mối tương quan của dự án với các đối tượng kinh tế - xã hội**

- Cách cơ sở 250m về phía Tây là Mỏ đá khe Rò.
- Cách cơ sở 300m về phía Bắc là khu nghĩa trang.
- Cách cơ sở 550m về phía Đông Bắc là mỏ đá Kỳ Liên.
- Cách cơ sở 1,2km về phía Đông Bắc là công ty Haindeco.
- Cách cơ sở 950m về phía Bắc là Khu công nghiệp Phú Vinh.

➤ **Mối tương quan của Dự án với các đối tượng tự nhiên**

- Cạnh cơ sở có khe Lau chảy qua, lưu lượng phụ thuộc vào điều kiện lượng mưa khu vực. Khe Lau bắt nguồn từ vùng núi cạnh khu vực cơ sở được hợp thành từ khe Đá Rò và khe Ngọ Su, khe chảy về kênh tách nước phân lũ thị xã Kỳ Anh và cuối cùng nhập với sông Quyền.

- Cách cơ sở 4,8km về phía Tây Bắc là hồ Tàu Voi có vị trí tại phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh với dung tích 7,5 triệu m<sup>3</sup> nước, nước của hồ Tàu Voi được sử dụng để cung cấp cho Khu kinh tế Vũng Áng.

### **1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án**

*a. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản*

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5478613385 chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 8 năm 2018.

- Giấy phép thăm dò khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường số 3985/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 27 tháng 12 năm 2012 về việc cho phép Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu được thăm dò mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh.

- Quyết định số 1042/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 18 tháng 4 năm 2013 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá xây dựng trong “Báo cáo thăm dò khoáng sản tại khu vực khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh”.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14 tháng 10 năm 2013 về việc cho phép Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Trung Hậu khai thác đá xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá xây dựng khu vực khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 28121000242 ngày 11 tháng 9 năm 2013 của dự án Khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

*b. Các thủ tục đất đai đã thực hiện:*

- Quyết định số 330/QĐ-KKT của Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng ngày 19 tháng 11 năm 2013 về việc cho Công ty Cổ phần xây dựng – Thương mại Trung Hậu thuê đất thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su thuộc xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Hợp đồng thuê đất số 30/2013/HĐTĐ-KKT ngày 19 tháng 11 năm 2013 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Trung Hậu về việc cho phép thuê đất sử dụng vào mục đích khai thác đá xây dựng và khu chế biến đá.

*c. Các thủ tục hồ sơ môi trường đã thực hiện:*

Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác, chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh”.

**1.2.3. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)**

- Dự án có tổng mức đầu tư 17 tỷ đồng thuộc nhóm C theo Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Đối chiếu với quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 điều 28 luật BVMT năm 2020 và thuộc mục số III, phụ lục số IV ban

hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

### **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở**

#### **1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

Khai thác với công suất thiết kế đạt 260.000m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm với tuổi thọ mỏ là 12 năm, trong đó đá hộc (60%) khoảng 156.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm, đá xay khoảng 80.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.

Khối lượng đất phủ được bóc tách từng năm là 13.000m<sup>3</sup>.

Sản lượng khai thác thực tế trong năm 2023 tính đến 31/12: 257.562 m<sup>3</sup>.

#### **1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

##### **1.3.2.1. Công nghệ sản xuất, chế biến đá**

Trên cơ sở đặc điểm địa chất, địa hình khu vực khai thác và phù hợp với hệ thống khai thác đã áp dụng, trình tự khai thác của mỏ được lựa chọn như sau:

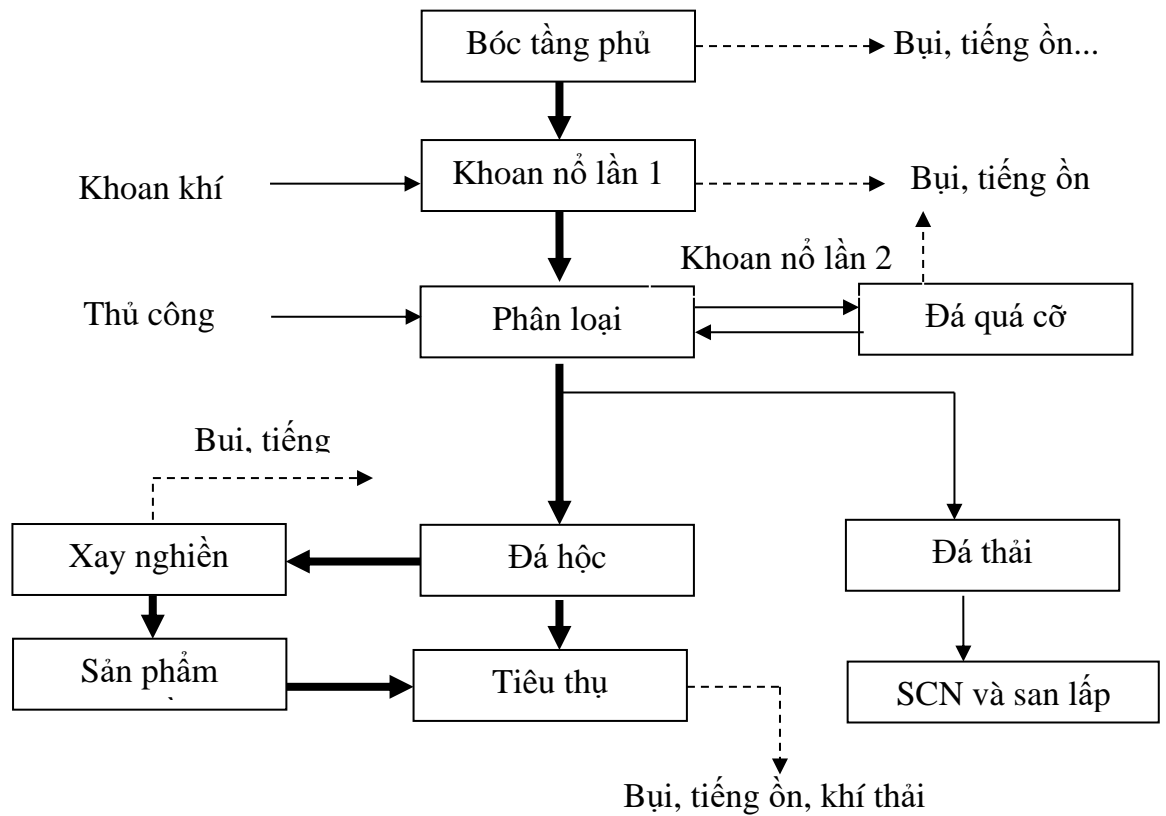
Phần +165m trở lên ở gần điểm 6 sẽ được khai thác hết trong năm đầu tiên nhờ áp dụng hệ thống khai thác khấu theo lớp dốc đứng cắt tầng nhỏ chuyển tải bằng nổ mìn.

Phần +135 trở lên ở diện tích mỏ cũ được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5 được khai thác vào năm thứ 3 nhờ áp dụng hệ thống khai thác khấu theo lớp dốc đứng cắt tầng nhỏ chuyển tải bằng nổ mìn. Còn từ +135 trở xuống sẽ đồng bộ khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp bằng ô tô.

Áp dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp bằng ô tô từ +155 và +165m về +95m.

Mỏ được kết thúc ở +95m sau đó hoàn trả mặt bằng và đóng cửa mỏ ở mức +95,7m.

#### ***Sơ đồ công nghệ khai thác đá***



**Hình 1. 1. Sơ đồ công nghệ khai thác kèm dòng thải**

- Thuyết minh quy trình khai thác:

Công tác bóc tầng phủ được tiến hành bằng máy đào kết hợp với ô tô vận chuyển về khu vực mặt bằng sân công nghiệp và các móng đã khai thác. Sau khi tiến hành mở vỉa và bóc lớp đất phủ, tiến hành khai thác đá bằng vật liệu nổ công nghiệp. Đất đá sau công đoạn nổ mìn gồm nhiều kích cỡ khác nhau sẽ được tiến hành phân loại. Đối với các loại đá có kích cỡ phù hợp với máy nghiền sàng thì tiến hành bốc xúc vận chuyển bằng ô tô đến trạm nghiền. Đối với các tảng đá lớn quá cỡ, đơn vị tiến hành khoan nổ lần 2 hoặc dùng búa thủy lực phá đá để phù hợp với kích cỡ nghiền rồi vận chuyển đến trạm nghiền.

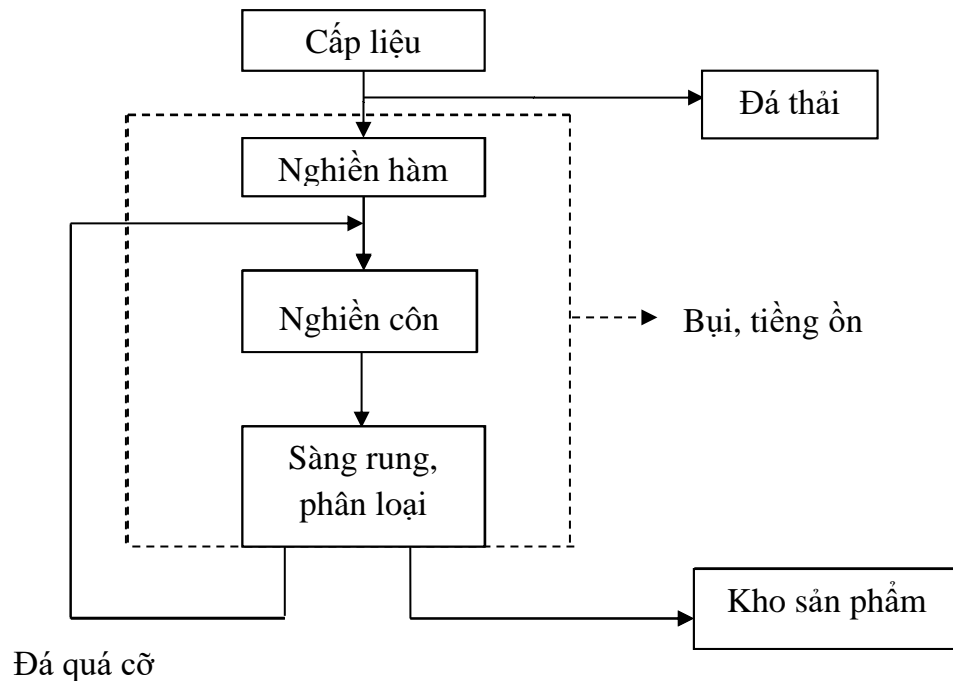
- Công tác nổ mìn:

+ Phương pháp nổ mìn: Công ty chọn phương pháp điều khiển nổ là nổ vi sai phi điện và vi sai điện + dây nổ (dùng cho nổ tạo biên).

+ Hoạt động nổ mìn: Công ty ký hợp đồng nổ mìn với Chi nhánh công nghiệp hóa chất mỏ Hà Tĩnh để thực hiện hoạt động nổ mìn nên tại mỏ không bố trí kho chứa vật liệu nổ.

+ Thời gian nổ mìn: Mùa Hè (từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 10): Từ 10h30' đến 11h00' (buổi sáng) và từ 17h00' đến 17h30' (buổi chiều). Mùa Đông (từ ngày 16 tháng 10 năm trước đến ngày 15 tháng 4 năm sau): Từ 11h00' đến 11h30' (buổi sáng) và từ 16h30' đến 17h00' (buổi chiều), trừ ngày nghỉ lễ tết theo quy định hiện hành.

**\* Sơ đồ công nghệ chế biến đá:**



**Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ chế biến sản phẩm**

**\* Thuyết minh quy trình chế biến sản phẩm**

Đá sau khi khai thác từ khai trường được vận chuyển bằng ô tô về đổ vào bun ke cấp liệu rung. Đá được cấp liệu rung vào máy đập hàm, sản phẩm của máy đập hàm được băng tải vận chuyển lên sàng phân loại 2 tầng lưới 4 & 6cm. Cấp hạt +6cm được đưa vào máy nghiền côn, sản phẩm sau máy nghiền côn cấp trở lại sàng, cấp hạt 4-6cm được băng tải vận chuyển đổ đống để tiêu thụ. Cấp hạt 4cm được cấp lên sàng phân loại hai tầng lưới 1 & 2cm. Sản phẩm đá 1x2 và đá 2x4 được băng tải vận chuyển đổ đống để tiêu thụ, đá mặt được băng tải vận chuyển và đổ đống.

Hiện tại mỏ đã xây lắp 02 trạm nghiền sàng công suất 150 tấn/h để phục vụ sản xuất đá thành phẩm.

**1.3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Sản phẩm chính của cơ sở là đá xây dựng. Đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Công suất khai thác của mỏ là 260.000m<sup>3</sup>/năm (tương đương 200.000 m<sup>3</sup> nguyên khối/năm với 1,3 là hệ số nở rời từ đá nguyên khối thành đá nguyên khai).

- Sản phẩm từ đá:

+ Đá hộc: chiếm 60%, trung bình 156.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;

+ Đá xây: chiếm 40% tương đương 80.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;

- + Đá dăm máy 4x6mm: chiếm 15%, trung bình 12.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá dăm 2x4mm: chiếm 15%, trung bình 12.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá dăm 1x2mm loại 1: chiếm 20%, trung bình 16.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá dăm 1x2mm loại 2: chiếm 20%, trung bình 16.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm;
- + Đá dăm 0,5x1mm: chiếm 15%, trung bình 12.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.
- + Đá bẫy rải đường: chiếm 10%, trung bình 8.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.
- + Bột đá: chiếm 5%, trung bình 4.000m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.

#### **1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

##### **1.4.1. Nhu cầu sử dụng điện, nhiên liệu**

- Công ty đã xây dựng một trạm biến áp 560KVA, nguồn điện được lấy từ nguồn điện lưới đã có gần khu vực mỏ.

- Nhu cầu nhiên liệu cho hoạt động tại mỏ chủ yếu là dầu dùng cho máy xúc, máy đào, loại dầu chủ yếu là dầu DO. Dầu được trữ trong thùng loại 200 lít, nhu cầu sử dụng nhiên liệu lớn nhất trong ngày là 60 lít/ngày tương đương 1.800 lít/tháng.

##### **1.4.2. Nhu cầu sử dụng nước**

###### **a. Nguồn cung cấp**

- Nước phục vụ sinh hoạt: Lấy từ nguồn nước khe Đá Rò cạnh khu vực cơ sở.

- Nước cho hoạt động sản xuất, tưới ẩm giảm bụi: Được lấy từ khe Đá Rò cạnh khu vực cơ sở và bơm nước từ hồ chứa nước cạnh khu nhà điều hành.

###### **b. Nhu cầu sử dụng**

- Nhu cầu nước cho sinh hoạt:

Số lượng công nhân viên làm việc tại khu mỏ là 25 người, công nhân viên tại khu mỏ chủ yếu là người dân địa phương. Định mức cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt là 100 lít/người/ngày. Vì vậy, lượng nước phục vụ sinh hoạt tại khu mỏ là:

$$25 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = 2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nhu cầu nước cho sản xuất:

Nước sử dụng cho sản xuất chủ yếu từ các hoạt động như: Phun sương giảm bụi các máy nghiền sàng, tưới đường để giảm bụi... Lượng nước sử dụng

cho sản xuất cụ thể như sau:

+ *Lượng nước sử dụng cho trạm nghiền sàng:* 01 trạm là 0,5 m<sup>3</sup>/h. Mỗi máy trung bình ngày làm việc 8 giờ, lượng nước yêu cầu cho 03 trạm nghiền sàng tương ứng với 12m<sup>3</sup>/ngày.

+ *Lượng nước sử dụng để tưới đường:* Tại khu mỏ chủ dự án có trang bị 01 xe tưới đường, có dung tích bồn chứa nước 5m<sup>3</sup>.

**Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án**

STT	Đối tượng dùng nước	Quy mô	Định mức	Nhu cầu dùng nước (m <sup>3</sup> /ngày)	Nguồn cung cấp
<b>I</b>	<b>Nhu cầu nước cho sản xuất</b>				
1	Trạm nghiền	3 trạm	0,5 m <sup>3</sup> /h/trạm	12	Hồ lắng, nước khe suối
2	Tưới đường	2 lần	5 m <sup>3</sup> /lần	10	
<b>II</b>	<b>Nhu cầu nước cho sinh hoạt</b>				
1	Công, nhân viên	25 người	100 lít/người/ngày	2,5	Nước khe suối
<b>Tổng cộng</b>				<b>24,5</b>	

Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước tại mỏ là 24,5 m<sup>3</sup>/ngày.

#### 1.4.3. Nhu cầu sử dụng máy móc

**Bảng 1. 4. Tổng hợp máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khai thác, chế biến**

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Máy xúc thủy lực Komatsu WA380	chiếc	1
2	Máy xúc Komatsu PC450	chiếc	3
3	Ô tô vận chuyển 10 Tấn	chiếc	2
4	Máy nghiền thô kẹp hàm PE 500x750	cái	3
5	Máy nghiền hàm thứ cấp PE 250x1200	cái	3
6	Máy nghiền búa PF-A-1010	cái	3
7	Băng chuyền	cái	3
8	Khoan BMK5	cái	1
9	Khoan cầm tay Y19A	cái	1
10	Máy hàn	cái	1
11	Trạm biến áp 560KVA	trạm	1



<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>
12	Trạm cân điện tử 120T	trạm	1

#### **1.4.4. Nhu cầu sử dụng thuốc nổ**

Thuốc nổ và phương tiện nổ sử dụng cho mỏ đá được lấy theo danh mục quy định của Bộ Công nghiệp.

Công ty đã ký hợp đồng mua bán vật liệu nổ công nghiệp số 169/HĐMB/A11/2023 với Tổng Công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp Quốc phòng để cung cấp thuốc nổ và các phương tiện nổ với số lượng vừa đủ cho từng đợt nổ.

Công ty đã xây dựng 01 kho chứa vật liệu nổ vị trí đặt tại khu phía Đông của mỏ. Công ty có đội ngũ quản lý, chỉ huy và đội nổ mìn có chứng chỉ, trình độ và được huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động nổ mìn.

+ Số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng trong 1 năm: thuốc nổ các loại 99.000kg, kíp nổ các loại 9.240 cái, dây nổ các loại 39.820 mét.

+ Loại thuốc nổ sử dụng tại mỏ:

**Bảng 1. 5. Khối lượng vật liệu nổ năm 2023**

<b>STT</b>	<b>Loại vật liệu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Khối lượng/năm</b>
1	Thuốc nổ	Kg	99.000
2	Kíp	Chiếc	9.240
3	Dây cầu	m	46.200
4	Dây nổ	m	39.820

#### **1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

##### **1.5.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở**

Mỏ đá xây dựng khe Ngổ Su thuộc địa phận xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh được cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 779/XN-UBND ngày 12/10/2010 do UBND huyện Kỳ Anh cấp.

Ngày 06/9/2011 Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng có Quyết định số 711/QĐ-KKT về việc cho Công ty cổ phần xây dựng Thương mại Trung Hậu thuê đất thực hiện dự án Khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Đá Rò, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Diện tích đất cho thuê là 28.000m<sup>2</sup> đất sử dụng vào mục đích khai thác và chế biến đá xây dựng, trong đó diện tích đất để khai thác đá là 13.000m<sup>2</sup>, diện tích làm khu chế biến là 15.000m<sup>2</sup>.

Do nhu cầu khai thác và đảm bảo chiều cao vận hành an toàn khai thác công ty đã tiến hành làm thủ tục pháp lý mở rộng diện tích khai thác mỏ từ 1,3ha

lên 7,0ha, khu vực sân công nghiệp từ 1,5ha lên 3,3080ha.

Công ty được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh cấp cho dự án “Đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh”.

Ngày 14/10/2013 Công ty cổ phần xây dựng Thương mại Trung Hậu được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh với diện tích khai thác 7ha.

Công ty đã đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác tại văn bản ngày 15/10/2013.

Ngày 19/11/2013 Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng có Quyết định số 330/QĐ-KKT về việc cho Công ty cổ phần xây dựng Thương mại Trung Hậu thuê đất thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su thuộc xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Diện tích đất cho thuê là 90.080m<sup>2</sup> đất sử dụng vào mục đích khai thác và chế biến đá xây dựng, trong đó diện tích đất để khai thác đá là 57.000m<sup>2</sup>, diện tích làm khu chế biến là 33.080m<sup>2</sup>.

Thiết kế mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 14/QĐ-CT ngày 05/01/2014.

Công trình chính thức đi vào hoạt động vận hành trong năm 2015 cho đến nay.

### **1.5.2. Tuổi thọ của mỏ**

Tuổi thọ của mỏ được xác định theo công thức sau:  $T = T_1 + T_2$  (năm)

Trong đó:

$T_1$ : Thời gian khai thác mỏ, năm

$$T_1 = \frac{V - V_{mv}}{A_n} + \frac{2.228.222,44 - 11.416}{200.000} = 11,1 \text{ năm.}$$

Ở đây:

V: Trữ lượng đá khai thác được (đã trừ đai bảo vệ và đất phủ)  
2.228.222m<sup>3</sup> nguyên khối;

$V_{mv}$ : Khối lượng đá khai thác được trong giai đoạn mở vỉa, 11.416m<sup>3</sup> nguyên khối;

$A_n$ : Công suất khai thác mỏ (260.000m<sup>3</sup>/năm = 200.000m<sup>3</sup> nguyên khối/năm);

$T_2$ : Thời gian xây dựng cơ bản:  $T_2 = 0,9$  năm;

Thay số tính được:  $T = 11,1 + 0,9 = 12$  năm.

Vậy tuổi thọ của mỏ là: 12,0 năm.

### 1.5.3. Hiện trạng các hạng mục công trình

Khi cơ sở đi vào hoạt động, để phục vụ cho công tác khai thác mỏ thì Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông nội mỏ, đường điện, trạm biến áp, khu văn phòng, nhà ăn, trạm nghiền sàng, trạm cân, bãi tập kết đá nguyên liệu và đá thành phẩm, hiện tại các công trình vẫn đang hoạt động bình thường. Đối với công tác bảo vệ môi trường, cơ sở luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Cơ sở đã hoàn thành xây dựng các công trình hồ lắng thu gom nước mưa chảy tràn, xây dựng công trình bể tự hoại thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt và chứa rác thải nguy hại...

Thông kê các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 1. 6. Thông kê các hạng mục công trình**

<b>TT</b>	<b>Các hạng mục công trình</b>	<b>DVT</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Hiện trạng</b>
1	Khu văn phòng	m <sup>2</sup>	2.045	Đang sử dụng
-	Nhà quản lý, điều hành	m <sup>2</sup>	123	Đang sử dụng
-	Nhà kho, xưởng bảo dưỡng	m <sup>2</sup>	90	Đang sử dụng
-	Nhà nghỉ nhân viên	m <sup>2</sup>	260	Đang sử dụng
-	Cây xanh	m <sup>2</sup>	250	Đang sử dụng
-	Sân đường	m <sup>2</sup>	1.322	Đang sử dụng
2	Khu sản xuất	m <sup>2</sup>	7.710,8	Đang sử dụng
-	Khu chế biến đá	m <sup>2</sup>	6.738,8	Đang sử dụng
-	Bãi chế biến đá	m <sup>2</sup>	2.738,8	Đang sử dụng
-	Bãi chứa vật liệu đá sản xuất	m <sup>2</sup>	2.000	Đang sử dụng
-	Bãi chứa đá thành phẩm	m <sup>2</sup>	2.000	Đang sử dụng
-	Giao thông	m <sup>2</sup>	972	Đang sử dụng
3	Trạm biến áp	m <sup>2</sup>	4	Đang sử dụng
4	Kho vật liệu nổ	m <sup>2</sup>	100	Đang sử dụng



**Hình 1. 3. Khu nhà nghỉ công nhân**



**Hình 1. 4. Khu vực sửa chữa máy móc**



**Hình 1. 5. Khu vực bãi chế biến**



**Hình 1. 6. Khu vực moong khai thác**

#### **1.5.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của cơ sở**

Tổng diện tích của mỏ là 90.080m<sup>2</sup>. Trong đó khu vực khai thác có diện tích 57.000m<sup>2</sup>, khu vực bãi chế biến có diện tích 33.080m<sup>2</sup>.

Diện tích khu vực khai thác 7ha được quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND ngày 14/10/2013, hiện công ty đang khai thác nằm trong phần diện tích 57.000m<sup>2</sup> (diện tích 13.000m<sup>2</sup> là diện tích khu khai thác cũ không còn sử dụng khai thác).

Khu vực bãi chế biến diện tích 33.080m<sup>2</sup> hiện đang vận hành 03 trạm nghiền sàng, trong đó 2 trạm công suất 150 tấn/giờ và một trạm công suất 250 tấn/giờ, khu vực để sản phẩm sau nghiền sàng. Diện tích đã được Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng có Quyết định số 330/QĐ-KKT ngày 19/11/2013 cho công ty thuê đất phục vụ cho mục đích khai thác và làm bãi chế biến đá.

Diện tích khu đất bãi chế biến hiện nay là 33.080m<sup>2</sup> có sai khác với diện tích 3,3745ha đã được thể hiện trong nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường là do diện tích được điều chỉnh để phù hợp với quá trình đo đạc hiện trạng khu đất.

#### **1.5.5. Tổ chức quản lý sản xuất tại mỏ**

Cấu tổ chức lao động làm việc tại mỏ như sau:

- Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ các công việc ở mỏ từ khâu khai thác, chế biến, đến tiêu thụ sản phẩm chung của cả Cơ sở.
- Phó giám đốc kỹ thuật trực tiếp thực hiện công việc sản xuất hàng ngày tại mỏ.
- Giám đốc điều hành mỏ.
- Trưởng công trường, các tổ trưởng sản xuất.
- Bộ phận gián tiếp gồm các khâu như: Kế toán sản phẩm, thống kê, Kỹ thuật sửa chữa,....

Hiện nay mỏ đang hoạt động sản xuất ổn định nên số lao động tùy thuộc vào từng giai đoạn, nhưng tối đa cao nhất là 25 người.

## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

➤ Sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung của tỉnh

Dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 ngày 22/8/2014 của Thủ tướng chính phủ và Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 07/12/2012.

Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su thuộc Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh phù hợp với Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng phát triển khu kinh tế trong đó nêu rõ: “*Sản xuất vật liệu xây dựng: Khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến nhằm phát triển khác loại vật liệu xây dựng sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trên địa bàn như thép, xỉ lò cao, đá, cát với chất lượng cao; sản xuất các cấu kiện bê tông và các vật liệu cao cấp có giá trị lớn phục vụ thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cao nhằm hạn chế nhập khẩu*”.

➤ Sự phù hợp của dự án về phân vùng môi trường:

Hiện tại, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đang được xây dựng theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, tại khu vực Cơ sở đang hoạt động chưa có quy hoạch phân vùng môi trường nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có cơ sở để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường.

Theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 cơ sở không nằm trong danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su tại phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điều 28, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Vị trí dự án không ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ nguồn nước, diện tích đất trồng lúa, đất rừng, vùng đất ngập nước quan

trọng, công trình di tích lịch sử, di sản thiên nhiên... cũng như các quy định khác có liên quan. Như vậy, vị trí dự án không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải theo quy định chung về phân vùng môi trường tại điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su tại phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 10/04/2015.

➤ Về sự phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su tại phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 của thị xã Kỳ Anh ban hành kèm theo Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 26/8/2022: diện tích khu vực khai thác quy hoạch là đất sản xuất vật liệu xây dựng.

## **2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là khe Lau gần khu vực cơ sở, khe Lau bắt nguồn từ khe Đá Rò và khe Ngọ Su có điểm đầu thuộc khu vực núi đá phường Kỳ Long nhập thành. Khe Lau chảy xuống khu vực kênh tách nước phân lũ sau đó nhập vào sông Quyển.

Lưu lượng dòng khe Lau không có dữ liệu đo đạc do vậy để có số liệu dòng chảy khe Lau đơn vị tư vấn đã tiến hành đo đạc trên đoạn khe Lau với phương pháp như sau:

Phương pháp đo đạc bằng cách thả phao để tính toán lưu lượng nước khe Lau (theo Giáo trình: Đo đạc và chỉnh lý số liệu Thủy văn của Nguyễn Thanh Sơn - Nguyễn Quý Phương, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2003).

Phương pháp thực hiện như sau:

- Điều kiện:

+ Phao đo là 1 cái chai có đựng 1 ít nước để 1 phần chai chìm.

+ Chọn đoạn khe thẳng, dòng nước chảy ổn định.

- Kết quả tính toán trung bình cho hai lần đo:

+ Chiều dài đoạn khe sử dụng tính toán (L): 20m.

+ Thời gian phao trôi (T): 50s.

- Lưu tốc dòng chảy trên khe:  $V = L/T = 20/50 = 0,4\text{m/s}$

+ Chiều rộng mặt khe ( $R_1$ ) là: 1,8 m.

+ Chiều sâu của mực nước (H) là: 0,25m.

+ Chiều rộng của đáy ( $R_2$ ) là: 1,4 m

+ Diện tích mặt cắt của khe:  $S = \{(R_1 + R_2)/2\} \times H = \{(1,8\text{m} + 1,4\text{m})/2\} \times$



0,25m = 0,4 m<sup>2</sup>.

Từ các thông số đo đạc được ta tính được lưu lượng khe là:  $Q = V \times S = 0,4 \times 0,4 = 0,16\text{m}^3/\text{s}$ , đây chính là cơ sở để đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của cơ sở.

### **- Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận**

Do nguồn nước đang đánh giá được sử dụng cho mục đích thoát nước và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp hơn nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng nước mặt QCVN 08:2023 (Mức B). Phương pháp đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

### **Đánh giá khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của khe Lau như sau**

**\* Công thức đánh giá:  $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$**

Trong đó:

$L_{tn}$ : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày.

$L_{td}$ : Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày.

$L_{nn}$ : Tải lượng của thông số chất lượng hiện có trong nguồn nước của đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày.

$F_s$ : Hệ số an toàn.  $F_s = 0,7 - 0,9$ .

**✓ Tính toán tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt:**

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

$C_{qc}$ : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l.

$C_{qc}$  được tính toán tại bảng giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước mặt Mức B, Bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT;

$Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá và được xác định theo quy định là m<sup>3</sup>/s (lưu lượng nhỏ nhất khe Lau là 0,16m<sup>3</sup>/s).

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m<sup>3</sup>/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Từ các giá trị  $C_{qc}$ ,  $Q_s$  ở trên ta có thể tính toán được tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm như sau:

### **Bảng 2. 1. Tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước mặt có thể tiếp nhận ( $L_{td}$ )**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT (mg/l)	Ltd (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	mg/l	6	82,9
2	COD	mg/l	15	207,4
3	Amoni	mg/l	0,3	4,1
4	Nitrat	mg/l	1,5	20,7
5	Photphat	mg/l	0,3	4,1

**\* Tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước:**

$$L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

$C_{nn}$ : Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l.  
 $C_{nn}$  được xác định tại chất lượng của nguồn nước tiếp nhận;

$Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m<sup>3</sup>/s.

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m<sup>3</sup>/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Từ các giá trị  $C_{nn}$ ,  $Q_s$  đã xác định ở trên, ta có thể tính toán được tải lượng của các chất lượng nước hiện có trong nguồn nước như sau (được tổng hợp kết quả quan trắc mạng lưới môi trường định kỳ của Trung tâm Quan trắc môi trường Hà Tĩnh):

**Bảng 2. 2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (Lnn)**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	Lnn (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	mg/l	2,1	29,0
2	COD	mg/l	8	110,6
3	Amoni	mg/l	0,05	0,7
4	Nitrat	mg/l	1,4	19,4
5	Photphat	mg/l	0,005	0,1

**\* Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải:**

- Khả năng tiếp nhận nước thải của khe Lau đoạn qua khu vực mỏ được tính như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$$

Trong đó:  $F_s$ : Hệ số an toàn, chọn  $F_s = 0,8$ .

**Bảng 2. 3. Khả năng tiếp nhận nước thải của khe Lau khu vực mỏ**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Ltn (kg/ngày)
----	--------------------	--------	---------------

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:**  
*Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

---

1	BOD <sub>5</sub>	mg/l	43,1
2	COD	mg/l	77,4
3	Amoni	mg/l	2,8
4	Nitrat	mg/l	1,1
5	Photphat	mg/l	3,3

**Kết luận:** Từ kết quả tính toán thông số  $L_{tn}$  cho thấy khe Lau có khả năng tiếp nhận đối với các thông số đặc trưng như BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni, Nitrat, Photphat cho các chỉ số  $L_{tn} > 0$ , nguồn nước còn có khả năng tiếp nhận nước thải của Dự án.

**Chương III**  
**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

**3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

**a. Khu vực khai thác**

- Nước mưa mang theo các vật liệu rơi vãi trên bề mặt nên đặc trưng ô nhiễm của nước mưa chảy tràn trong hoạt động khai thác đá chủ yếu là cặn lắng có nguồn gốc từ bụi đá, ngoài ra còn có nguy cơ bị ô nhiễm dầu mỡ do các thiết bị vận tải rò rỉ. Lượng nước thải này sẽ được thu gom về hồ lắng, sau đó theo đường cống BTCT dẫn ra mương thoát nước chảy ra khe Lau.

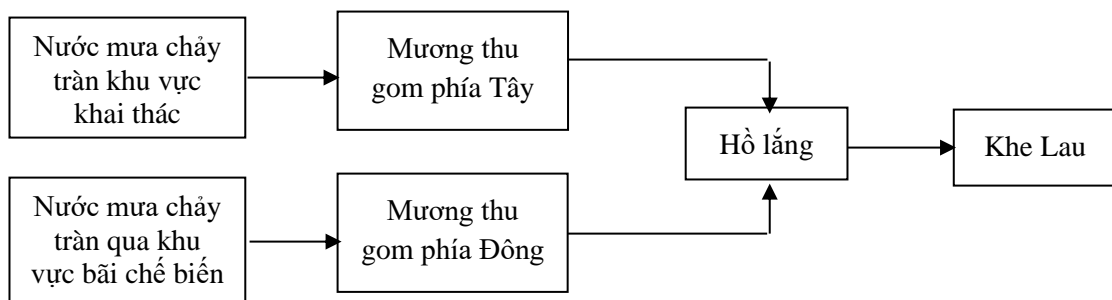
- Sử dụng phương án thoát nước theo hình thức tự chảy và theo độ dốc địa hình. Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ được thu gom theo hướng thoát nước chính như sau: Tuyến mương thoát nước dọc tuyến đường vận chuyển nội mỏ thu gom nước mưa chảy tràn từ phía Tây Bắc đổ về. Tuyến mương này được gia cố bằng đất có chiều rộng 1m, chiều sâu 0,5m, tổng chiều dài 250m về nhập cùng tuyến thoát nước của khu vực chế biến. Sau đó dẫn về hồ lắng diện tích mặt hồ 450m<sup>2</sup>, độ sâu trung bình hồ 2,5m, thể tích hồ 1.125m<sup>3</sup>. Nước mưa chảy tràn sau khi lắng qua hồ được dẫn thoát vào khe Lau bằng cống thoát nước BTCT D1000.

**b. Khu vực chế biến**

- Nước mưa chảy tràn chảy theo độ dốc địa hình về tuyến mương chạy dọc phía Nam hướng lên Bắc của khu vực bãi chế biến.

+ Tuyến rãnh thoát nước dài 320 từ khu vực chế biến về khu vực hồ lắng. Rãnh thoát nước theo độ dốc địa hình được đào trên nền đất có chiều rộng 1m, chiều sâu 0,5m.

- Nước mưa chảy tràn khu chế biến được dẫn vào hồ lắng cùng với nước mưa chảy tràn ở khu vực khai thác về hồ lắng để lắng sau đó tự chảy ra khe Lau.



**Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước**



**Hình 3. 2. Mương thu gom nước mưa chảy tràn**



**Hình 3. 3. Cổng D1m thoát nước mưa**

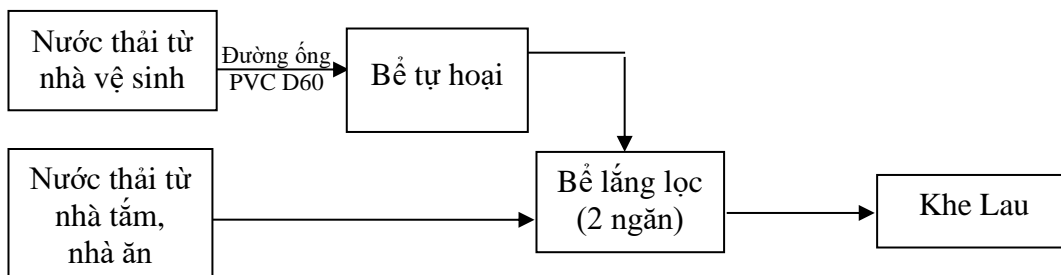
### **3.1.2. Thu gom, thoát nước thải**

- Hiện nay tại khu vực văn phòng đã có nhà vệ sinh để phục vụ nhân viên, công nhân sinh hoạt. Tổng số lao động tại mỏ là 25 người. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,5m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải từ khu vực nấu ăn, nhà tắm: Nước thải từ khu vực này được thu gom về bể lắng lọc để xử lý cùng với nước thải sau bể tự hoại.

- Khu vực nhà vệ sinh: Nước thải sinh hoạt được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sau đó chảy vào hệ thống bể lắng và bể lọc sau đó chảy ra khe Lau bằng rãnh thoát nước.

- Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải:



**Hình 3. 4. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải**



**Hình 3. 5. Bể lắng lọc nước thải sinh hoạt**

### **3.1.3. Xử lý nước thải**

#### **3.1.3.1. Xử lý nước mưa chảy tràn**

Lưu lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực được tính toán như sau (*theo Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước - TS. Lê Trình*):

$$Q = 0,278 \times K \times I \times A (*)$$

Trong đó:

Q - Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn (m<sup>3</sup>/s).

K - Hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất. Với đặc điểm bề mặt đất là đất bị đào xới và tùy theo độ dốc K = 0,1 ÷ 0,35, trung bình lấy K = 0,2.

I: Cường độ mưa trung bình trong khoảng thời gian có lượng mưa cao nhất, lấy lượng mưa ngày lớn nhất: 409,6mm/ngày, tương đương 17,06mm/h.

A - Diện tích khu vực khai thác và diện tích khu vực bãi chế biến (km<sup>2</sup>),  
A = 90.080x 10<sup>-6</sup> km<sup>2</sup>.

Từ đó ta tính được lưu lượng nước mưa lớn nhất như sau:

$$Q = 0,278 \times 0,2 \times 17,06 \times 90.080 \times 10^{-6} = 0,085 \text{ (m}^3\text{/s)} = 307,6 \text{ m}^3\text{/h.}$$

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực khai thác và bãi chế biến có tổng lưu lượng 307,6m<sup>3</sup>/h. Nước mưa chảy tràn từ tuyến mương phía Đông và phía Tây khu mỏ về hồ lắng để lắng lọc cơ học. Sau đó nước mưa chảy tràn từ hồ lắng này được dẫn chảy về nguồn tiếp nhận là khe Lau cạnh khu vực dự án.

- Hệ thống hồ lắng gồm hồ kết cấu bằng đất, kích thước như sau: Hồ lắng kích thước BxLxH=15x30x2,5m, hồ diện tích bề mặt 450m<sup>2</sup>, thể tích là 1.125m<sup>3</sup>.

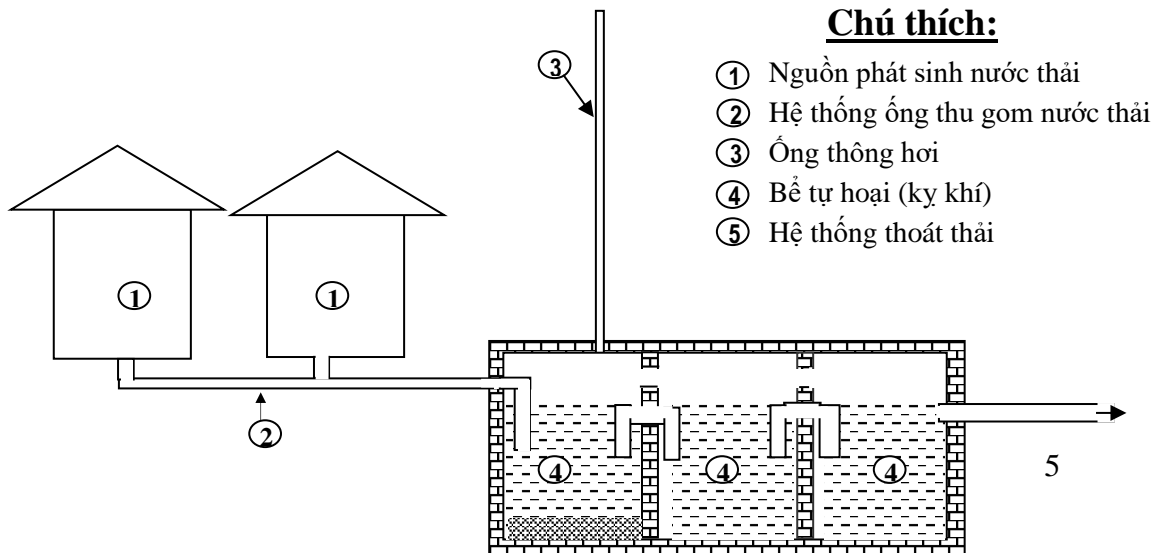


**Hình 3. 6. Hồ lắng nước mưa chảy tràn tại mỏ**

### **3.1.3.2. Xử lý nước thải sinh hoạt**

- *Bể tự hoại 03 ngăn*

+ Lượng nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh sẽ được dẫn vào bể tự hoại cải tiến để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Hiện tại, Công ty đã xây dựng 01 bể tự hoại kích thước BxLxH=1,6x2,0x1,7 ba ngăn với tổng thể tích là 5,44m<sup>3</sup> đặt ngầm dưới khu vực nhà nghỉ nhân viên.

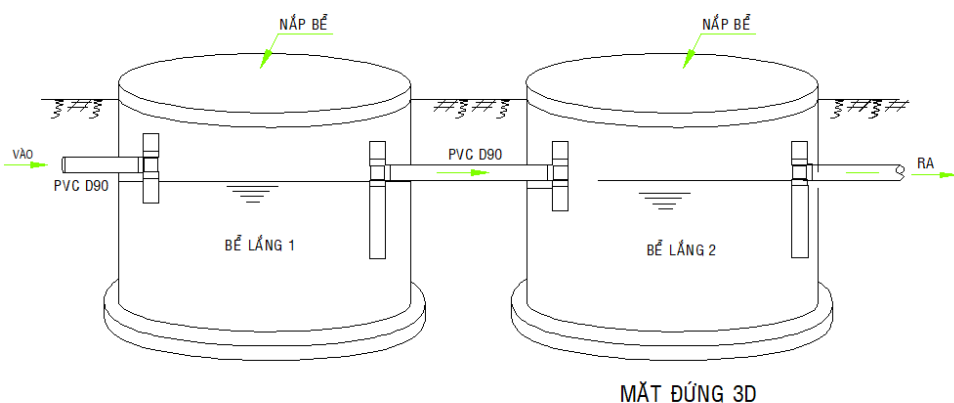


**Hình 3. 7. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại ba ngăn**

+ Bể tự hoại gồm có 3 ngăn, ngăn thứ nhất có vai trò lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải vào. Ngăn tiếp theo là ngăn lên men axit, tiếp đến là ngăn lên men kiềm. Nhờ các vách ngăn hướng dòng ở những ngăn này mà nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, các chất bẩn được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>O, CH<sub>4</sub>, H<sub>2</sub>S. Ngăn cuối cùng là ngăn rút nước có tác dụng điều hoà lưu lượng nước thoát ra và giữ lại một phần cặn lắng. Hiệu quả xử lý chất lơ lửng đạt 65-70%, BOD<sub>5</sub> đạt 60-65%.

*- Bể lắng lọc 02 ngăn*

Nước thải sau các bể tự hoại sẽ cùng với nước rửa chân tay được dẫn vào 02 bể lắng lọc dạng ống bi tròn có kích thước mỗi bể D800, sâu 1,0m, thành dày 100mm, đáy lót bê tông M200#, một bể có chức năng lắng và một bể có chức năng lọc. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột B, K=1,2 trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là khe Lau.



**Hình 3. 8. Bể lắng lọc 02 ngăn**



### **3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

#### ***a. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải đối với hoạt động khai thác đá***

✓ *Đối với công tác bóc tầng phủ*

- Bóc tầng phủ theo phương pháp cuốn chiếu, khai thác đến đâu, bóc tầng phủ đến đó. Như vậy, sẽ duy trì được thảm cây xanh trong khu vực và hạn chế phá bỏ khi chưa cần thiết.

- Xe vận tải chở đất bóc phải lót kín sàn xe, thùng xe được phủ bạt để giảm sự rơi vãi đất trên đường vận chuyển và phát tán bụi.

- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Phun nước tưới ẩm để hạn chế bụi tại khu vực này.

✓ *Đối với công tác khoan lỗ mìn.*

- Thường xuyên tiến hành tưới ẩm tại những vị trí phát sinh bụi trong khu vực khai trường.

- Trong công tác khoan tạo lỗ mìn, sử dụng các loại máy khoan có sử dụng hỗn hợp nước – khí nén nhằm giảm thiểu bụi.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, găng tay, áo, mũ, khẩu trang ... cho công nhân làm việc.

✓ *Đối với công tác nổ mìn*

- Công ty đã ký hợp đồng mua bán vật liệu nổ công nghiệp số 169/HĐMB/A11/2023 với Tổng Công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp Quốc phòng để cung cấp thuốc nổ và các phương tiện nổ với số lượng vừa đủ cho từng đợt nổ.

- Xây dựng nội quy an toàn nổ mìn, quản lý vật liệu nổ và thực hiện nghiêm chỉnh theo quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2019/BCT.

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy định an toàn nổ mìn, thời điểm kích nổ tránh lúc gió to, thực hiện nổ mìn theo lịch theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh như sau: 11h00' đến 11h30' (buổi sáng) và từ 17h00' đến 17h30' (buổi chiều).

- Đã lập các bảng nội quy, bố trí bảng hiệu, biển báo, còi tín hiệu trong khu vực dự án.

- Các bảng nội quy được đặt tại khu vực nhà điều hành, khu vực chế biến, khu vực khai thác, khu vực nổ mìn.

- Bố trí lỗ khoan và lượng thuốc nổ theo đúng thiết kế.

- Áp dụng phương pháp nổ vi sai.

Các biện pháp trên hiện đang được áp dụng hầu hết ở các mỏ khai thác đá lộ thiên và đạt được hiệu quả cao nên sẽ được dự án tiếp tục duy trì trong thời

gian tới.

***b. Giảm thiểu bụi và khí thải trong hoạt động giao thông***

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển đất, đá đi tiêu thụ; cam kết không chở quá thành xe, không chở quá tải trọng thiết kế.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển tiên tiến, bảo đảm các yêu cầu về đăng kiểm.

- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và bảo đảm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt, ít gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Công nhân lái xe được học tập đầy đủ các luật về an toàn giao thông và các quy định lưu thông xe, các quy phạm an toàn trong vận tải mỏ.

- Lưu thông với tốc độ chậm để hạn chế bụi cát bị cuốn lên từ mặt đất.

- Thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển ra vào khu mỏ để giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển.

- Cương quyết ngưng vận chuyển, xử lý nghiêm đối với những xe, lái xe không thực hiện đúng và đảm bảo yêu cầu về môi trường hoặc khi có sự khiếu kiện của người dân về môi trường do phương tiện vận chuyển gây ra.

- Các xe vận chuyển đất, đá đi tiêu thụ phải đảm bảo về vệ sinh, tránh tình trạng đất, bùn bám vào bánh xe rơi vãi trên các tuyến đường nhất là vào những ngày mưa. Ngừng hoạt động đối với những xe không đảm bảo được vấn đề vệ sinh, để tránh tình trạng gây ô nhiễm môi trường trên các tuyến đường xe vận chuyển đi qua và ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

***c. Giảm thiểu bụi và khí thải trong khu vực chế biến đá***

- Khu vực bãi chế biến là một trong những khu vực phát sinh ra nhiều bụi nhất trong khu vực khai thác và chế biến, bởi vậy Công ty đã tiến hành xử lý bằng biện pháp phun ẩm dập bụi hàng ngày tại khu vực nghiền sàng.

- Trồng cây xung quanh khu sân công nghiệp, nhà điều hành, nhà nghỉ công nhân, hai bên đường giao thông ra vào mỏ để giảm thiểu tiếng ồn, lọc không khí và giảm lượng bụi phát tán (keo lá tràm).

- Thường xuyên phun tưới ẩm tại bãi tập kết đá thành phẩm để giảm thiểu lượng bụi phát tán.

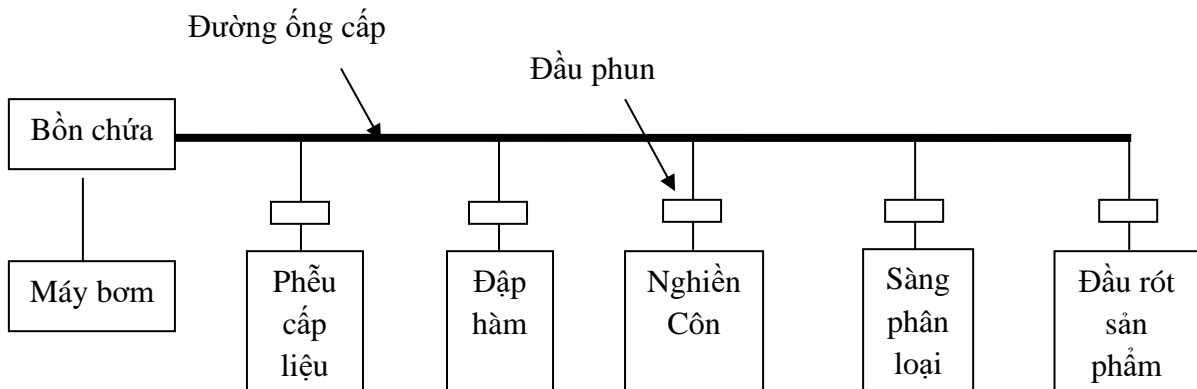
- Công ty đã lắp đặt 03 hệ thống phun ẩm tại khu vực chế biến đá cho 03 máy nghiền sàng, mỗi hệ thống lắp đặt 5 đầu phun/hệ thống.

- Các loại thiết bị dùng để lắp đặt hệ thống phun ẩm:

+ Máy bơm: 03 máy bơm Pentax 2HP.

+ Nước được bơm từ 01 hồ chứa nước thể tích 200m<sup>3</sup> trên khu vực khai thác.

+ Hệ thống đường dẫn chính bằng nhựa HDPE D34: 3 hệ thống.



**Hình 3. 9. Hệ thống phun sương áp suất thấp xử lý bụi khu vực nghiền sàng**

### **3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:**

#### **a. Chất thải rắn sinh hoạt**

- Hiện tại số lượng nhân công đang làm việc tại mỏ là 25 người, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu mỏ khoảng 12,5kg/ngày.

- Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt gồm: Giấy báo, tài liệu, túi nilon, chai lọ, vật liệu bao gói thực phẩm, thức ăn dư thừa...

- Công ty đã bố trí 01 thùng loại 30 lít khu vực nhà văn phòng, 03 thùng thể tích 100 lít/thùng đặt tại khu vực nhà nghỉ công nhân viên để thu gom và phân loại rác thải. Rác hữu cơ, vô cơ và rác tái chế được xử lý như sau:

+ Tận dụng những loại rác như giấy, vỏ chai, lon bia,...có khả năng tái chế để bán phế liệu.

+ Đối với các loại thức ăn dư thừa của công nhân (cơm, canh thừa,...) là loại chất thải dễ phân huỷ và gây mùi hôi thối được chứa vào các thùng có nắp đậy kín và sử dụng làm thức ăn cho gia súc chăn nuôi cho một số hộ dân gần khu vực mỏ.

+ Đối với rác thải bao gồm các loại như túi nilon, nhựa, cao su... được thu gom phân loại riêng sau đó được tập trung thỏa thuận thu gom với hợp tác xã môi trường khu vực.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt bố trí tại khu vực nhà nghỉ công nhân viên có mái che.

#### **b. Chất thải rắn công nghiệp trong quá trình khai thác, chế biến**

- Khối lượng đất phủ cần phải bóc của dự án là 87.430m<sup>3</sup>, khối lượng đất phủ bóc tách hàng năm là 13.000m<sup>3</sup>. Toàn bộ khối lượng đã bóc phủ được Công

ty sử dụng để san gạt mặt bằng sân công nghiệp trong khu vực, duy tu tuyến đường vận chuyển.

- Đối với khối lượng đá thải từ quá trình khai thác dùng để san gạt mặt bằng khu vực phụ trợ, cải tạo tuyến đường giao thông hàng năm. Hiện tại chưa phát sinh khối lượng đất đá thải dư thừa nên chưa sử dụng đến bãi thải.

- Tuy nhiên chủ cơ sở sẽ bố trí bãi thải theo đúng quy hoạch được duyệt để đảm bảo hoạt động lưu chứa đá thải trong quá trình khai thác và đất bóc phủ cho hoạt động cải tạo phục hồi môi trường tại khu vực phía Tây bãi chế biến.

**c. Bùn thải từ bể tự hoại, bùn nạo vét từ hệ thống mương thoát nước, hồ lắng**

**\* Bùn thải từ bể tự hoại:**

Bùn thải từ bể tự hoại là loại chất thải chứa các vi sinh vật, các chất hữu cơ, gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và sinh ra mùi hôi. Tuy nhiên đây là loại chất thải phát sinh không thường xuyên, định kỳ được hút, nạo vét và vận chuyển đưa đi xử lý.

**- Bùn cặn từ bể tự hoại:**

Lượng bùn cặn từ bể tự hoại được tính toán như sau:

$$V_c = [a \cdot T_c \cdot (100 - W_1) \cdot b \cdot c] \cdot N / [(100 - W_2) \cdot 1000], \text{ (m}^3\text{)}; \text{ Trong đó:}$$

*a*: Lượng cặn trung bình của một người thải ra một ngày là 0,5 lít/ng.ngđ.

*T<sub>c</sub>*: Thời gian giữa hai lần lấy cặn,  $T_c = 24$  tháng (730 ngày).

*W<sub>1</sub>*; *W<sub>2</sub>*: Độ ẩm cặn tươi vào bể và của cặn khi lên men, tương ứng là 95% và 90%.

*b*: Hệ số kể đến việc giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

*c*: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để giữ lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh chóng, dễ dàng, để lại 20% ;  $c = 1,2$ .

*N*: Số người mà bể phục vụ;  $N = 25$  người.

$$\text{Vậy: } V_c = (0,5 \cdot 730 \cdot 5 \cdot 0,7 \cdot 1,2 \cdot 25) / (10 \cdot 1000) = 3,83 \text{ m}^3.$$

Như vậy khối lượng bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại trong hai năm tại dự án là  $3,83 \text{ m}^3$ , tương đương  $1,92 \text{ m}^3/\text{năm}$ .

**\* Bùn nạo vét từ hệ thống mương thoát nước, hồ lắng**

Bùn thải từ nạo vét mương thoát nước, hồ lắng khoảng  $10 \text{ m}^3/\text{lần}$  nạo vét, tần suất 01 năm/lần nạo vét, khối lượng bùn được dùng để gia cố phần bờ hồ lắng và đắp cho phân cây xanh trong khuôn viên mỏ.

**3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại:**

Chất thải nguy hại phát sinh thực tế tại cơ sở bao gồm: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn hỏng, pin ắc quy thải,... trung bình khoảng 39kg/tháng.

**Bảng 3. 1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu mỡ, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	KS	18 02 01	03
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	16 01 06	01
3	Dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	NH	17 02 03	08
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	05
5	Pin, ắc quy thải	NH	16 01 12	02
6	Bùn đất nạo vét có các thành phần nguy hại	KS	11 05 02	20
<b>Tổng</b>				<b>39</b>

- Công trình thu gom, xử lý:

+ Tại cơ sở đã xây dựng kho CTNH có diện tích DxR: 2,5x1,5=3,75m<sup>2</sup>, kho được làm bằng tôn được đặt tại khu vực sửa chữa máy móc, thiết bị trong khuôn viên mỏ.

+ Trong kho CTNH đã bố trí 04 thùng loại dung tích 100 lít, có nắp đậy để chứa các loại CTNH phát sinh.

- Chủ cơ sở đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty cổ phần xử lý môi trường Nghệ An tại hợp đồng số 240604/HĐ-XLMTNA-TRUNGHAU ngày 04/6/2024 để thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý CTNH (*Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đính kèm tại Phụ lục*)



**Hình 3. 10. Kho chứa chất thải nguy hại**

### **3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

#### **a. Giảm thiểu tiếng ồn tại khu vực khai thác**

Để hạn chế tiếng ồn và độ rung, Chủ dự án sử dụng công nghệ hiện đại ít gây ồn, rung động, không sử dụng các thiết bị và dụng cụ sản xuất cũ có tiếng ồn lớn.

Đối với tiếng ồn tức thời do nổ mìn: Chủ dự án luôn đảm bảo vành đai an toàn với khoảng cách từ tâm nổ đến khu chế biến và khu vực mỏ lân cận.

Đối với máy khoan thì sử dụng các loại máy khoan có màng cách âm, đối với các búa chèn sử dụng màng rắn bằng cao su hoặc bằng gia.

Với công nhân làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi.

Lựa chọn thời điểm nổ mìn hợp lý để hạn chế tác động của tiếng ồn. Thời gian chọn là 11h00' phút đến 11h30' (buổi sáng) và từ 17h00' đến 17h30' phút (buổi chiều).

#### **b. Giảm thiểu tiếng ồn tại khu vực chế biến đá**

Tiếng ồn do hoạt động nghiền sàng đá chủ yếu gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc tại dự án, khu vực chế biến đá nằm cách xa khu dân cư nên tác động đến khu dân cư là không lớn. Tuy nhiên để giảm thiểu mức ồn trong khu

vực này, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

Trang bị bảo hộ lao động giảm tiếng ồn cho công nhân đứng máy như nút chống ồn.

Không nghiền sàng đá vào giờ nghỉ trưa và đêm khuya.

Luân phiên thay ca cho công nhân đứng máy để hạn chế tác động từ tiếng ồn quá lâu.

### **3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **3.6.1. Các công trình, biện pháp phòng chống cháy nổ**

##### **\* Biện pháp giảm thiểu cháy nổ**

Chủ đầu tư đã bố trí các phương tiện, dụng cụ PCCC và cứu nạn cứu hộ tại các khu vực như sau:

**Bảng 3. 2. Phương tiện dụng cụ PCCC và CNCH**

<b>STT</b>	<b>Tên chủng loại phương tiện</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Nơi bố trí, lắp đặt</b>
1	Bình CO <sub>2</sub>	MT3 - 3kg	5	Trạm nghiền sàng, trạm bơm dầu, trạm điện
2	Bình bột	ABC - 4kg	2	Trạm nghiền sàng, dầu
3	Bình bột JS	JS	3	Nhà kho, nhà văn phòng
4	Quần áo, mũ, ủng bảo hộ, khẩu trang, găng tay	Bộ	5	Nhà kho
5	Tiêu lệnh chữa cháy	Bộ	4	Nhà kho, nhà văn phòng, trạm bơm dầu, trạm điện, trạm nghiền sàng, trạm cân.

Ngoài ra giám đốc mỏ thường xuyên tập huấn cho công nhân đặc biệt là công nhân vận hành ở những nơi dễ cháy nổ nắm vững phương pháp phòng cháy chữa cháy, xử lý sự cố. Thường xuyên kiểm tra chất lượng của hệ thống điện, hệ thống PCCC.

Tại các vị trí tổng thể, kho chứa nhiên liệu, lắp đặt các bảng nội quy PCCC, biển cấm lửa, có các bình chữa cháy cầm tay để phòng chống cháy nổ.

Đã thực hiện mua sắm máy bơm, vòi bơm dự phòng để khi có sự cố cháy nổ sẽ cứu chữa kịp thời.

Các thiết bị dùng điện đều được nối đất có điện trở tiêu chuẩn, tuân thủ các nội quy về bảo đảm an toàn.

Đã tiến hành lắp đặt các biển báo, nội quy an toàn lao động tại khu vực văn phòng mỏ.

**\* Phòng chống cháy rừng**

Xung quanh khu vực cơ sở có mật độ cây khá cao, do đó việc phòng cháy rừng là rất cần thiết. Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp phòng chống cháy rừng như sau:

- Định kỳ dọn vệ sinh, giảm khối lượng sinh khối khô dễ cháy ven đường đường đi vào mùa khô.
- Có bảng nội quy cảnh báo, cấm lửa khu vực tiếp giáp rừng xung quanh. Thường xuyên phối hợp với UBND phường Kỳ Long trong công tác phòng chống cháy rừng.
- Tập huấn cho công nhân về phương pháp phòng chống cháy rừng.
- Đã thực hiện mua sắm máy bơm, vòi bơm dự phòng lắp đặt tại các hồ nước để khi có sự cố cháy nổ sẽ cứu chữa kịp thời.

**3.6.2. Biện pháp phòng chống sự cố bão lũ**

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.
- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa hệ thống khai thác, chằng chống nhà cửa, khu nhà làm việc, nhà kho, đường vận chuyển....
- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của khu mỏ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.
- Đối với khu vực bãi chế biến, biện pháp giảm thiểu tác động của sự cố ngập lụt được tiến hành như sau:
  - + Không khai thác khi trời mưa nhằm giảm lượng vật liệu thô bị ngập úng và cuốn trôi bởi hiện tượng lũ lụt.
  - + Thiết bị nghiền sàng phải được đặt ở vị trí cao hơn bãi vật liệu thô, bãi đá thương phẩm và phải có mái che nhằm giảm thiểu tác động của nước mưa gây hư hỏng thiết bị.
  - + Khi có sự cố xảy ra, Giám đốc mỏ cùng công nhân trong toàn khu mỏ sẽ phối hợp kịp thời chính quyền và nhân dân địa phương xử lý sự cố.
  - + Phòng chống sét: Để giảm thiểu sự cố sét đánh cần áp dụng các biện pháp chống sét đánh thẳng vào công trình và chống sét đánh lan truyền qua đường dây và các thiết bị dẫn điện.

**3.6.3. Giảm thiểu tác động do chấn động và đá văng**

Thống nhất lịch nổ mìn, cấm công nhân và người dân ra vào khu vực mỏ trong thời gian nổ mìn.

Thống nhất lịch nổ với các đơn vị khai thác liền kề để tiến hành nổ mìn lệch giờ nhau (cách nhau tối thiểu 15 phút) để tránh những tác động cộng hưởng



do nổ mìn.

Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

Thường xuyên xem xét vách đá và mạch đất ở phía trên nếu thấy có kẽ nứt hoặc hiện tượng sụt lở thì phải tạm ngưng hoạt động khai thác để đưa ra biện pháp xử lý an toàn trước khi tiếp tục khai thác.

Thường xuyên cạy gỡ đá treo có nguy cơ lăn xuống, đảm bảo bờ mỏ luôn được giám sát và ổn định.

Tính khoảng cách an toàn, trước khi nổ mìn phải cử người cảnh giới ở tất cả các ngã đường vào khu vực mỏ ngoài bán kính 300m, dùng tín hiệu báo động khi chuẩn bị và kết thúc nổ mìn.

Trước khi tiến hành nổ mìn lần đầu, đơn vị cần thông báo cho chính quyền địa phương, công an và người dân sống trong khu vực giáp ranh biết về thời gian, địa điểm nổ mìn lần đầu, giới hạn của vùng nguy hiểm, ý nghĩa của các tín hiệu dùng khi báo động nổ mìn.

#### **3.6.4. Giảm thiểu tác động do sự cố trôi trượt, sụt lở đất đá**

- Đảm bảo khai thác theo đúng thiết kế được phê duyệt, đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc. Thực hiện đúng trình tự khai thác theo các thông số của hệ thống khai thác.

- Không thực hiện khai thác vào các ngày mưa hoặc vừa có mưa lớn xảy ra.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, quan sát độ ổn định của bờ moong khai thác và phát hiện các tảng đá lăn trên bề mặt. Nếu có đá lăn cần phải gỡ bỏ hết.

- Khai thác đến đâu thực hiện gia cố bờ moong, cạy gỡ đá treo đến đó.

- Đo vẽ định kỳ hàng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy. Trên cơ sở đó, cán bộ kỹ thuật mỏ sẽ đối chiếu và so sánh với các năm trước, với hiện trạng để xác định các thông số dịch chuyển và dự báo các nguy cơ sụt lở trên bờ mỏ.

- Thực hiện giữ lại cây xanh trên các khu vực chưa khai thác nhằm tăng khả năng giữ đất, hạn chế xói mòn, trôi trượt đất đá.

- Phương án xử lý khi có sự cố xảy ra:

+ Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

+ Ban Quản lý mỏ chịu trách nhiệm chính trong công tác điều tra, trực tiếp chỉ đạo ứng cứu.

+ Các trưởng bộ phận sản xuất trực tiếp chịu trách nhiệm và phân công nhân lực trong các bộ phận có liên quan trong việc ứng cứu.

+ Khắc phục sự cố, gia cố đảm bảo an toàn và được ban Quản lý, kỹ thuật xác nhận an toàn trước khi hoạt động lại.

### **3.6.5. Các biện pháp an toàn lao động**

Phân công giám đốc, quản đốc điều hành mỏ để phụ trách công việc tại công trường.

Nổ mìn theo giờ quy định, trong giờ nổ mìn tuyệt đối nghiêm cấm người không có phận sự qua lại trong khu vực nguy hiểm về nổ mìn theo tính toán ở trên.

Lập hộ chiếu khoan nổ mìn đầy đủ, chính xác theo qui định và phải được người có thẩm quyền phê duyệt. Tuyệt đối chấp hành theo hộ chiếu đã được duyệt.

Các quy định về giờ nổ mìn và các biện pháp an toàn đã được Chủ dự án thỏa thuận với chính quyền địa phương và được thông báo rộng rãi cho công nhân và nhân dân trong vùng.

Trước và sau khi nổ mìn phải có tín hiệu cảnh báo xung quanh bán kính an toàn đá văng và sóng chấn động tối thiểu cho thiết bị máy móc là 200m và cho người là 300m.

Đối với công nhân làm công tác nổ mìn phải qua đào tạo chuyên môn tại cơ sở đào tạo đủ điều kiện theo quy định pháp luật và có kinh nghiệm ít nhất 03 tháng làm công tác phục vụ nổ mìn dưới sự chỉ đạo và giám sát của chỉ huy nổ mìn hoặc thợ mìn đã được cấp chứng nhận huấn luyện.

Khi nổ mìn công nhân luôn tuân thủ quy trình, quy chế khoan nổ mìn áp dụng cho công nghệ khai thác mỏ lộ thiên và được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

Không nạp thuốc nổ mìn khi thời tiết xấu nhất là khi có sấm sét.

Khi giao việc mỗi ca, cán bộ chỉ huy (Giám đốc điều hành mỏ) ghi rõ trong sổ phân công hoặc phiếu giao việc cho từng công nhân, trong đó biện pháp an toàn được ghi cụ thể, người giao hay nhận việc đều phải ký vào sổ, phiếu giao việc.

Thường xuyên kiểm tra gương khai thác để đảm bảo an toàn.

Khi bố trí công nhân vào làm việc, cán bộ chỉ đạo sản xuất trực tiếp sẽ xem xét kỹ hiện trường, đảm bảo an toàn mới bố trí công nhân làm việc.

Khi làm việc, công nhân phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Găng tay, khẩu trang, dây đai an toàn, giày, và nghiêm chỉnh chấp hành những quy định an toàn lao động.

Khi bẫy gỡ đá trên tầng, bố trí người canh gác không để cho người và thiết bị qua lại khu vực nguy hiểm.

Không bố trí người và phương tiện thiết bị làm việc ở tầng trên và dưới ở cùng một thời điểm trên mặt tuyến.

Những người bẫy gỡ đá trên cùng một tầng được bố trí cách xa nhau ít nhất 6m và gỡ đá theo thứ tự trên xuống dưới.

Công ty sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn lao động theo QCVN 05:2012/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá.

Thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn sức khỏe và bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên tại mỏ.

Lập bảng nội quy an toàn lao động và đặt ở những khu vực dễ thấy, nhiều người qua lại... để mọi người biết và thực hiện.

Công ty sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung về an toàn lao động theo QCVN 05:2012/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá.

Thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn sức khỏe và bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên tại mỏ.

### **3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

#### **3.7.1. Phòng chống sét đánh**

- Công ty đã lắp đặt thiết bị chống sét, các kim thu sét được lắp đặt trên đỉnh của các công trình có chiều cao >3m và được nối tiếp địa .

- Tất cả các các cấu kiện sắt thép, thiết bị chống sét đều được nối đất. Cọc tiếp đất bằng đồng và được đóng trực tiếp xuống nền đất và phải đảm bảo hệ thống tiếp địa có điện trở <10Ω.

#### **3.7.2. Giảm thiểu tác động đến con người**

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, áo quần, khẩu trang,...

- Biên soạn quy chế an toàn vệ sinh lao động, ban hành nội quy PCCC và nội quy sử dụng điện treo ở khu vực sản xuất của dự án.

- Trang bị dụng cụ thuốc men cần thiết cho việc sơ cứu tai nạn.

### **3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

**Bảng 3. 3. Tổng hợp các công trình XLCT theo ĐTM và đã xây dựng của dự án**

TT	Hạng mục công trình	Công trình được phê duyệt trong ĐTM	Công trình hiện tại đã được xây dựng hoàn thành	Nội dung thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt	Giải trình
1	<b>Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước mưa</b>	- Xây dựng 01 hồ lắng tại khu vực sân công nghiệp có kích thước DxRxH=10x20x2,4m=480m <sup>3</sup> .	- Xây dựng 01 hồ lắng tại khu vực sân công nghiệp có kích thước DxRxH=15x30x2,5m=1.125m <sup>3</sup>	- Kích thước bể lắng xây dựng lớn hơn bể lắng đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM.	- Việc thay đổi kích thước bể lắng tăng hiệu quả lắng cặn của bể.
2	<b>Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt</b>	- Quy trình xử lý: Nước thải SH → Bể tự hoại → Bể lắng cặn → Bể lọc cát → Nguồn tiếp nhận - Công trình: + Bể lắng Rx Dx x S=50x100x70cm + Bể lọc Rx Dx x S=40x60x60cm	- Quy trình xử lý: Nước thải SH → Bể tự hoại → Bể lắng cặn → Bể lọc cát → Nguồn tiếp nhận - Công trình: + Hệ thống 02 ống BTCT D800, H=1,0m.	- Thay đổi loại bể để phù hợp với điều kiện thi công lắp đặt.	- Thay đổi kết cấu bể không làm thay đổi công năng của bể xử lý. Đồng thời thể tích bể mới lắp đặt 0,8m <sup>3</sup> /bể lớn hơn so với kích thước các bể đã phê duyệt trong ĐTM tăng hiệu quả xử lý nước thải.
3	<b>Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn</b>	- <i>Chất thải sản xuất:</i> + Bố trí bãi thải thu gom đất bóc, đá thải.	- <i>Chất thải sản xuất:</i> + Chưa sử dụng bãi thải do chưa phát sinh đất đá thải.	- Hiện tại chưa sử dụng bãi thải do đất đá thải từ quá trình khai thác và chế biến được tận dụng san gạt mặt bằng bãi chế biến và gia cố tuyến đường vận chuyển hàng năm.	
		- <i>Chất thải sinh hoạt:</i> + Bố trí giỏ đựng rác tại khu văn phòng, khu nhà chế biến, khu nhà ăn... cuối ngày tập trung vào thùng rác 600 lít.	- <i>Chất thải sinh hoạt:</i> + Đã bố trí 04 thùng dung tích 60 lít	- Không bố trí thùng chứa rác 600 lít mà sử dụng các thùng chứa nhỏ loại 100 lít để lưu trữ.	- Để thuận tiện cho việc phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn. - Không ảnh hưởng đến khả năng thu gom rác thải sinh hoạt.
4	<b>Công trình thu gom, xử lý CTNH</b>	- Bố trí 01 thùng chứa có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại.	- Đã bố trí 04 thùng phuy chứa CTNH dung tích 100 lít. - Đã bố trí khu vực lưu chứa CTNH.	- Bổ sung thêm 03 thùng chứa CTNH so với ĐTM đã được phê duyệt	- Để thuận tiện cho việc phân loại chất thải nguy hại tại nguồn.

**Nhận xét:** Việc thay đổi nội dung so báo cáo ĐTM đã được phê duyệt không làm tăng quy mô chất thải mà tăng được khả năng xử lý chất thải của dự án tốt hơn. Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thủ tục chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

### **3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học**

#### **3.9.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

Dự án Đầu tư khai thác và chế biến mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phương án cải tạo phục hồi môi trường tại Quyết định số 3016/QĐ-UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 24/9/2013 với những nội dung cơ bản như sau:

##### **3.9.1.1. Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác**

###### **a. Cải tạo phục hồi môi trường**

Đối với khu vực khai trường: cải tạo bờ moong, gia cố sườn tăng chống trượt lở, xây dựng hàng rào thép gai và cắm biển báo xung quanh khu vực bờ moong, phần đáy moong 1: xây dựng hệ thống thoát nước ở đáy moong; san gạt, phủ lớp đất màu 0,7m sau đó trồng cây keo lá tràm mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm trong 03 năm; phần đáy moong 2: để nguyên hiện trạng sau khi khai thác và làm hồ.

Đối với sân công nghiệp, phụ trợ: tháo dỡ công trình đã xây dựng trong quá trình thực hiện dự án, tiến hành san gạt, cày xới đất, trồng cây với mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm trong 03 năm.

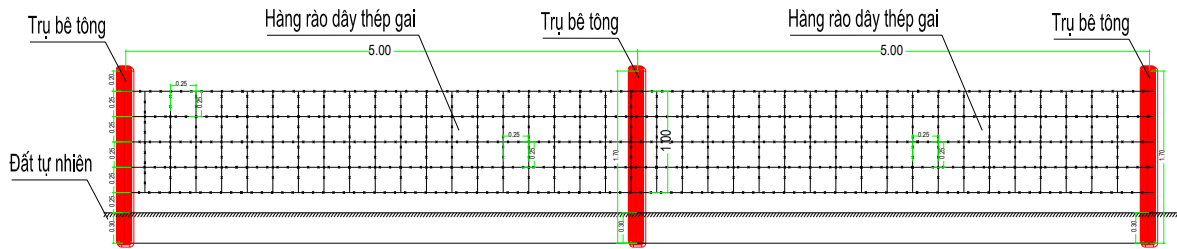
###### **b. Củng cố bờ moong khai thác**

Qua thực tế tại các mỏ đang hoạt động cho thấy khối lượng đá treo cần phải bóc bỏ trên chiều dài taluy. Việc củng cố bờ mỏ trong đào phá đá treo được áp dụng bằng phương pháp thủ công để đảm bảo độ ổn định của bờ moong. Để thuận lợi và an toàn cho hoạt động khai thác thì công việc này được tiến hành song song trong giai đoạn khai thác, khai thác đến đâu bóc bỏ đá treo đến đó.

###### **c. Lập biển báo xung quanh moong**

Sau khi kết thúc khai thác thực hiện xây dựng hàng rào dây thép gai xung quanh khu vực moong khai thác tránh cho người và gia súc rơi xuống. Các dây thép gai phương ngang được buộc vào giữa 2 cột (các cột của biển báo), khoảng cách giữa các dây thép ngang 25cm, dây thép chiều dọc song song với cột bê tông khoảng cách 25cm được liên kết với dây thép ngang bằng cách dùng dây thép để buộc lại.

Thực hiện cắm biển báo xung quanh bờ moong, gắn với hàng rào thép gai. Khoảng cách giữa các biển báo là 20m. Để tạo sự chắc chắn cho hàng rào dây thép gai, tiến hành trồng các trụ bê tông xen kẽ các biển báo.



**Hình 3.11. Mặt cắt dọc hàng rào dây thép gai**

#### **d. Công tác tạo hệ thống thoát nước cho đáy moong**

Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước cho đáy moong. Rãnh thoát nước có dạng hình thang kích thước 70 x 50 x 40cm. Rãnh thoát nước dưới đáy moong được nối với mương thoát nước tuyến đường lên mỏ và khu vực bãi chế biến sau đó dẫn ra hồ lắng.

#### **e. Công tác san gạt moong khai thác**

Đổ lớp đất dày 0,5m trên bề mặt đáy moong, san gạt mặt bằng và trồng cây keo lá tràm. Mật độ trồng keo 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm trong 3 năm.

##### **3.9.1.2. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải**

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bãi thải bao gồm: San gạt bãi thải; chở đất ra moong khai thác để trả lại mặt bằng cho bãi thải; trồng cây keo lá tràm khu vực bãi thải.

##### **3.9.1.3. Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp**

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường mặt bằng sân công nghiệp, khu vực phụ trợ, bao gồm: tháo dỡ các công trình phụ trợ; san gạt tạo mặt bằng, phủ đất màu, trồng cây.

#### **a. Phá dỡ công trình phụ trợ**

Diện tích sân công nghiệp bố trí các hạng mục công trình xây dựng. Đối với các hạng mục, phương án cải tạo phục hồi như sau:

- Đối với các hạng mục công trình ở khu vực sân công nghiệp, khối văn phòng sẽ được tháo dỡ hết các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phía trên và bóc gỡ lớp bê tông cứng dưới mặt đất, san gạt mặt bằng, cày xới lớp đất tơi xốp trên bề mặt toàn bộ khu vực chế biến và trồng cây.

- Xây dựng, sửa chữa lại hệ thống rãnh thoát nước đầu nối với rãnh thoát nước đáy moong khai thác trước khi đổ ra nguồn tiếp nhận.

## **b. San gạt tạo mặt bằng**

Sau khi đã tháo dỡ các công trình phụ trợ, vận chuyển vật liệu đến nơi quy định trả lại mặt bằng sân công nghiệp, bãi thải, khu văn phòng. Tiến hành cày xới tạo mặt bằng để trồng cây, tạo độ dốc của mặt bằng sau san gạt 1 – 2% để bảo đảm thoát nước.

Đối với khu vực khu phụ trợ trước khi xây dựng vẫn ở trên nền đất dày trung bình 4m. Do đó sau khi phá dỡ thì tiến hành san gạt xới lớp đất với chiều dày 0,3m để trồng cây keo lá tràm, mật độ trồng 1.660 cây/ha.

### **3.9.2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

#### **3.9.2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ là 1.976.020.910 đồng, số lần ký quỹ là 12 lần, trong đó:

- Số tiền ký quỹ lần đầu là: 379.846.088 đồng.

*(Số tiền ký quỹ đã bao gồm chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá).*

- Việc ký quỹ 11 lần tiếp theo (từ lần thứ 2 đến lần thứ 12) phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 hàng năm với số tiền nộp mỗi lần 145.106.802 đồng.

- Tính đến năm 2024 công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh với tổng số tiền là 544.214.464 đồng. Số tiền ký quỹ còn lại là: 1.431.806.446 đồng.

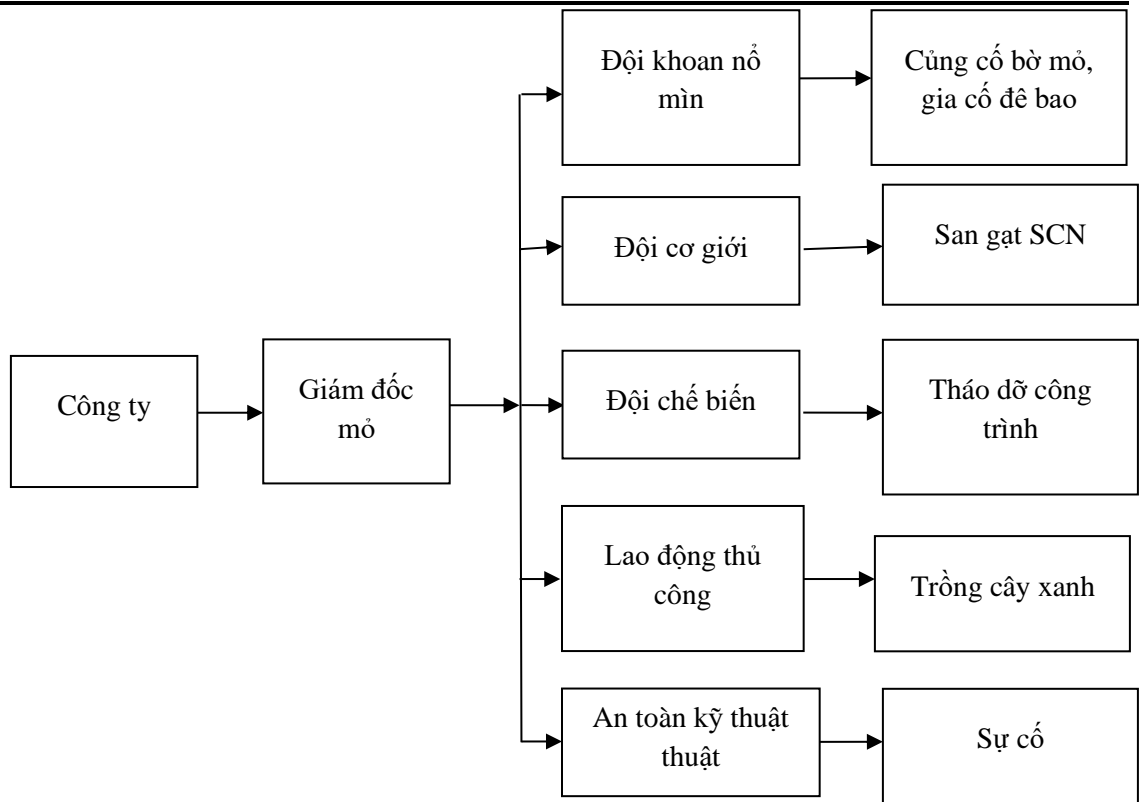
#### **3.9.2.2. Đơn vị nhận ký quỹ**

Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Hà Tĩnh.

### **3.9.3. Kế hoạch thực hiện**

#### **3.9.3.1 Tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường**

Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường như sau:



**Hình 3. 12. Sơ đồ tổ chức quản lý, cải tạo phục hồi môi trường**

**3.9.3.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường**

- Kế hoạch thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường được tiến hành đồng thời trong quá trình khai thác và ngay sau khi kết thúc khai thác. Tiến độ cụ thể như sau:

**Bảng 3. 4. Bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường**

Hoạt động	Thời gian bắt đầu thực hiện	Tiến độ thực hiện	Cơ quan kiểm tra	Cơ quan thực hiện
<b>Cải tạo moong khai thác</b>				
Củng cố bờ moong khai thác	Ngay khi kết thúc khai thác	1,5 tháng	Sở TNMT, UBND thị xã Kỳ Anh, UBND phường Kỳ Long và cơ quan chức năng có liên quan.	Chủ Cơ sở
Xây dựng hàng rào, biển báo quanh bờ moong khu vực khai thác	Sau khi củng cố bờ moong	1,5 tháng		
San gạt moong khai thác	Sau khi xây dựng hàng rào, biển báo	1 tháng		
Tạo hệ thống thoát nước đáy mỏ	Song song với san gạt moong khai thác	1 tháng		
Di dời máy móc, thiết bị ra khỏi moong khai thác	Sau khi san gạt moong và tạo hệ thống thoát nước	0,5 tháng		



**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:**  
**Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh**

<b>Hoạt động</b>	<b>Thời gian bắt đầu thực hiện</b>	<b>Tiến độ thực hiện</b>	<b>Cơ quan kiểm tra</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
	đáy moong			
Đổ đất, san gạt, trồng cây	Sau khi di dời máy móc, thiết bị ra khỏi moong	1 tháng		
Chăm sóc cây, trồng dặm cây chết	Sau khi đổ đất, san gạt	3 năm		
<b>Cải tạo sân công nghiệp và công trình phụ trợ</b>				
Tháo dỡ máy móc, thiết bị; phá bỏ công trình trên sân công nghiệp	Ngay khi kết thúc khai thác mỏ.	1 tháng	Sở TNMT, UBND thị xã Kỳ Anh, UBND phường Kỳ Long và cơ quan chức năng có liên quan.	Chủ Cơ sở
San gạt mặt bằng sân công nghiệp	Sau khi tháo dỡ máy móc, thiết bị, công trình	0,5 tháng		
Phá dỡ khu nhà làm việc, nhà ăn, san gạt tạo mặt bằng	Sau khi san gạt mặt bằng sân công nghiệp	0,5 tháng		
Đổ đất, trồng cây ở sân công nghiệp, khu nhà làm việc, nhà ăn	Sau khi san gạt mặt bằng	1 tháng		
Chăm sóc cây, trồng dặm cây chết	Sau khi đổ đất, trồng cây	3 năm		
<b>Cải tạo công trình ngoài phạm vi mỏ</b>				
Cải tạo tuyến đường vào mỏ, trồng cây hai bên đường;	Sau khi kết thúc đổ đất trồng cây khu vực sân công nghiệp	2 tháng	Sở TNMT, UBND thị xã Kỳ Anh, UBND phường Kỳ Long và cơ quan chức năng có liên quan.	Chủ Cơ sở

**3.9.3.3. Kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

Công ty đã thực hiện các công tác sau:

- Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã và đang thực hiện bao gồm:

- + Thực hiện duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển hàng năm.
- + Tưới ẩm giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra đường tránh

thị xã Kỳ Anh.

+ Nạo vét mương thoát nước, hồ lắng định kỳ nhằm đảm bảo thoát nước cho khu vực.

+ Trồng cây xanh: Hiện tại, chủ dự án đã thực hiện trồng cây xanh tại các khu vực đất trống phù hợp nhằm tạo cảnh quan môi trường, giảm khả năng lan truyền bụi, khí thải. Hạn chế rửa trôi, xói mòn đất do mưa lũ.

+ Bạt sửa mái taluy moong khai thác, cạy gỡ đá nguy hiểm trên vách moong.

## **Chương IV**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

##### **4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại mỏ đá.
- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn tại mỏ khai thác và khu vực sân công nghiệp.

##### **4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa**

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa:  $2,4\text{m}^3/\text{ngày.đêm} \sim 0,1\text{m}^3/\text{h}$ .
- Lưu lượng xả nước mưa chảy tràn tối đa  $307,6\text{m}^3/\text{h}$ .

##### **4.1.3. Dòng nước thải**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý ở bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình được dẫn cùng với nước thải từ quá trình rửa tay chân, khu sinh hoạt chung vào 02 bể lắng và bể lọc để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận bằng đường ống PVC D60mm.

- Nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực sân công nghiệp: Được thu gom dẫn về hồ lắng để xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận bằng ống BTCT D1000 (dài 4m).

##### **4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải**

###### *a. Nước thải sinh hoạt*

- Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (S<sup>2-</sup>), Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Coliform.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh: Nước thải sau xử lý đạt các giá trị C<sub>Max</sub> (Cột B, K=1,2), QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Trong đó:

C<sub>max</sub>: Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 mục 2.2 của QCVN QCVN 14:2008/BTNMT.

K: Là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3 QCVN 14:2008/BTNMT. Đối với loại hình cơ sở sản xuất dưới 500 người thì  $K = 1,2$ .

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (khe Lau là nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở).

Như vậy, nước thải của cơ sở trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị  $C_{max}$  ở bảng sau:

**Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	QCVN 14:2008/BTNMT $C_{max}$ (Cột B, K=1,2)
1	pH	Thang pH	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200
5	Sunfua	mg/l	4,8
6	Amoni	mg/l	12
7	Nitrat	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất HDBM	mg/l	12
10	Photphat	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000

*b. Nước mưa chảy tràn tại khai trường và khu vực sân công nghiệp*

- Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng, Pb, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Sắt, Mangan, Tổng Coliform.

- Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm: So sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ , Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trong đó:

$C_{max}$ : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 mục 2.2 của QCVN 40:2011/BTNMT.

$K_q$ : Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại Mục 2.3, nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là khe Lau nên áp dụng hệ số  $K_q=0,9$  (do khe Lau không có số liệu về lưu lượng dòng chảy).

$K_f$ : Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại Mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Với lưu lượng nguồn thải  $> 5000m^3/24h$  thì  $K_f= 0,9$ .

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Như vậy, nước thải của dự án trước khi trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận phải thấp hơn hoặc bằng giá trị  $C_{max}$  ở bảng sau:

**Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm nước mưa chảy tràn**

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	QCVN 40:2011/BTNMT $C_{max}$ (Cột B, $K_q=0,9$ , $K_f=0,9$ )
1	pH	Thang pH	5,5– 9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	40,5
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	81
4	COD	mg/l	121,5
5	Chì (Pb)	mg/l	0,405
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,1
7	Tổng Nitơ	mg/l	32,4
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4,86
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	8,1
10	Sắt (Fe)	mg/l	4,05
11	Mangan	mg/l	0,81
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000

#### 4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

##### a. Nước thải sinh hoạt

- Vị trí xả thải nước thải sinh hoạt: Tại khe Lau đoạn chảy qua khu vực mỏ. Tọa độ điểm xả thải: X: 1991026; Y: 594389.8471 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Phương thức xả thải: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại bể lắng lọc, bể

khử trùng được dẫn ra nguồn tiếp nhận là khe Lau đoạn chảy qua khu vực mỏ theo phương thức tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn vào các thời điểm trong ngày.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 14:2008, cột B, K=1,2) đổ ra khe Lau.

*b. Nước mưa chảy tràn qua khai trường và khu vực sân công nghiệp*

- Vị trí xả thải nước mưa chảy tràn qua khai trường và khu vực sân công nghiệp: 01 vị trí xả thải tại cống BTCT D1000 sau hồ lắng. Tọa độ điểm xả thải: X: 1990929; Y: 594338 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Phương thức xả thải: nước mưa chảy tràn sau khi xử lý tại hồ lắng được chảy vào đường ống BTCT D1000 dài 4m về nguồn tiếp nhận là khe Lau đoạn chảy qua khu vực mỏ, phương thức chảy theo hình thức tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn vào thời điểm có mưa lớn.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ ) đổ ra khe Lau đoạn chảy qua khu vực mỏ.

## **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn**

### **4.2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn**

- Tiếng ồn từ hoạt động khai thác đá tại mỏ khai thác.
- Tiếng ồn từ hoạt động chế biến đá.

### **4.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn**

- Tiếng ồn từ hoạt động khoan, nổ mìn khu vực mỏ khai thác (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X(m): 1990563; Y(m): 594750.

- Tiếng ồn từ hoạt động nghiền đá khu vực sân công nghiệp (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X(m): 1990777; Y(m): 594493.

### **4.2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn**

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT), cụ thể như sau:

**Bảng 4. 3. Thông số và giới hạn của tiếng ồn và độ rung**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất	Ghi chú
----	-------------------	-------------------	----------	---------

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:**  
*Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

1	85	85	Tối thiểu 1 lần/năm	Vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
2	65	65	Tối thiểu 1 lần/năm	Khu vực văn phòng.

**4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải:**

Đặc thù hoạt động của cơ sở là phát sinh các nguồn bụi, khí thải phân tán trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến đá của mỏ, gồm: Bụi phát sinh từ hoạt động khai thác khu vực khai trường (bao gồm các hoạt động khoan lỗ mìn, nổ mìn, phá đá quá cỡ, xúc bốc, vận chuyển..); bụi phát sinh từ hoạt động chế biến, nghiền đá xây dựng khu vực sân công nghiệp; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đá nguyên liệu từ khu vực khai trường đến khu vực chế biến, nghiền đá xây dựng và vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ. Dự án không có dòng thải cố định nên không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

**Chương V**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải**

- Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2022:
- + Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 12/6/2022 ;
- + Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 05/11/2022

**Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt năm 2022**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2011/BTNMT, C <sub>max</sub> , cột B, K=1,2
			Đợt 1	Đợt 2	
1	pH	Thang pH	5,5	5,3	5,5-9
2	TSS	mg/l	61	72	120
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	28	35	60
4	COD	mg/l	59	68	-
5	DO	mg/l	4,0	4,2	-
6	Chì	mg/l	<0,001	<0,001	-
7	Thủy ngân	mg/l	<0,0005	<0,0005	-
8	Dầu mỡ	mg/l	<0,30	<0,30	24
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.900	4.100	5.000
10	Tổng P	mg/l	3,5	3,8	12
11	Tổng N	mg/l	8,9	7,6	60

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2022)

- Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt năm 2023:
- + Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 19/5/2023
- + Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 26/10/2023

**Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt năm 2023**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2011/BTNMT, C <sub>max</sub> , cột B, K=1,2
			Đợt 1	Đợt 2	
1	pH	Thang pH	5,9	6,0	5,5-9
2	TSS	mg/l	45	39	120
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	23	35	60
4	COD	mg/l	64	72	-



**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:**  
*Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

5	DO	mg/l	5,6	5,4	-
6	Chì	mg/l	0,0013	0,0008	-
7	Thủy ngân	mg/l	<0,0004	<0,0004	-
8	Dầu mỡ	mg/l	1,5	1,1	24
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.400	4.100	5.000
10	Tổng P	mg/l	2,8	2,3	12
11	Tổng N	mg/l	7,5	8,6	60

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2023)

## 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước mặt

- Kết quả quan trắc nước mặt tại khe Lau đoạn chảy qua khu vực mỏ năm 2022:

+ Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 12/6/2022

+ Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 05/11/2022

**Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 2022**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT, mức B
			Đợt 1	Đợt 2	
1	Nhiệt độ	Thang pH	27,8	26,6	-
2	pH	mg/l	6,6	6,6	6-8,5
3	Độ dẫn	mg/l	42,5	32,8	-
4	TSS	mg/l	15,5	18,6	≤100
5	DO	mg/l	6,5	6,2	≥5,0
6	COD	mg/l	6,6	8,6	≤15
7	BOD <sub>5</sub>	mg/l	13,5	16,8	≤6
8	Nitrat	mg/l	0,3	0,3	-
9	Amoni	mg/l	0,03	0,07	-
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	530	1.100	≤5.000
11	Sắt	mg/l	0,24	0,4	-

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2022)

- Kết quả quan trắc nước mặt tại khe Lau đoạn chảy qua khu vực mỏ năm 2023:

+ Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 19/5/2023

+ Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 26/10/2023

**Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt năm 2023**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT, mức B
			Đợt 1	Đợt 2	
1	Nhiệt độ	Thang pH	28,2	26,2	-
2	pH	mg/l	6,6	6,6	6-8,5
3	Độ dẫn	mg/l	43,2	68,9	-
4	TSS	mg/l	9,7	14	≤100
5	DO	mg/l	6,8	6,7	≥5,0
6	COD	mg/l	12	16	≤15
7	BOD <sub>5</sub>	mg/l	5,3	4,8	≤6
8	Nitrat	mg/l	1,1	1,5	-
9	Amoni	mg/l	0,19	0,21	-
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	700	940	≤5.000
11	Sắt	mg/l	0,52	0,47	-

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2023)

### 5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

- Kết quả quan trắc không khí, tiếng ồn năm 2022: Dự án quan trắc môi trường không khí tại 3 điểm:

- + K<sub>1</sub>: Tại khu vực cổng vào mỏ.
- + K<sub>2</sub>: Tại khu vực moong khai thác.
- + K<sub>3</sub>: Tại khu vực trạm nghiền sàng.

\* Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 12/6/2022

**Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2022**

Thông số	Độ ồn	TSP	NO <sub>2</sub>	CO	SO <sub>2</sub>	
Đơn vị	dB(A)	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	
Kết quả	K1	67,2	161	36	<3.000	39
	K2	74,1	287	39	<3.000	42
	K3	78,5	339	41	<3.000	43
<b>QCVN</b>	<b>70<sup>(1)</sup></b>	<b>300</b>	<b>200</b>	<b>30.000</b>	<b>350</b>	

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2022)

\* Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 05/11/2022

**Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2022**

Thông số	Độ ồn	TSP	NO <sub>2</sub>	CO	SO <sub>2</sub>
----------	-------	-----	-----------------	----	-----------------

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:**  
**Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh**

Đơn vị		dBA	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>
Kết quả	K1	67,5	116	35	<3.000	43
	K2	75,2	162	35	<3.000	41
	K3	78,1	187	38	<3.000	42
<b>QCVN</b>		<b>70<sup>(1)</sup></b>	<b>300</b>	<b>200</b>	<b>30.000</b>	<b>350</b>

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2022)

- Kết quả quan trắc không khí, tiếng ồn năm 2023: Dự án quan trắc môi trường không khí tại 3 điểm:

\* Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 19/5/2023

**Bảng 5. 7. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 1 năm 2023**

Thông số		Độ ồn	TSP	NO <sub>2</sub>	CO	SO <sub>2</sub>
Đơn vị		dBA	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>
Kết quả	K1	67,2	197	34	<3.000	61
	K2	74,1	291	41	<3.000	70
	K3	74,2	346	47	<3.000	78
<b>QCVN</b>		<b>70<sup>(1)</sup></b>	<b>300</b>	<b>200</b>	<b>30.000</b>	<b>350</b>

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2023)

\* Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 26/10/2023

**Bảng 5. 8. Kết quả quan trắc chất lượng không khí đợt 2 năm 2023**

Thông số		Độ ồn	TSP	NO <sub>2</sub>	CO	SO <sub>2</sub>
Đơn vị		dBA	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>	µg/m <sup>3</sup>
Kết quả	K1	61,5	185	31	<3.000	55
	K2	72,1	296	37	<3.000	64
	K3	73,6	357	45	<3.000	71
<b>QCVN</b>		<b>70<sup>(1)</sup></b>	<b>300</b>	<b>200</b>	<b>30.000</b>	<b>350</b>

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2023)

**Quy chuẩn so sánh:**

- **QCVN 05:2023/BTNMT**- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

- <sup>(1)</sup> **QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**5.4. Kết quả quan trắc môi trường đối với độ rung**

- Kết quả quan trắc độ rung năm 2022: Dự án quan trắc môi trường độ rung tại 2 điểm:

+ ĐR1: Tại khu vực nhà văn phòng.

+ ĐR2 : Tại khu vực trạm nghiền sàng.

\* Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 12/6/2022

**Bảng 5. 9. Kết quả quan trắc độ rung đợt 1 năm 2022**

Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 27:2010/BTNMT
		ĐR1	ĐR2	
Độ rung trước nổ mìn	dB	24,5	28,4	70
Độ rung trong nổ mìn	dB	69,6	76,8	
Độ rung sau nổ mìn	dB	31,2	39,7	

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2022)

\* Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 05/12/2022

**Bảng 5. 10. Kết quả quan trắc độ rung đợt 2 năm 2022**

Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 27:2010/BTNMT
		ĐR1	ĐR2	
Độ rung trước nổ mìn	dB	35,9	38,7	70
Độ rung trong nổ mìn	dB	78,5	79,9	
Độ rung sau nổ mìn	dB	43,5	48,5	

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2022)

- Kết quả quan trắc độ rung năm 2023: Dự án quan trắc môi trường độ rung tại 2 điểm:

\* Kết quả quan trắc đợt 1 ngày 19/5/2023

**Bảng 5. 11. Kết quả quan trắc độ rung đợt 1 năm 2023**

Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 27:2010/BTNMT
		ĐR1	ĐR2	
Độ rung trước nổ mìn	dB	31,2	35,4	70
Độ rung trong nổ mìn	dB	69,5	78,7	
Độ rung sau nổ mìn	dB	33,6	41,3	

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2023)

\* Kết quả quan trắc đợt 2 ngày 26/10/2023

**Bảng 5. 12. Kết quả quan trắc độ rung đợt 2 năm 2023**

Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN
----------	--------	---------	------

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở:**  
*Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh*

		ĐR1	ĐR2	27:2010/BTNMT
Độ rung trước nổ mìn	dB	33,7	40,1	70
Độ rung trong nổ mìn	dB	71,2	77,5	
Độ rung sau nổ mìn	dB	35,9	44,8	

*(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường Mỏ đá xây dựng khe Ngọ Su năm 2023)*

### **5.5. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án**

- Đối với nước thải sinh hoạt: các thông số chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đều nằm ở ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải sinh hoạt.

- Đối với môi trường nước mặt: các thông số chất ô nhiễm trong nước mặt khe Lau đều nằm ở ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng nước mặt, tuy nhiên trong đợt quan trắc đợt 1 và 2 năm 2022 thông số BOD<sub>5</sub> vượt ngưỡng cho phép lần lượt là 2,25 và 2,8 lần.

- Đối với bụi và tiếng ồn: đối với tổng bụi lơ lửng (TSP) tại khu vực chế biến đá lượng bụi vượt ở mức quy định lớn nhất 1,19 lần, các thông số khác như SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub> đều nằm dưới giới hạn của QCVN 05 :2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh. Đối với tiếng ồn khu vực mong khai thác và khu vực chế biến đá đều ở mức vượt trung bình 1,06 lần.

- Đối với độ rung: mức rung trong khi nổ mìn vượt giới hạn cho phép tại khu vực chế biến đá là 1,14 lần, ở trong thời điểm trước và sau nổ mìn độ rung ở mức thấp so với ngưỡng quy định cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**CHƯƠNG VI**  
**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải**

**6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:**

- Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cụ thể như sau:

**Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm CTXLCT**

TT	Hạng mục	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt	01/12/2024	01/02/2025

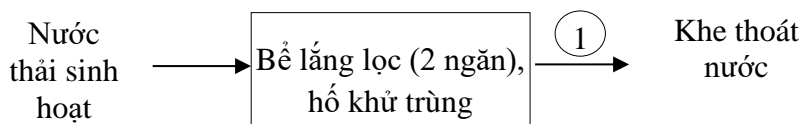
- Công suất dự kiến đạt được của Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm là công suất tối đa của Dự án.

**6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

**a. Kế hoạch quan trắc nước thải sinh hoạt**

- Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.



**Hình 6. 1. Sơ đồ vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt**

- Vị trí 01 (nước thải đầu ra) toạ độ: X(m) = 1998267, Y(m) = 579101 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

**Bảng 6. 2. Kế hoạch lấy mẫu dự kiến trong giai đoạn VHTN CTXLNT**

STT	Thời gian lấy mẫu	Thông số quan trắc	Loại mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	01/12/2024	pH; BOD <sub>5</sub> (20 °C); TSS, TDS; Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P); tổng các chất hoạt động bề mặt; Coliform.	Mẫu đơn	Vị trí 01 (01 mẫu)
2	02/12/2024		Mẫu đơn	Vị trí 01 (01 mẫu)
3	03/12/2024		Mẫu đơn	Vị trí 01 (01 mẫu)

- Quy chuẩn so sánh: So sánh với QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, K = 1,2.

**b. Tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện lấy mẫu chất thải**

Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Hà Tĩnh (đơn vị tư vấn) và Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam (đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu) sẽ tiến hành lấy, phân tích mẫu và đánh giá kết quả chất lượng chất thải.

Thông tin đơn vị phối hợp thực hiện lấy mẫu:

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam;
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214, đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội;
- Điện thoại: 0936175507;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc của Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam: VIMCETS 269;
- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 số hiệu VILAS 1349.

**6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật**

**6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

- *Quan trắc nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp:*

Theo quy định tại Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Như vậy, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

**Chương VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm 2022-2023 không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với Cơ sở.



**CHƯƠNG VIII**  
**CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu cam kết:

- Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến cơ sở;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của cơ sở gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình làm việc;
6. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
  - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
  - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
  - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
  - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.
7. Tuân thủ các quy chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

8. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của chính phủ.

9. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ công khai giấy phép môi trường và cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

**PHỤ LỤC:  
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3000375798

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 03 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 30 tháng 12 năm 2021

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI  
TRUNG HẬU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số nhà 182, đường Lê Đại Hành, Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh,  
Việt Nam

Điện thoại: 0983865451

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.600.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/08/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042072001327

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 3, Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh,  
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố 3, Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt  
Nam



Trần Việt Sao

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: **5478613385**

*Chứng nhận lần đầu: Ngày 21 tháng 8 năm 2018.*

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 19/2010/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Văn bản số 4955/UBND-NL<sub>2</sub> ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện các nội dung liên quan đến xuất khẩu sản phẩm đá xây dựng;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu lập ngày 12/7/2018;

Căn cứ đề nghị của Phòng Quản lý Đầu tư tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 17/8/2018,

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH**

Chứng nhận nhà đầu tư:

Tên nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu; Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số **3000375798** do phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/3/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/8/2015.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố 3, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

*cut*

Người đại diện theo pháp luật: Ông PHAN XUÂN HỒNG; sinh ngày 23/12/1960; quốc tịch: Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân số: 183598369 cấp ngày 08/10/2004 tại Công an Hà Tĩnh; địa chỉ thường trú tại: Tổ dân phố 3, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam; chỗ ở hiện nay tại: Tổ dân phố 3, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với những nội dung sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**

1. Tên dự án đầu tư: KHU CHẾ BIẾN ĐÁ XÂY DỰNG TẠI KHE NGỌ SU, PHƯỜNG KỲ LONG, THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH.

2. Mục tiêu dự án: Chế biến đá sau khai thác để cung cấp cho thị trường tại Khu kinh tế Vũng Áng, vùng phụ cận và xuất khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép xuất khẩu khi đáp ứng đầy đủ các quy định liên quan).

3. Quy mô dự án:

Mô tả bằng các tiêu chí:

+ Công suất thiết kế: 200.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm. Trong đó: Đá học (40%) khoảng 80.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm, đá xay khoảng 120.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.

+ Sản phẩm cung cấp: Các loại đá xây dựng kích cỡ khác nhau (Đá học; Đá xay các loại: Đá 4x6, đá 2x4, đá 1x2, đá 0,5x1, đá 0,5; đá base (0-4 cm).

- Quy mô kiến trúc xây dựng: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng (Nhà điều hành, nhà ăn và nghỉ giao ca, Gara để xe, sân và đường giao thông nội bộ...) và các công trình phục vụ sản xuất, chế biến đá (Dây chuyền nghiền sàng, nhà kho, nhà kho vật liệu nổ công nghiệp, xưởng bảo dưỡng sửa chữa, bãi chứa đá nguyên liệu, bãi chứa đá thành phẩm...). Các công trình có số tầng là 01 tầng và chiều cao không quá 12m.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Tại khe Ngọ Su, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: khoảng 28.000 m<sup>2</sup>. (diện tích cụ thể được xác định trong hợp đồng thuê đất)

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 17.000.000.000 (Mười bảy tỷ) đồng.

Trong đó: Vốn cố định là 15.000.000.000 (Mười lăm tỷ) đồng, chiếm 88,2% tổng vốn đầu tư; Vốn lưu động: 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, chiếm 11,76% tổng vốn đầu tư; Vốn khác: Không.

7. Thời hạn hoạt động của dự án:

Theo thời hạn khai thác mỏ đá quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND ngày 14/10/2013 do UBND tỉnh cấp;

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động từ tháng 01/2015.

**Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

Được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

### **Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Nhà đầu tư phải chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh không thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu Nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, không chấp hành chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và các báo cáo, thông tin, số liệu khi Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh yêu cầu;

2. Việc chuyển nhượng dự án hoặc thay đổi chủ đầu tư của Nhà đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

3. Nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

4. Dự án chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Trường hợp dự án bị chấm dứt hoạt động đầu tư mà do Nhà đầu tư vi phạm các quy định của pháp luật, các cam kết tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các cam kết khác, Nhà đầu tư không được hoàn trả các chi phí đã thực hiện.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu được cấp 01 bản, và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.



**Dương Tất Thắng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3016 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 9 năm 2013

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh”

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP; Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh” họp ngày 12/7/2013 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn giải trình số 26/TTr-TH ngày 22/8/2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2322/TTr-TNMT ngày 23/9/2013,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án “Đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh” được lập bởi Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:



1. Phạm vi, quy mô của dự án: Khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngổ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh với tổng diện tích sử dụng đất 10,37 ha, bao gồm:

- Khu vực khai trường: 07 ha;

- Khu vực sản công nghiệp và phụ trợ: 3,37 ha, gồm nhà văn phòng, khu chế biến, bãi thải và các công trình phụ trợ khác.

2. Công suất của dự án: Công suất khai thác 260.000m<sup>3</sup> đá nguyên khai/năm.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác mỏ đá xây dựng tại khu vực khe Ngổ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu với các nội dung chủ yếu sau:

a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Đối với khu vực khai trường: Cải tạo bờ moong, gia cố sườn tầng chống trượt lở, xây dựng hàng rào thép gai và cắm biển báo xung quanh khu vực bờ moong; phần đáy moong 1: Xây dựng hệ thống thoát nước ở đáy moong; san gạt, phủ lớp đất màu 0,7 m sau đó trồng cây keo lá tràm mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm trong 03 năm; phần đáy moong 2: Để nguyên hiện trạng sau khi khai thác và làm hồ.

+ Đối với khu vực sản công nghiệp, phụ trợ: Tháo dỡ các công trình đã xây dựng trong quá trình thực hiện dự án, tiến hành san gạt, cày xới đất, trồng cây với mật độ 1.660cây/ha, chăm sóc và trồng dặm trong 03 năm.

b. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 1.976.020.910 đồng.

*(Một tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm hai mươi nghìn chín trăm mười đồng).*

- Số lần ký quỹ: 12 lần (mỗi năm 01 lần).

+ Lần 1, số tiền: 379.846.088 đồng (bằng 20% tổng tiền ký quỹ gốc trừ đi số tiền ký quỹ đã nộp đối với phần diện tích đã được cấp giấy phép) thực hiện trước khi tiến hành hoạt động khai thác 30 ngày.

+ Việc ký quỹ 11 lần tiếp theo (từ lần thứ 02 đến lần thứ 12) phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 hàng năm của các năm tiếp theo, số tiền nộp mỗi lần: 145.106.802 đồng;

- Địa chỉ ký quỹ: Tài khoản số: 3700201004222 thuộc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh.

Điều 3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Chủ Dự án:

1. Trong quá trình thực hiện dự án, phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế và quy hoạch được phê duyệt; xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường và tổ chức thi công phù hợp để giảm thiểu xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm khu vực dự án; tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu về tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải đảm bảo trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hiện hành.

2. Tiến hành trồng cây xanh tại các khu đất trống thích hợp trong khu vực dự án, nhằm tạo cảnh quan môi trường, giảm khả năng lan truyền bụi, khí thải; hạn chế rửa trôi, xói mòn đất do mưa lũ.

3. Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại trong suốt quá trình thực hiện dự án. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường khu vực bãi thải và lưu giữ đất mặt đảm bảo không gây tác động đến môi trường và khe suối xung quanh khu vực dự án.

4. Xây dựng hệ thống mương, bể lắng, mạng lưới thoát nước để thu gom và xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước, bồi lấp các khe suối xung quanh khu vực dự án.

5. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên, an toàn lao động, an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

6. Xây dựng phương án cụ thể và chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình trên công trường và khu vực sân công nghiệp; thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống cháy rừng.

7. Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo ĐTM và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để theo dõi kiểm tra và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường (6 tháng/lần) theo đúng quy định.

8. Duy tu, bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo đề án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt; bàn giao các công trình cải tạo, phục hồi môi trường cho địa phương quản lý theo quy định.

#### **Điều 4. Chủ Dự án có các trách nhiệm sau:**

1. Trước khi triển khai hoạt động khai thác phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án tại trụ sở UBND xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho

cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

5. Báo cáo tình hình thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

6. Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, phải lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án cải tạo phục hồi môi trường để đề nghị xác nhận việc hoàn thành các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định.

Điều 5. Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi về nội dung của Báo cáo ĐTM hoặc Đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 6. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án “Đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngọ Su xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh” là căn cứ để cấp có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản; nội dung Báo cáo ĐTM, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường của Chủ Dự án.

Điều 7. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, UBND huyện Kỳ Anh và chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong Báo cáo ĐTM, Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và các yêu cầu tại Quyết định này. Nếu Chủ Dự án vi phạm một trong các yêu cầu nêu trên thì kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ việc thực hiện dự án, buộc bồi hoàn các chi phí, thiệt hại liên quan do vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, Chủ tịch UBND huyện Kỳ Anh, Chủ tịch UBND xã Kỳ Long, Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu (Chủ Dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN<sub>2</sub>, N<sub>1</sub>;
- Gửi: Bản giấy và điện tử.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CHỨNG THỰC 522.....QUYỀN SỐ.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐÀNH CHỮ TỊCH

UBND P. HƯNG TRÍ - TX. KỲ ANH - TỈNH HÀ TĨNH

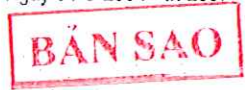
CHỦ TỊCH



Trần Minh Kỳ

Nguyễn Thành Đông

Số: 03/ITD-PCCC (.....)



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 25/TT ngày 27/1/2004 của: Công ty cổ phần thương mại xây dựng Trung Hậu

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Hữu Hậu Chức danh Giám đốc

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CNCH**

**CHỨNG NHẬN:**

(2) KHO BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VLNCN TRỦ LƯƠNG 05 TẤN

Địa điểm: Xã Kỳ Long - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty cổ phần thương mại xây dựng Trung Hậu

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Minh Đức

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Hạng sản xuất, bậc chịu lửa, quy mô, diện tích, khoảng cách an toàn PCCC, PN
- Giao thông nguồn nước phục vụ chữa cháy.
- Hệ thống chữa cháy bằng bột, khí; Hệ thống điện; Hệ thống thu lôi chống sét;
- Hệ thống thông gió, thoát khói, thoát nạn ...

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Thi công đúng vị trí khảo sát, thiết kế và được thẩm duyệt về PCCC. Cửa kho 2 lớp, lắp khoá chống trộm. Hàng rào bảo vệ cách kho > 10m, chiều cao > 2m, ngăn được người và súc vật. Hệ thống thu lôi chống sét lắp đặt đúng tiêu chuẩn quy phạm, điện trở tiếp đất < 10 ôm (nghiệm thu bằng văn bản). Phát quang dọn sạch cây cỏ xung quanh kho bán kính > 20m. Trang bị 02 bình chữa cháy MFZ4 (01 bộ nội quy), biển cảnh báo PCCC. Có bể nước và hồ cát chữa cháy theo quy định. Xây dựng phương án và nghiệm thu các điều kiện PCCC, PN trước khi đưa kho vào sử dụng.

18-05-2024

Hà Tĩnh, ngày 4 tháng 11 năm 2014

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC & CNCH

Nơi nhận:

- C66 Bộ CA;

- Giám đốc CA tỉnh;

- Chủ đầu tư;

- Lưu: PC66



Đại tá Nguyễn Huy Hùng

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (kỳ tên, đóng dấu).

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3195/GP-UBND

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 10 năm 2013

## GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại mỏ đá xây dựng khu vực Khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh;

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo phục hồi môi trường của “Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá xây dựng khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000242 ngày 11/9/2013 do UBND tỉnh cấp cho Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản nộp ngày 11/10/2013 của Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2529/STNMT - KS ngày 09/10/2013 về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh cho Công ty CP Xây dựng Thương mại - Trung Hậu,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu khai thác đá xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá xây dựng khu vực Khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;

Diện tích khu vực khai thác: 7,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 có toạ độ xác định theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác: +95 m;

Trữ lượng đá xây dựng:

- Trữ lượng địa chất: 2.976.210 m<sup>3</sup>;

- Trữ lượng khai thác: 2.228.222 m<sup>3</sup>;

Trữ lượng đất san lấp: 87.430 m<sup>3</sup>;

Công suất khai thác: 200.000 m<sup>3</sup>/năm.

Thời hạn khai thác: 12 (mười hai) năm kể từ ngày ban hành giấy phép này.

**Điều 2.** Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng chẵn – Theo Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tài chính).

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi có Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ đá xây dựng theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng tại khu vực Khe Ngọ Su, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến khoáng sản phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác đá xây dựng sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương hồ sơ thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định.

Sau 12 tháng kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản có hiệu lực, nếu Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu chưa bắt đầu việc xây dựng cơ bản mỏ, trừ trường hợp bất khả kháng, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản của đơn vị.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND huyện Kỳ Anh, Chủ tịch UBND xã Kỳ Long và Giám đốc Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT;
- Công an tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Kỳ

Giấy phép khai thác khoáng sản này được đăng ký

nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI DUNG CHỈ  
SỐ CHỨNG THỰC 523 QUYỀN SỞ Số đăng ký: 34 ĐK/TD  
Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 10 năm 2013

Ngày 20-05-2024

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

UBND P. HƯNG TRÍ - TX. KỲ ANH - T. HÀ TĨNH  
CHỦ TỊCH



Võ Bá Đình

Nguyễn Thành Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

Phụ lục số 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC ĐÁ XÂY DỰNG TẠI KHU  
VỰC KHE NGỌ SU, XÃ KỶ LONG, HUYỆN KỶ ANH  
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND  
ngày 14/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> 30' múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X (m)	Y (m)
1	1990558	594706
2	1990677	594825
3	1990552	594841
4	1990486	594775
5	1990536	594727
6	1990461	594662
7	1990181	594486
8	1990418	594369
9	1990578	594686
Diện tích: 7,0 ha		

  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ  
TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195 /GP-UBND  
ngày 14/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Năm	Công suất khai thác (m <sup>3</sup> /năm)	Sản phẩm sau chế biến (m <sup>3</sup> )	Địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm	Ghi chú
1	2013			Cấm mốc giới phạm vi khai thác; lập và phê duyệt thiết kế mỏ; thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất; xây dựng cơ bản mỏ...	
2	Từ năm 2014 trở đi	200.000	Đá hộc Đá dăm Đá 4x6 Đá 2x4 Đá 1x2 Đá 0,5x1	- Chế biến: Xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh - Tiêu thụ: địa bàn huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	

  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Số: 330 /QĐ-KKT

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 11 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v cho Công ty Cổ phần xây dựng - Thương mại Trung Hậu thuê đất thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngổ Su thuộc xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG**

Căn cứ Luật đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Các Thông tư: số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 và số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định 946/QĐ-TTg ngày 12/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ các Quyết định: số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 và số 19/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng;

Căn cứ Quyết định số 69/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2013;

Căn cứ Quyết định 1270/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh giá đất và đơn giá thuê đất chuyên dùng tại các Khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 3511/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi đất và giao đất để quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000242 được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/9/2013;

Căn cứ biên bản bàn giao đất tại thực địa giữa Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng và Công ty Cổ phần xây dựng - Thương mại Trung Hậu ngày 12/11/2013;

Xét hồ sơ kèm theo Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần xây dựng - Thương mại Trung Hậu và đề nghị của hai phòng: Quản lý Tài nguyên - Môi trường và Kế hoạch - Tài chính tại tờ trình ngày 15/11/2013,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho Công ty Cổ phần xây dựng - Thương mại Trung Hậu (Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000242 được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/9/2013) thuê 90.080,0m<sup>2</sup> đất (*chín mươi nghìn không trăm tám mươi mét vuông đất*), tại khu vực khe Ngọ Su thuộc xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng.

Trong đó: Diện tích để khai thác là: 57.000m<sup>2</sup>; Diện tích khu chế biến là: 33.080m<sup>2</sup>.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích đo hiện trạng khu đất (tỷ lệ 1/1000), do Công ty cổ phần tư vấn Á Châu do vẽ tháng 10/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 29/10/2013; Bản đồ khu vực khai thác - tỷ lệ 1/5000 (kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013) và Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) được UBND tỉnh phê duyệt năm 2013.

- Thời gian cho thuê đất: tính từ ngày bàn giao đất tại thực địa (ngày 11/11/2013) đến hết ngày 13/10/2025 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013).

- Hình thức trả tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

- Đơn giá thuê đất là: **3.375 đồng/m<sup>2</sup>/năm** (*ba ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng trên mét vuông trên năm*). Đơn giá thuê đất trên chưa bao gồm phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung của Khu kinh tế Vũng Áng.

Đơn giá thuê đất này ổn định trong vòng 5 năm và sau thời gian trên sẽ được điều chỉnh theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

- Thời gian tính tiền thuê đất: tính từ ngày bàn giao đất tại thực địa (ngày 11/11/2013) đến hết ngày 13/10/2025 (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013).

**Điều 2.** Công ty Cổ phần xây dựng - Thương mại Trung Hậu có trách nhiệm: Ký hợp đồng thuê đất với Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng sau khi Quyết định cho thuê đất có hiệu lực; thực hiện các nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các quy định khác của Pháp luật hiện hành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**BẢN SAO**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2013*

## **HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Số: 30 /2013/HĐTD-KKT

**CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ:  
ĐẦU TƯ KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ XÂY DỰNG  
TẠI KHU VỰC KHE NGỌ SU, XÃ KỲ LONG,  
HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

**GIỮA**

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VỮNG ÁNG**

**VÀ**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU**

## PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 và Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 và Quyết định số 19/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định 946/QĐ-TTg ngày 12/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng;

Căn cứ Quyết định số 3511/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi đất và giao đất để quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-KKT ngày 19/11/2013 của Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng về việc cho Công ty Cổ phần xây dựng Trung Hậu thuê đất thực hiện dự án đầu tư khai thác chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngổ Su thuộc xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000242 được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/9/2013;

## PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 19 tháng 11 năm 2013 tại Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên cho thuê đất (Bên A):

Tên giao dịch : Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng  
Địa chỉ: số 86, đường Phan Đình Phùng, thành phố Hà Tĩnh  
Đại diện là ông: NGÔ ĐÌNH VÂN Quốc tịch: Việt Nam  
Chức vụ: Phó Trưởng ban.  
Điện thoại: 0393.882.242 Fax : 0393.882.992  
E-mail : [kktvungang@hatinh.gov.vn](mailto:kktvungang@hatinh.gov.vn)

2. Bên thuê đất là (Bên B):

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu  
Địa chỉ: Khu phố 3 - thị trấn Kỳ Anh - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh.

Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000242 được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 11/9/2013 .

Tên người đại diện: Thân Trung Hải Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số tài khoản: 3704201003030

Tại Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - huyện Kỳ Anh

Điện thoại: 0913095780

Fax : 0393.720997

Bên cho thuê và Bên thuê được gọi riêng là Bên và gọi chung là Các Bên.

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực khe Ngõ Su thuộc xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng như sau:

**Điều 1. VỊ TRÍ, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ THỜI HẠN**

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê khu đất trong Khu kinh tế Vũng Áng (sau đây gọi là "Đất thuê"), với diện tích và vị trí như sau:

- Diện tích đất: 90.080,0m<sup>2</sup> đất (chín mươi nghìn không trăm tám mươi phẩy không mét vuông đất)

Trong đó: Diện tích đất để khai thác: 57.000m<sup>2</sup>; Diện tích đất làm khu chế biến là: 33.080m<sup>2</sup>.

- Vị trí, ranh giới đất:

+ Vị trí: xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng.

+ Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích đo hiện trạng khu đất (tỷ lệ 1/1000), do Công ty cổ phần tư vấn Á Châu đo vẽ tháng 10/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 29/10/2013; Bản đồ khu vực khai thác - tỷ lệ 1/5000 (kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013) và Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/400) được UBND tỉnh phê duyệt năm 2013.

1.2. Bên B đồng ý rằng Bên B sẽ sử dụng Đất thuê theo Quy định tại (i) Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013, (ii) Trích đo hiện trạng khu đất (tỷ lệ 1/1000), do Công ty cổ phần

tr vấn Á Châu do vẽ tháng 10/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 29/10/2013 và (iii) các quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch tại Khu kinh tế Vũng Áng hiện hành (sau đây gọi là "Sử dụng đất theo quy định"), và không được dùng cho bất kỳ mục đích nào khác trừ khi có sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản.

1.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được hai Bên tiến hành ký kết hợp lệ ("Ngày hiệu lực"). Trong trường hợp Hợp đồng này không được hai Bên ký trong cùng ngày, thì ngày hiệu lực sẽ là ngày ký sau. Thời hạn của Hợp đồng này (sau đây gọi là "Thời hạn") sẽ bắt đầu vào Ngày hiệu lực và hết hạn theo thời hạn cho thuê đất theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013; trừ khi hợp đồng chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại khoản 7.1. Điều 7 (không tính đến khoản 7.1 (iv) Điều 7).

1.4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

## Điều 2. TIỀN THUÊ, CÁC KHOẢN PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Hình thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

2.2. Đơn giá thuê đất: 3.375 đồng/m<sup>2</sup>/năm.

Đơn giá này chưa bao gồm phí sử dụng dịch vụ hạ tầng kỹ thuật chung trong Khu kinh tế Vũng Áng.

Đơn giá thuê đất này ổn định trong vòng 5 năm và sau thời gian trên sẽ được điều chỉnh theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

2.3. Thời gian nộp tiền thuê đất: tính từ ngày bàn giao đất tại thực địa (ngày 11/11/2013) đến hết thời hạn theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3195/GP-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2013. Bên B có trách nhiệm hoàn thành việc chuyển tiền thuê đất cho Bên A mỗi năm hai kỳ, trước ngày 01/4 và trước ngày 01/10 hàng năm khi có thông báo nộp tiền của Bên A hoặc của cơ quan quản lý Thuế.

2.4. Ngoài tiền thuê đất, Bên B phải trả cho Bên A phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung của Khu kinh tế Vũng Áng (Phí tiện ích công cộng, phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng...); khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về thu phí sử dụng hạ tầng của Khu kinh tế Vũng Áng, Các bên sẽ ký kết hợp đồng để thu, nộp phí hạ tầng.

2.5. Nếu bất kỳ khoản tiền thuê nào theo thông báo của Bên A hoặc cơ quan quản lý thuế đã đến thời hạn nộp nhưng bên B vẫn không nộp đủ thì phải chịu phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ.

2.6. Phương thức nộp tiền thuê đất: Chuyển từ Tài khoản giao dịch tại Ngân hàng của Bên B vào Tài khoản thu ngân sách tỉnh Hà Tĩnh. Tài khoản nộp tiền thuê đất sẽ do Bên A cung cấp bằng thông báo hoặc theo thông báo của cơ quan quản lý Thuế.

### Điều 3. BÀN GIAO ĐẤT THUÊ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

3.1. Đất được cho thuê mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa, mà không được Bên A cho phép thì Bên A bằng cách gửi văn bản thông báo trước ba mươi (30) ngày, sẽ thu hồi phần đất thuê mà không phải trả lại bất kỳ khoản tiền nào đã trả theo Hợp đồng này.

3.2. Việc xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng và công trình xây dựng khác của bên B (sau đây gọi là "tài sản trên đất") sẽ được thực hiện bằng chi phí của Bên B và phải phù hợp với Trích đo hiện trạng khu đất (tỷ lệ 1/1000), do Công ty cổ phần tư vấn Á Châu đo vẽ tháng 10/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 29/10/2013; Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (tỷ lệ 1/400) được UBND tỉnh phê duyệt năm 2013 ; phù hợp với các quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch tại Khu kinh tế Vũng Áng hiện hành.

### Điều 4. CÁC CAM KẾT

#### 4.1. Bên A cam kết:

- (i) Giao Đất thuê cho bên B theo quy định của Hợp đồng này;
- (ii) Đảm bảo Bên B sẽ được sử dụng đất trong thời gian thực hiện hợp đồng này (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai và Điều 36 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ);
- (iii) Tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này;
- (iv) Tôn trọng quyền sở hữu tài sản của bên B tại Đất thuê.
- (v) Khi tiến hành thu hồi phần đất mà Bên A cho Bên B thuê thì Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B trước ba mươi (30) ngày.

#### 4.2. Bên B cam kết:

- (i) Bảo đảm rằng tất cả các khoản tiền phải trả theo hợp đồng sẽ được trả đầy đủ và đúng hạn;
- (ii) Chấp hành và tuân thủ tất cả luật, quy định và quy tắc như được sửa đổi trong từng thời điểm;
- (iii) Chấp hành và tuân thủ các điều khoản và điều kiện của Giấy chứng nhận đầu tư của bên A;
- (iv) Tuân thủ các điều khoản và điều kiện của tất cả các phê chuẩn, giấy phép hoặc sự chấp thuận của bất kỳ cơ quan hữu quan khác liên quan đến việc tiến hành hoạt động kinh doanh và việc sử dụng và chiếm ngụ Đất thuê của bên A;
- (v) Tuân thủ mọi điều khoản và điều kiện của Hợp đồng;
- (vi) Ký kết và cung cấp các văn bản mà bên A có thể yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam trong từng thời điểm;
- (vii) Nhanh chóng thông báo cho bên A về bất kỳ sự việc xảy ra hoặc tình huống nào mà bên B biết được và sự việc hoặc tình huống đó có thể ảnh hưởng



bất lợi đến khả năng của bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cũng như về bất kỳ vi phạm.

## **Điều 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

5.1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 120 Luật Đất đai.

5.2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại toàn bộ hay một phần diện tích đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trong trường hợp này bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 180 ngày. Bên A căn cứ các quy định của pháp luật xem xét trả lời cho Bên B trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng đối với diện tích đất thỏa thuận trả lại được tính đến ngày Bên B bàn giao xong mặt bằng trên thực địa cho Bên A (có biên bản bàn giao).

5.3. Bên B phải làm Đơn xin tiếp tục thuê đất trước khi thời hạn thuê đất trong Hợp đồng kết thúc là 180 ngày. Bên A ưu tiên đầu tiên cho Bên B đang thuê đất được tiếp tục thuê đất với các ưu đãi theo quy định hiện hành tại thời điểm đó và hai bên tiến hành bàn bạc để ký tiếp hợp đồng thuê đất.

## **Điều 6. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

6.1. Bất kỳ nghĩa vụ nào của một Bên (ngoại trừ các nghĩa vụ căn cứ theo Điều 2) sẽ bị đình chỉ trong mức độ và trong khoảng thời gian mà việc thực hiện bị ngăn cản bởi bất kỳ nguyên nhân nào nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của Bên đó (sau đây được gọi là "Sự kiện bất khả kháng"), bao gồm (a) dịch bệnh, (b) hành động chiến tranh (dù có tuyên bố hay không), phong tỏa hoặc các hành động thù địch khác, hành động khủng bố, khởi nghĩa, nổi loạn, hoặc hành động của nước thù địch, (c) nổ, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, giông bão hoặc các thiên tai khác, (d) thay đổi chính sách của Chính phủ Việt Nam.

6.2. Bên B bị đình chỉ do Sự kiện bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo cho Bên A bằng văn bản về việc đình chỉ thực hiện nghĩa vụ đó nêu rõ trong thông báo các lý do đình chỉ, thời hạn dự kiến đình chỉ và bất kỳ hành động nào sẽ được thực hiện để khắc phục các ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng. Bên B phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết và hợp lý để khắc phục và giảm thiểu đến mức thấp nhất các ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng và phải bắt đầu thực hiện lại các nghĩa vụ trong thời gian sớm nhất có thể. Cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

6.3. Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, Các Bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

6.4. Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của Các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt Hợp đồng tại một thời điểm bất kỳ, một Bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản trước ba mươi (30) ngày cho Bên còn lại và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực trong khoảng thời gian ba mươi (30) ngày sau khi bên còn lại nhận được thông báo.

## Điều 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau :

(i) Sự kiện bất khả kháng vẫn không thể khắc phục được trong khoảng thời gian ba mươi (30) ngày theo Điều 6.4;

(ii) Các Bên vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng nhưng không tiến hành các biện pháp cần thiết để khắc phục các vi phạm đó trong thời hạn ba mươi (30) ngày;

(iii) Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

(iv) Do đề nghị của một Bên và được Bên còn lại chấp thuận;

(v) Bên B bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

(vi) Bên B vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định quản lý và hoạt động sản xuất trong Khu kinh tế Vũng Áng buộc Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng phải đình chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh và thu hồi đất theo quy định của pháp luật;

(vii) Bên B bị UBND tỉnh Hà Tĩnh thu hồi đất theo các quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

7.2. Khi chấm dứt Hợp đồng này:

(i) Bên B phải hoàn trả lại Đất thuê cho Bên A và thực hiện đầy đủ việc cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định trong hồ sơ dự án cải tạo phục hồi môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

(ii) Nếu Bên A yêu cầu Bên B di dời khỏi Đất thuê hoặc tháo dỡ tài sản trên đất của Bên B và Bên B từ chối thực hiện các công việc nói trên, thì Bên B được xem như chỉ định cho Bên A ủy quyền xử lý công việc đó bằng chi phí của Bên B, và bằng bất kỳ phương thức nào mà Bên A cho là thích hợp.

(iii) Trường hợp chấm dứt hợp đồng do bên B vi phạm pháp luật về đất đai hoặc theo Điều 7.1(vi) của Hợp đồng này thì bên B phải chịu hoàn toàn thiệt hại và không được hoàn trả các chi phí đã đầu tư (bao gồm cả tiền thuê đất đã nộp).

(iv) Trường hợp chấm dứt Hợp đồng do Bên A vi phạm pháp luật về đất đai thì Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại tiền thuê đất cho Bên B đã nộp.

## Điều 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

8.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện Hợp đồng này bao gồm bất kỳ vấn đề liên quan nào về sự tồn tại, tính hiệu lực hoặc sự chấm dứt Hợp đồng này (sau đây gọi là "Tranh chấp"), sẽ trong phạm vi có thể, được Các Bên giải quyết trên tinh thần thân hữu bằng thương lượng và hòa giải.

8.2. Bất kỳ tranh chấp nào không thể giải quyết được thông qua thương lượng sẽ được giải quyết chung thẩm bởi Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là quyết định cuối cùng và có tính bắt buộc với các bên.

8.3. Trước khi giải quyết bất kỳ tranh chấp nào, Các Bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này mà không làm ảnh hưởng đến phán quyết chung thẩm.

8.4. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

**Điều 9: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Bên B phải tuân thủ tất cả luật, quy định và quy tắc hiện hành về bảo vệ môi trường và phải chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại, chi phí hoặc tiền phạt nào phát sinh do việc Bên B không tuân thủ điều khoản này.

**Điều 10: THUẾ**

Bên B phải nộp tất cả các loại thuế đối với mặt bằng phát sinh trong thời hạn nêu pháp luật quy định Bên B phải nộp loại thuế đó.

**Điều 11: CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG**

Nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Bên A, Bên B không được chuyển nhượng quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, và không được cho thuê lại đất thuê cho bất kỳ bên thứ ba nào.

**Điều 12. LUẬT ĐIỀU CHỈNH**

Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống Pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 13. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

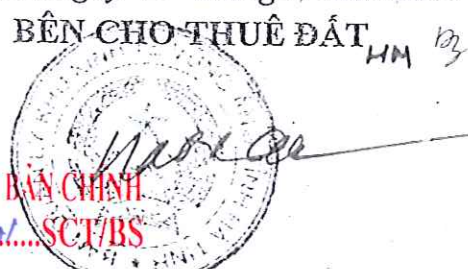
Việc sửa đổi và bổ sung Hợp đồng này sẽ không có hiệu lực trừ khi được lập thành văn bản và ký kết hợp lệ bởi Các Bên.

Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này

Hợp đồng này có 8 trang đánh số thứ tự từ 1 đến 8 và được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên B giữ 03 bản, Bên A giữ 07 bản để gửi các cơ quan liên quan./.

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2013

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2013



Thân Trung Hải

18 -05- 2024

Ngô Đình Vân

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG KỲ ANH  
CÔNG CHỨNG VIÊN**



Nguyễn Duy Sỹ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**Số: 240604/HĐ – XLMTNA – TRUNGHAU**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường ;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 04 tháng 06 năm 2024 tại văn phòng Công ty CP Xây dựng - Thương mại Trung Hậu chúng tôi gồm có:

**BÊN A (Bên giao) : CÔNG TY CP XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU**  
Địa chỉ : Số nhà 182, đường Lê Đại Hành, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.  
Điện thoại : 0983.865451  
MST : 3000375798  
Đại diện : Ông Phan Xuân Hồng Chức vụ: Phó giám đốc  
(Theo giấy ủy quyền số: 02-UQ/CTTH ngày 24 tháng 08 năm 2018)



**BÊN B (Bên nhận) : CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN**  
Địa chỉ : Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An  
Điện thoại : 0982 491 067 Email: nguyensexuan.xlmt@gmail.com  
Tài khoản : 0101000997708  
Ngân hàng : TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)- CN Nghệ An  
MST : 2901070574  
Đại diện : Ông Nguyễn Văn Xuân Chức vụ: Giám đốc  
Điện thoại thường trực khi gọi thu gom chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

## ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH tại: Tại mỏ đá Ngổ Su (xã Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải - Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

## ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

### 2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoán: **12.000.000 đồng/ 01 lần thu gom**. Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 600 kg/ 01 lần thu gom (*Sáu trăm kilogam trên một lần thu gom*) trừ dầu nhớt thải. Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 600 kg/01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
3	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12

2.1.2. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

2.1.3. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

### 2.2. Hình thức thanh toán:

2.2.1. toán Hình thức thanh: Bên A thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bên B 100% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết.

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

2.2.3. Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điểm 1, khoản 2.2) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

### **ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

#### **3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:**

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;
- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;

170874-  
CÔNG TY CP  
XỬ LÝ  
MÔI TRƯỜNG  
NGHỆ AN  
ĐƠN-THÀNH

- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

##### **4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:**

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

##### **4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:**

- 4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.2.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;
- 5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

#### **ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

##### **6.1 Bồi thường thiệt hại:**

- 6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- 6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

##### **6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:**

- 6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;
- 6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng

hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

**ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.
- 8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;
- 8.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện. *✓*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**ĐẠI DIỆN BÊN B**



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Văn Xuân*





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN**  
**VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**  
Số: 469/HĐMB/A11/2023

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015; Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 25/11/2019; các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 158/SCT-GPSDVLNCN ngày 12 tháng 12 năm 2023 được Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh cấp cho Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Trung Hậu;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp quốc phòng, chúng tôi gồm:

**BÊN BÁN** : TỔNG CÔNG TY KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG  
Trụ sở : Số 102 Kim Mã Thượng, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Mã số thuế : 0100283055  
Điện thoại : 02383.851.166 - Fax: 02383.511.638  
Tài khoản : 0011.0000.18801 tại Sở Giao dịch - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam  
Đại diện là ông : Trung tá Trần Văn Đạo  
Chức vụ : Giám đốc Chi nhánh Vật liệu nổ Miền Trung  
Giấy UQ số : 1014/GUQ-TCTKTKT ngày 31/3/2023 của Tổng Giám đốc  
*Bên Bán sau đây gọi tắt là "Bên A"*

**BÊN MUA** : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU  
Trụ sở : Số nhà 182, đường Lê Đại Hành, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.  
Điện thoại : 0983.865.451  
Tài khoản : 102.010.001.275.335 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh - PGD Kỳ Anh  
Mã số thuế : 3000375798  
Đại diện là ông : Nguyễn Hữu Hùng  
Chức vụ : Giám đốc  
*Bên Mua sau đây gọi tắt là "Bên B"*

Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán vật liệu nổ công nghiệp này với những nội dung sau:

### Điều 1. Hàng hóa

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua các loại Vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) gọi chung là “Hàng hóa” với số lượng, chủng loại và đơn giá được liệt kê chi tiết dưới đây:

#### 1.1. Số lượng:

Số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng trong 1 năm:

Thuốc nổ các loại: 88.000 kg, Kíp nổ các loại: 9.240 cái, dây nổ các loại: 39.820 mét.

Số lượng và chủng loại thực tế sẽ căn cứ theo giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số: 158/SCT-GPSDVLNCN ngày 12 tháng 12 năm 2023 được Sở Công thương tỉnh Hà Tĩnh cấp cho Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Trung Hậu.

#### 1.2. Chủng loại, đơn giá:

STT	Chủng loại	ĐVT	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)
1	Thuốc nổ Amonit AD1	Kg	52.400
2	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên $32 \leq \Phi \leq 90$	Kg	48.000
3	Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên $60 \leq \Phi \leq 180$	Kg	52.400
4	Thuốc nổ Anfo (bao 25kg)	Kg	35.380
5	Thuốc nổ Anfo $60 \leq \Phi \leq 90$	Kg	36.410
6	Kíp nổ điện số 8 (2m)	Cái	9.210
7	Kíp nổ điện vi sai (2m)	Cái	17.110
8	Kíp nổ điện vi sai (4,5m)	Cái	22.950
9	Kíp nổ điện vi sai (6m)	Cái	25.400
10	Kíp nổ vi sai phi điện trên mặt dùng cho lộ thiên, mở hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi nổ 4m (17ms, 25ms, 42ms)	Cái	46.729
11	Kíp nổ vi sai phi điện trên mặt dùng cho lộ thiên, mở hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi nổ 6m (17ms, 25ms, 42ms)	Cái	56.880
12	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ (400ms - 6m)	Cái	55.760
13	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ (400ms - 8m)	Cái	64.650

STT	Chủng loại	ĐVT	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)
14	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ (400ms - 10m)	Cái	73.220
15	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ (400ms - 12m)	Cái	87.190
16	Dây nổ chịu nước 12g/m	Mét	14.410
17	Dây điện mạng	Mét	910

Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển.

## **Điều 2. Quy cách, chất lượng sản phẩm.**

2.1. Hàng hóa ghi ở Điều 1 là các loại VLNCN đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền quyết định cho phép nhập khẩu, sản xuất và sử dụng tại Việt Nam.

2.2. Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ và còn hạn sử dụng.

## **Điều 3. Phương thức giao nhận, vận chuyển.**

### **3.1. Trường hợp Bên B tự vận chuyển:**

3.1.1. Bên A giao hàng cho Bên B tại kho VLNCN của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm làm thủ tục, vận chuyển VLNCN đến kho hoặc địa điểm sử dụng của Bên B đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép sử dụng VLNCN. Trước khi nhận hàng 01 ngày, Bên B photo Giấy phép vận chuyển VLNCN hoặc Mệnh lệnh vận chuyển VLNCN và gửi cho Bên A. Bên A chỉ cấp hàng đúng số lượng, chủng loại, biển kiểm soát xe, thời gian, người vận chuyển được ghi trên Giấy phép vận chuyển VLNCN hoặc Mệnh lệnh vận chuyển VLNCN.

3.1.2. Phương tiện vận chuyển, áp tải trong quá trình vận chuyển do Bên B chịu trách nhiệm. Toàn bộ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển do Bên B tự chịu.

3.1.3. Chi phí bốc xếp: bốc xếp tại kho bên nào, bên đó chịu chi phí.

3.1.4. Người nhận hàng của Bên B phải được đại diện hợp pháp của Bên B ủy quyền bằng văn bản chính thức và có đăng ký chữ ký với bên A. Bên A chỉ giao hàng đúng người được Bên B ủy quyền. Người nhận hàng phải xuất trình bản chính Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hợp pháp và còn giá trị, bản chính Giấy phép vận chuyển VLNCN hoặc Mệnh lệnh vận chuyển VLNCN.

3.1.5. Bên B có trách nhiệm kiểm tra Hàng hóa trước khi nhận hàng. Biên bản giao nhận Hàng hóa được lập ngay sau khi giao nhận hàng. Người giao và nhận, người có liên quan bàn giao cùng ký xác nhận trong biên bản.

### **3.2. Trường hợp Bên A vận chuyển:**



3.2.1. Bên A giao hàng cho Bên B tại kho VLNCN của Bên B đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép tại phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi là *địa điểm giao nhận*).

3.2.2. Chi phí vận chuyển VLNCN (chưa bao gồm thuế VAT) từ kho VLNCN của Bên A đến địa điểm giao nhận mà Bên B phải thanh toán cho Bên A được tính như sau:

- Đơn giá vận chuyển thuốc nổ là: 3.500.000 đồng/chuyến.
- Đơn giá vận chuyển phụ kiện nổ là: 2.500.000 đồng/chuyến.
- Trường hợp vận chuyển kết hợp thuốc nổ và phụ kiện nổ được cơ quan chức năng cho phép thì đơn giá vận chuyển là: 4.500.000 đồng/chuyến.

3.2.3. Phương tiện vận chuyển, áp tải do Bên A chịu trách nhiệm.

3.2.4. Chi phí bốc xếp: bốc xếp tại kho bên nào, bên đó chịu chi phí.

3.2.5. Bên B có thể yêu cầu Bên A giao hàng làm nhiều lần theo từng Đơn hàng do Bên B đề nghị với chi phí nêu tại mục 3.2.2 khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng.

3.2.6. Người nhận hàng của Bên B phải được đại diện hợp pháp của Bên B ủy quyền bằng văn bản chính thức. Bên A chỉ giao hàng đúng người được Bên B ủy quyền. Người nhận hàng phải xuất trình bản chính Giấy ủy quyền và Căn cước công dân/Hộ chiếu hợp pháp và còn giá trị.

3.2.7. Bên B có trách nhiệm kiểm tra Hàng hóa trước khi nhận hàng. Biên bản giao nhận Hàng hóa được lập ngay sau khi giao nhận hàng. Người giao và nhận, người liên quan cùng ký xác nhận trong biên bản.

3.2.8. Trường hợp việc vận chuyển Hàng hóa của Bên A đến *địa điểm giao nhận* gặp khó khăn thì Bên B có trách nhiệm hỗ trợ và cùng tìm biện pháp khắc phục để đưa hàng vào *địa điểm giao nhận* an toàn, đúng quy định.

#### **Điều 4. Nguyên tắc điều chỉnh đơn giá.**

4.1. Đơn giá nêu tại Khoản 1.2 Điều 1 và Mục 3.2.2 Khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng này là đơn giá tại thời điểm ký kết Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có sự biến động về giá thì Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B bằng văn bản và hai bên cùng thống nhất ký phụ lục Hợp đồng điều chỉnh đơn giá. Phụ lục Hợp đồng là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

4.2. Trường hợp Bên B không đồng ý với đơn giá mới do Bên A thông báo, Bên A sẽ tạm dừng cung cấp Hàng hóa và chỉ tiếp tục cung cấp Hàng hóa khi hai bên thống nhất được đơn giá mới. Nếu Hai bên không thống nhất được đơn giá mới thì một trong Hai bên có quyền chấm dứt Hợp đồng.

#### **Điều 5. Chuyển giao quyền sở hữu.**

Toàn bộ Hàng hóa được coi là chuyển giao quyền sở hữu từ Bên A cho Bên B ngay khi Bên A bàn giao Hàng hóa cho Bên B và/hoặc Bên B đã thực

hiện việc bốc dỡ Hàng hóa xuống khỏi xe của Bên A, tùy thời điểm nào đến trước và hai bên ký biên bản giao nhận Hàng hóa.

**Điều 6. Thời hạn và hình thức thanh toán.**

6.1. Bên B thanh toán trực tiếp vào tài khoản của Bên A bằng hình thức chuyển khoản, tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

6.2. Sau khi bên A và bên B giao nhận xong; Căn cứ vào biên bản giao nhận Hàng hóa mà Các Bên ký xác nhận, Bên A tiến hành phát hành hóa đơn tài chính cho Bên B.

**Thông tin xuất hóa đơn:**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương Mại Trung Hậu

Địa chỉ: Số nhà 182, đường Lê Đại Hành, phường Hưng Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Mã số thuế: 3000375798

Tài khoản: 102.010.001.275.335 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh - PGD Kỳ Anh

6.3. Thời hạn thanh toán:

Bên B thanh toán toàn bộ số tiền mua VLNCN, chi phí vận chuyển (nếu có) và thông báo cho Bên A trước khi nhận hàng. Bên A chỉ thực hiện giao hàng khi đã nhận được chứng từ chứng minh việc thanh toán của Bên B cho Bên A.

**Điều 7. Trách nhiệm của Hai bên.**

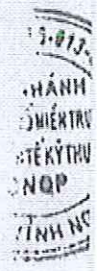
7.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Đảm bảo các thủ tục pháp lý về ngành nghề kinh doanh VLNCN.
- Tổ chức thực hiện việc giao hàng, vận chuyển hàng theo tiến độ của Bên B và theo quy định của Nhà nước.
- Cung cấp chứng từ đầy đủ cho Bên B và đảm bảo Hàng hóa bán cho Bên B có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng chủng loại và đảm bảo chất lượng.

7.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Cung cấp đầy đủ cho Bên A hồ sơ pháp lý (bản chính hoặc bản sao có công chứng) liên quan đến sử dụng VLNCN theo đúng quy định của pháp luật, giấy ủy quyền người nhận Hàng hóa. Thông báo cho Bên A đơn đặt hàng bằng văn bản trước ít nhất từ 01 đến 3 ngày (qua Fax và gửi bản chính) để Bên A có kế hoạch sản xuất và tổ chức cung ứng theo đúng tiến độ.

- Chuẩn bị nơi tiếp nhận và tiếp nhận hàng theo đúng tiến độ.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền đã thoả thuận trong Hợp đồng.



*H*

## **Điều 8. Bất khả kháng.**

8.1. Các trường hợp được coi là bất khả kháng là những sự kiện nằm ngoài khả năng dự đoán, kiểm soát, ngăn chặn của hai bên và xảy ra không phải do lỗi của hai bên, làm cho một trong hai bên không thể tiếp tục thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ đã thỏa thuận theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sự kiện sau đây:

- Những quy định của pháp luật có thay đổi, bổ sung, sửa đổi liên quan đến các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng làm ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện Hợp đồng đã ký kết.

- Những sự kiện mang tính khách quan như: động đất, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường trước hết được.

- Lệnh cấm vận chuyển VLNCN của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng bên bị ảnh hưởng phải kịp thời thông báo cho bên kia biết để cùng tìm phương hướng khắc phục. Hai bên sẽ không phải đền bù những thiệt hại do các sự kiện bất khả kháng mang lại.

## **Điều 9. Điều khoản chung.**

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã được ghi nhận trong Hợp đồng này. Các nội dung khác không ghi trong Hợp đồng này, hai bên cam kết thực hiện theo quy định của pháp luật.

9.2. Trường hợp một bên vi phạm quy định của Hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho Bên còn lại thì bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm, nếu có.

9.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu các điều kiện pháp lý của Bên B về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không được bảo đảm, bên A sẽ tạm dừng việc cung ứng vật liệu nổ công nghiệp cho bên B.

9.4. Hai bên không được đơn phương sửa chữa hoặc hủy bỏ Hợp đồng. Mọi thay đổi, bổ sung (nếu có) liên quan đến Hợp đồng này chỉ có giá trị khi Hai bên lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng (nếu có) là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

9.5. Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu phát sinh khó khăn hoặc tranh chấp ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng thì Hai bên phải kịp thời thông báo và cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận để thống nhất phương án giải quyết, đồng thời ghi nhận phương án đã thỏa thuận bằng Phụ lục Hợp đồng hoặc Văn bản chấp thuận của hai bên.

9.6. Nếu tranh chấp phát sinh không hòa giải được, một trong hai bên có quyền đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải nghiêm chỉnh thực hiện. Mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án do bên thua kiện chịu.

**Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng.**

10.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 14/10/2025.

10.2. Ngay sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình, hai bên tiến hành các thủ tục thanh lý Hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 10 bản bằng Tiếng Việt, mỗi bên giữ 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
GIÁM ĐỐC**



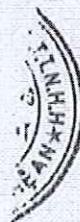
**Trưng tá Trần Văn Đạo**

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**



**TRƯNG TÁ KIỂM GIỮ**

*Nguyễn Hữu Hùng*





Số: 260...../2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ  
ĐỘ RUNG**

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 12 tháng 6 năm 2022
2. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $31 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $50 \pm 5\%$
3. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2022 tại Mỏ đá Ngọ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
4. Mẫu được lấy tại: Hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
5. Vị trí lấy mẫu:

DV-ĐR4: Khu nhà văn phòng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.54''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'54.91''\text{B}$

DV-ĐR5: Tại trạm nghiền sàng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'39.44''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'48.41''\text{B}$

6. Kết quả phân tích:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
					Trước nổ mìn	Trong lúc nổ mìn	Sau khi nổ mìn
1	ĐR1	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	24,5	69,6	31,2
2	ĐR2	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	28,4	76,8	39,7

Ghi chú:

Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 6 năm 2022.

QA/QC

Lê Thị Lê Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn





Số: 2.61.../2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 12 tháng 6 năm 2022
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 18/6/2022
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $60 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2022 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.

5. Lấy mẫu:  Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm

6. Vị trí lấy mẫu:

+ DV – K<sub>45</sub>: Tại khu vực Cổng vào mỏ, điểm lấy mẫu có tọa độ: 106<sup>0</sup>23'37.22" Đ; 17<sup>0</sup>59'57.33" B

+ DV – K<sub>46</sub>: Tại khu vực moong khai thác, điểm lấy mẫu có tọa độ: 106<sup>0</sup>23'23.19" Đ; 17<sup>0</sup>59'43.78" B

+ DV – K<sub>47</sub>: Tại khu vực dàn xây, điểm lấy mẫu có tọa độ : 106<sup>0</sup>23'39.44" Đ; 17<sup>0</sup>59'48.41" B.

7. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
				DV – K <sub>45</sub>	DV – K <sub>46</sub>	DV – K <sub>47</sub>
1	Độ ồn	TCVN 7878:2001	dB	67,2	74,1	78,5
2	Tổng bụi lơ lửng	TCVN 5067:1995	µg/m <sup>3</sup>	161	287	339
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:1996	µg/m <sup>3</sup>	36	39	41
4	CO	SOP.PT.07.41	µg/m <sup>3</sup>	<3.000	<3.000	<3.000
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/m <sup>3</sup>	39	42	43

Ghi chú:

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 6 năm 2022.

QA/QC

Lê Thị Lệ Thủy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: 2.6.2.../2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 12 tháng 6 năm 2022
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 18/6/2022
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $60 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2022 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
5. Lấy mẫu:  Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
5. Vị trí lấy mẫu: (DV-T<sub>28</sub>) Mương thoát nước thải sinh hoạt ra môi trường (nước thải sinh hoạt), điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.64''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'55.50''\text{B}$
6. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	Thang đo pH	5,5
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	61
3	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	28
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	59
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	4,0
6	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,001
7	Thủy ngân	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0005
8	Dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	<0,30
9	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	3.900
10	Tổng P	SMEWW 4500 -P.B&E:2017	mg/l	3,5
11	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/l	8,9

Ghi chú:

-(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 6 năm 2022.

QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: **2.63**./2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT**

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 12 tháng 6 năm 2022
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 18/6/2022
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $60 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2022 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
6. Vị trí lấy mẫu: (DV-M<sub>24</sub>) Tại Khe Lau đoạn chảy qua khu vực cổng ra vào, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'37.22''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'57.33''\text{B}$
7. Kết quả :

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	Nhiệt độ <sup>(1)</sup>	SMEWW 2550B:2017	mg/l	27,8
2	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	Thang pH	6,6
3	Độ dẫn <sup>(1)</sup>	SMEWW 2510B:2017	μS/cm	42,5
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	15,5
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	6,5
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	6,6
7	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	13,5
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,3
9	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	TCVN 6179 -1:1996	mg/l	0,03
10	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	530
11	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,24

Ghi chú: -(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QTTN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 6 năm 2022.

QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: 5.35./2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**

- Thời gian thử nghiệm: Ngày 5 tháng 11 năm 2022
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 5/11/2022 đến ngày 12/11/2022
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $60 \pm 5\%$
- Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2022 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
- Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu:
  - + DV – K<sub>172A</sub>: Tại khu vực Cổng vào mỏ, điểm lấy mẫu có tọa độ: 106<sup>0</sup>23'37.22" Đ; 17<sup>0</sup>59'57.33" B
  - + DV – K<sub>172B</sub>: Tại khu vực moong khai thác, điểm lấy mẫu có tọa độ: 106<sup>0</sup>23'23.19" Đ; 17<sup>0</sup>59'43.78" B
  - + DV – K<sub>172C</sub>: Tại khu vực dàn xây, điểm lấy mẫu có tọa độ : 106<sup>0</sup>23'39.44" Đ; 17<sup>0</sup>59'48.41" B.
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
				DV – K <sub>172A</sub>	DV – K <sub>172B</sub>	DV – K <sub>172C</sub>
1	Độ ồn	TCVN 7878:2001	dB	67,5	75,2	78,1
2	Tổng bụi lơ lửng	TCVN 5067:1995	µg/m <sup>3</sup>	116	162	187
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:1996	µg/m <sup>3</sup>	35	35	38
4	CO	SOP.PT.07.41	µg/m <sup>3</sup>	<3.000	<3.000	<3.000
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/m <sup>3</sup>	43	41	42

Ghi chú:

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 11 năm 2022.

QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: 536./2022/QTMT/QTĐK

**· BÁO CÁO KẾT QUẢ  
 ĐỘ RUNG**

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 5 tháng 11 năm 2022
2. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $31 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $50 \pm 5\%$
3. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2022 tại Mỏ đá Ngọ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
4. Mẫu được lấy tại: Hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
5. Vị trí lấy mẫu:

DV-ĐR20: Khu nhà văn phòng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.54''$  Đ;  $17^{\circ}59'54.91''$  B

DV-ĐR21: Tại trạm nghiên sàng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'39.44''$  Đ;  $17^{\circ}59'48.41''$  B

6. Kết quả phân tích:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
					Trước nổ mìn	Trong lúc nổ mìn	Sau khi nổ mìn
1	ĐR1	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	35,9	78,5	43,5
2	ĐR2	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	38,7	79,9	48,5

Ghi chú:

Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 11 năm 2022.

QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: 537.../2022/QTMT/QTĐK

## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

- Thời gian thử nghiệm: Ngày 5 tháng 11 năm 2022
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 5/11/2022 đến ngày 12/11/2022
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $60 \pm 5\%$
- Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2022 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
- Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu: (DV-T<sub>92A</sub>) Mương thoát nước thải sinh hoạt ra môi trường (nước thải sinh hoạt), điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.64''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'55.50''\text{B}$
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	Thang đo pH	5,3
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	72
3	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	35
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	68
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	4,2
6	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,001
7	Thủy ngân	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0005
8	Dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	<0,30
9	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	4.100
10	Tổng P	SMEWW 4500 -P.B&E:2017	mg/l	3,8
11	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/l	7,6

### Ghi chú:

-(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 11 năm 2022.

QA/QC

KIỂM TRA

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Lệ Thúy

Nguyễn Đình Nam

Trần Ngọc Sơn



Số: 538.../2022/QTMT/QTĐK

## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 5 tháng 11 năm 2022
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 5/11/2022 đến ngày 12/11/2022
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $60 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2022 tại Mỏ đá Ngọ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
6. Vị trí lấy mẫu: (DV-M<sub>172A</sub>) Tại Khe Lau đoạn chảy qua khu vực cống ra vào, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'37.22''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'57.33''\text{B}$
7. Kết quả :

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	Nhiệt độ <sup>(1)</sup>	SMEWW 2550B:2017	mg/l	26,6
2	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	Thang pH	6,6
3	Độ dẫn <sup>(1)</sup>	SMEWW 2510B:2017	$\mu\text{S/cm}$	32,8
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	18,6
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	6,2
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	8,6
7	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	16,8
8	Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,3
9	Amoni ( $\text{NH}_4^+$ )	TCVN 6179 -1:1996	mg/l	0,07
10	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1.100
11	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,4

Ghi chú: -(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QTTN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 11 năm 2022.

QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: 3102/2023/QTMT/QTĐK

## BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỘ RUNG

- Thời gian thử nghiệm: Ngày 19 tháng 5 năm 2023
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $31 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $50 \pm 5\%$
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
- Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu:

DV- ĐR<sub>2</sub>: Khu nhà văn phòng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.54''$  Đ;  
 $17^{\circ}59'54.91''$  B

DV- ĐR<sub>3</sub>: Tại trạm nghiền sàng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'39.44''$  Đ;  
 $17^{\circ}59'48.41''$  B

### 6. Kết quả phân tích:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
					Trước nổ mìn	Trong lúc nổ mìn	Sau khi nổ mìn
1	DV-ĐR <sub>2</sub>	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	31,2	69,5	33,6
2	DV-ĐR <sub>3</sub>	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	35,4	78,7	41,3

### Ghi chú:

Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thủy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn





Số: 325...../2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ**

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 19 tháng 5 năm 2023
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 20/5/2023 đến ngày 26/5/2023
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $65 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
6. Vị trí lấy mẫu:
  - + DV – K<sub>134</sub>: Tại khu vực Cổng vào mỏ, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'37.22''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'57.33''\text{B}$
  - + DV – K<sub>135</sub>: Tại khu vực moong khai thác, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'23.19''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'43.78''\text{B}$
  - + DV – K<sub>136</sub>: Tại khu vực dân xây, điểm lấy mẫu có tọa độ :  $106^{\circ}23'39.44''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'48.41''\text{B}$ .
7. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
				DV – K <sub>134</sub>	DV – K <sub>135</sub>	DV – K <sub>136</sub>
1	Độ ồn	TCVN 7878:2018	dB	67,2	74,1	74,2
2	Tổng bụi lơ lửng	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	197	291	346
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:1996	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	34	41	47
4	CO	SOP.PT.07.20	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<3.000	<3.000	<3.000
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	61	70	78

Ghi chú:

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.  
 Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Lê Thị Lệ Thúy**



**Trần Ngọc Sơn**



Số: 326...../2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 19 tháng 5 năm 2023
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 20/5/2023 đến ngày 26/5/2023
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $65 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
5. Lấy mẫu:  Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
5. Vị trí lấy mẫu: (DV- T<sub>49</sub>) Mương thoát nước thải sinh hoạt ra môi trường (nước thải sinh hoạt), điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.64''$  (Đ);  $17^{\circ}59'55.50''$  (B)
6. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	-	5,9
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	45
3	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	23
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	64
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	5,6
6	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0013
7	Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877:2008	mg/l	<0,0004
8	Dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	1,5
9	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	3.400
10	Tổng Photpho	SMEWW 4500 -P.B&E:2017	mg/l	2,8
11	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/l	7,5

Ghi chú:

-(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 5 năm 2023

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Lê Thị Lệ Thúy**



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Ngọc Sơn**



Số: *2023*/2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT**



- Thời gian thử nghiệm: Ngày 19 tháng 5 năm 2023
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 20/5/2023 đến ngày 26/5/2023
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $25 \pm 2^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $65 \pm 5\%$
- Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 01 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
- Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu: (DV- M<sub>107</sub>) Tại Khe Lau đoạn chảy qua khu vực cổng ra vào, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'37.22''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'57.33''\text{B}$
- Kết quả phân tích :

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	Nhiệt độ <sup>(1)</sup>	SMEWW 2550B:2017	mg/l	28,2
2	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	-	6,6
3	Độ dẫn <sup>(1)</sup>	SMEWW 2510B:2017	$\mu\text{S/cm}$	43,2
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	9,7
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	6,8
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	12
7	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	5,3
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	1,1
9	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	TCVN 6179 -1:1996	mg/l	0,19
10	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	700
11	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,52

**Ghi chú:**

-(1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QTTN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 5 năm 2023

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Lê Thị Lệ Thúy**

**TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
 TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
  
**Trần Ngọc Sơn**



Số: *H.8.1.1* /2023/QTMT/QTDK

## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

- Thời gian thử nghiệm: Ngày 26 tháng 10 năm 2023
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 27/10/2023 đến ngày 02/11/2023
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $22 \pm 5^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $65 \pm 5\%$
- Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
- Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu:
  - + DV – K<sub>326</sub>: Tại khu vực Cổng vào mỏ, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'37.22''\text{D}$ ;  $17^{\circ}59'57.33''\text{B}$
  - + DV – K<sub>327</sub>: Tại khu vực móng khai thác, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'23.19''\text{D}$ ;  $17^{\circ}59'43.78''\text{B}$
  - + DV – K<sub>327A</sub>: Tại khu vực dàn xây, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'39.44''\text{D}$ ;  $17^{\circ}59'48.41''\text{B}$ .

### 7. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
				DV – K <sub>326</sub>	DV – K <sub>327</sub>	DV – K <sub>327A</sub>
1	Độ ồn	TCVN 7878:2018	dB	61,5	72,1	73,6
2	Tổng bụi lơ lửng	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	185	296	357
3	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:1996	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	31	37	45
4	CO	SOP.PT.07.20	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<3.000	<3.000	<3.000
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	55	64	71

### Ghi chú:

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: 7.1411./2023/QTMT/QTDK

## BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỘ RUNG

1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 26 tháng 10 năm 2023
2. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $22 \pm 5^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $65 \pm 5\%$
3. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.

4. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm

5. Vị trí lấy mẫu:

DV- ĐR<sub>7</sub>: Khu nhà văn phòng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.54''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'54.91''\text{B}$

DV- ĐR<sub>8</sub>: Tại trạm nghiền sàng, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'39.44''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'48.41''\text{B}$

6. Kết quả phân tích:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả		
					Trước nổ mìn	Trong lúc nổ mìn	Sau khi nổ mìn
1	DV-ĐR <sub>7</sub>	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	33,7	71,2	35,9
2	DV-ĐR <sub>8</sub>	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	40,1	77,5	44,8

Ghi chú:

Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: 169/2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 26 tháng 10 năm 2023
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 27/10/2023 đến ngày 02/11/2023
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $22 \pm 3^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $65 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
5. Lấy mẫu:  Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
5. Vị trí lấy mẫu: (DV- T<sub>183</sub>) Mương thoát nước thải sinh hoạt ra môi trường (nước thải sinh hoạt), điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'35.64''$  (D);  $17^{\circ}59'55.50''$  (B)
6. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	-	6,0
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	39
3	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	35
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	72
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	5,4
6	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0008
7	Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877:2008	mg/l	<0,0004
8	Dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	1,1
9	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	4.100
10	Tổng Photpho	SMEWW 4500 -P.B&E:2017	mg/l	2,3
11	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/l	8,6

Ghi chú:

(1): Phép thử đo tại hiện trường;

\* Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thủy



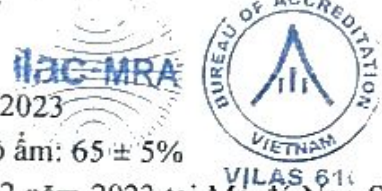
GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: 77C.../2023/QTMT/QTĐK

### BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT



1. Thời gian thử nghiệm: Ngày 26 tháng 10 năm 2023
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 27/10/2023 đến ngày 02/11/2023
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ:  $22 \pm 5^{\circ}\text{C}$ ; Độ ẩm:  $65 \pm 5\%$
4. Mục đích lấy mẫu: Lập Báo cáo Quan trắc môi trường đợt 02 năm 2023 tại Mỏ đá Ngổ Su, Phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh của Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Trung Hậu.
5. Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường  Nhận tại phòng thử nghiệm
6. Vị trí lấy mẫu: (DV- M<sub>214</sub>) Tại Khe Lau đoạn chảy qua khu vực cổng ra vào, điểm lấy mẫu có tọa độ:  $106^{\circ}23'37.22''\text{Đ}$ ;  $17^{\circ}59'57.33''\text{B}$
7. Kết quả phân tích :

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	Nhiệt độ <sup>(1)</sup>	SMEWW 2550B:2017	mg/l	26,2
2	pH <sup>(1)</sup>	TCVN 6492:2011	-	6,6
3	Độ dẫn <sup>(1)</sup>	SMEWW 2510B:2017	µS/cm	68,9
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	14
5	DO <sup>(1)</sup>	TCVN 7325:2016	mg/l	6,7
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	16
7	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	4,8
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	1,5
9	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	TCVN 6179 -1:1996	mg/l	0,21
10	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	940
11	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,47

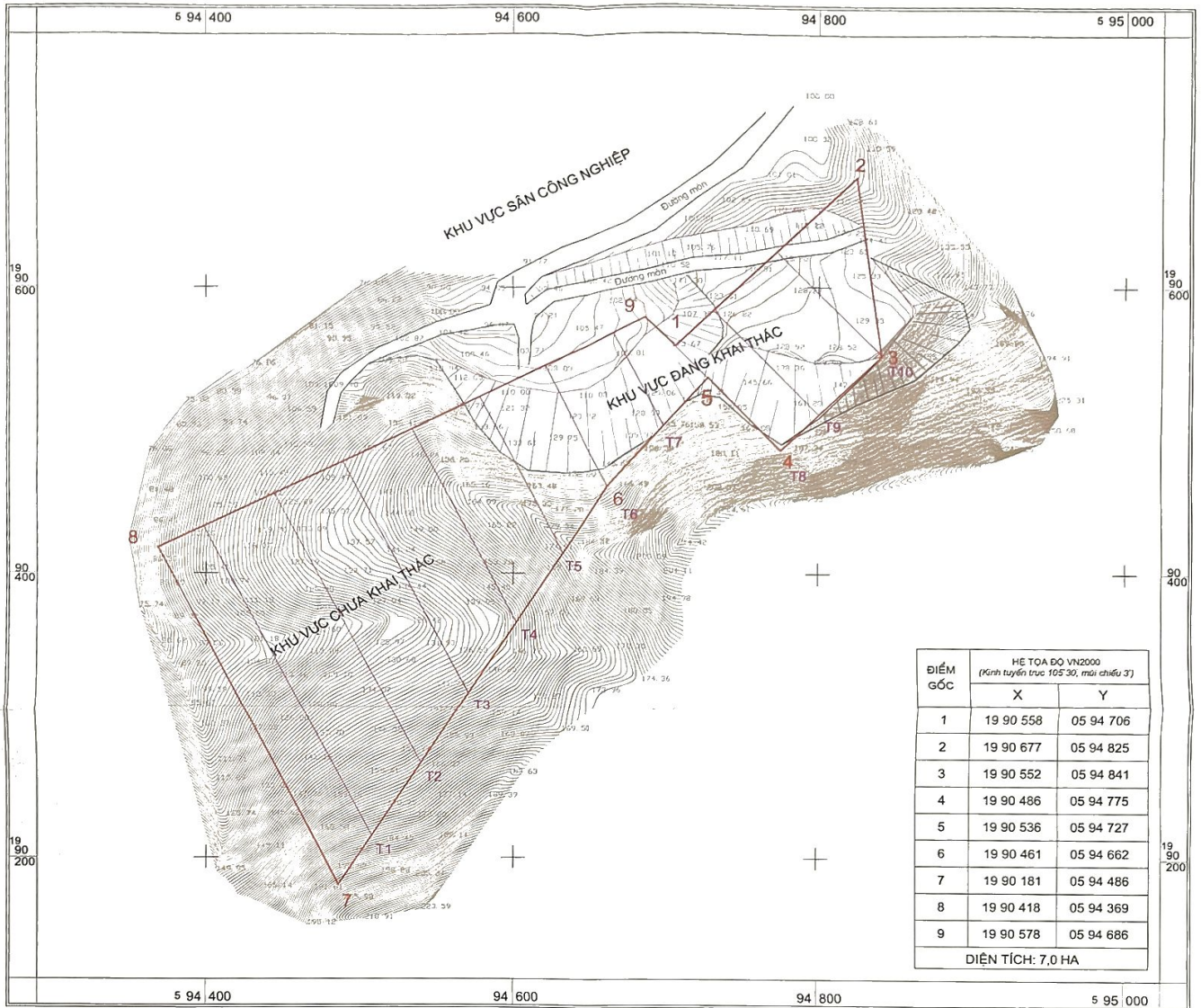
Ghi chú:  
- (1): Phép thử đo tại hiện trường;  
- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QTIN&MT Hà Tĩnh.  
Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG  
  
Lê Thị Lệ Thủy

GIÁM ĐỐC  
  
Trần Ngọc Sơn

# BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG

MỎ ĐÁ XÂY DỰNG KHU VỰC KHE NGỘ SU TẠI PHƯỜNG KỶ LONG, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH



TỶ LỆ 1:2.000

1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế

**CHỈ DẪN**

- Ranh giới khu vực mỏ (S = 7,0 ha)
- Đường đồng mức và giá trị độ cao
- Điểm độ cao
- Đường công vụ vận chuyển
- Mái dốc taluy
- Mặt cắt hiện trạng

CÔNG TRÌNH: MỎ ĐÁ XÂY DỰNG KHU VỰC KHE NGỘ SU  
 ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG KỶ LONG - THỊ XÃ KỶ ANH - TỈNH HÀ TĨNH

**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG (LẦN 1 / NĂM 2022)**

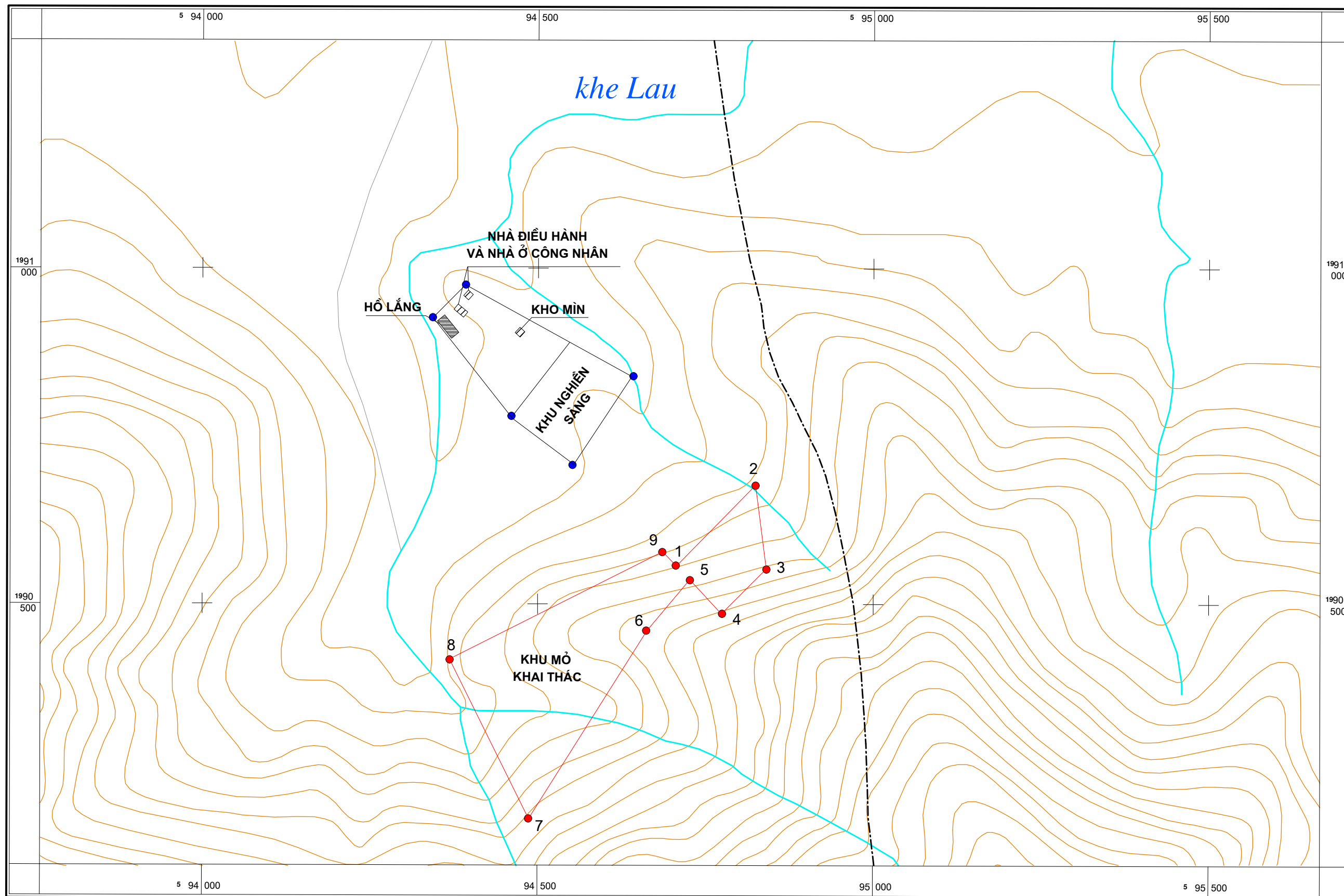
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU GIÁM ĐỐC	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KỶ ANH GIÁM ĐỐC
 CHỖ TỊCH HOẠCH KIỂM GÓC Nguyễn Hữu Hằng	 Lê Anh Tài

Bản vẽ số: 01      Tỷ lệ: 1/2000      Hoàn thành: Tháng 7 / 2022

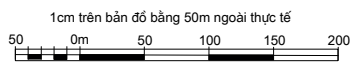


# MỎ ĐÁ XÂY DỰNG KHE NGỌ SU

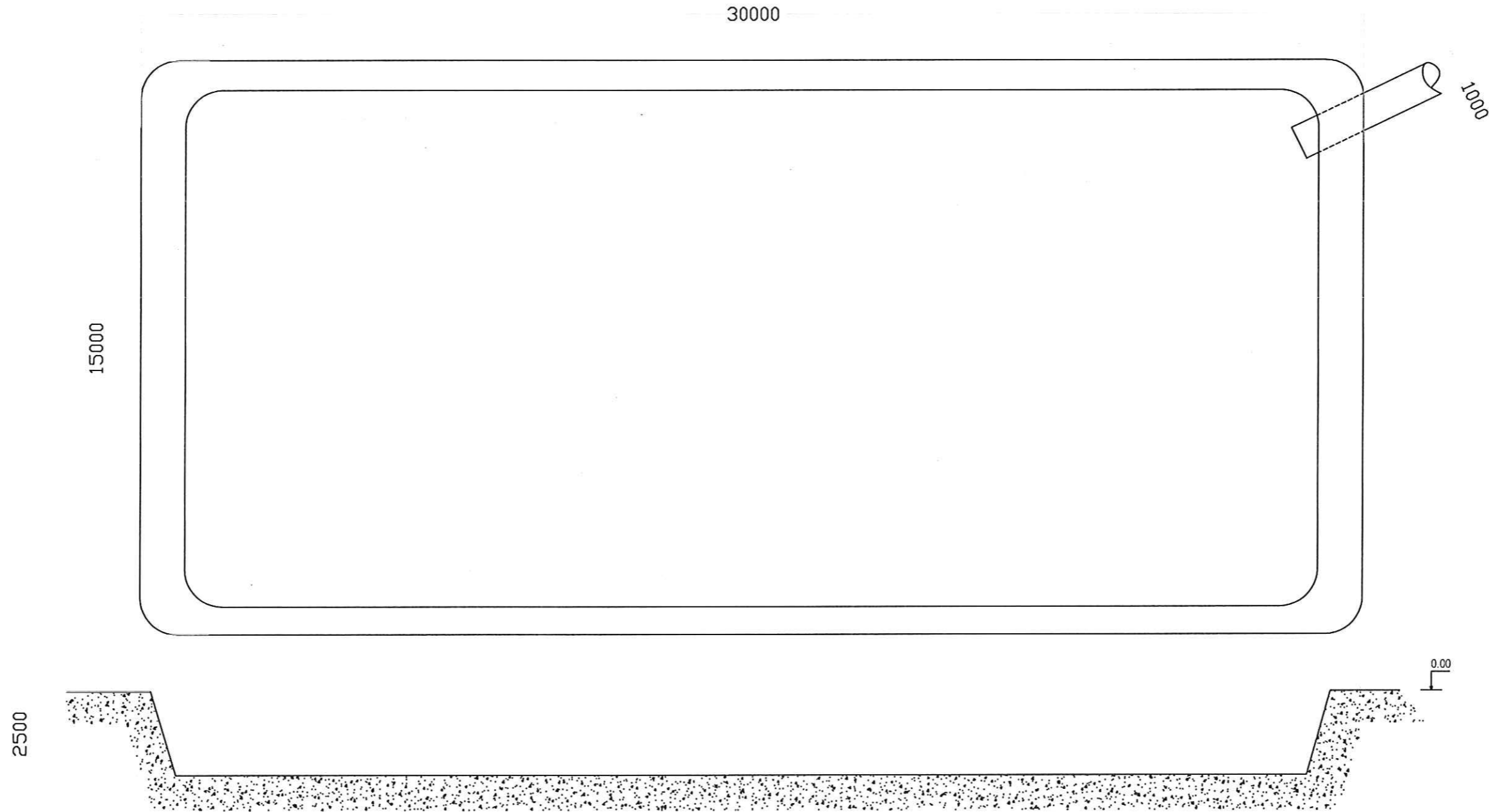
## TẠI PHƯỜNG KỶ LONG, THỊ XÃ KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH



TỶ LỆ 1:5.000



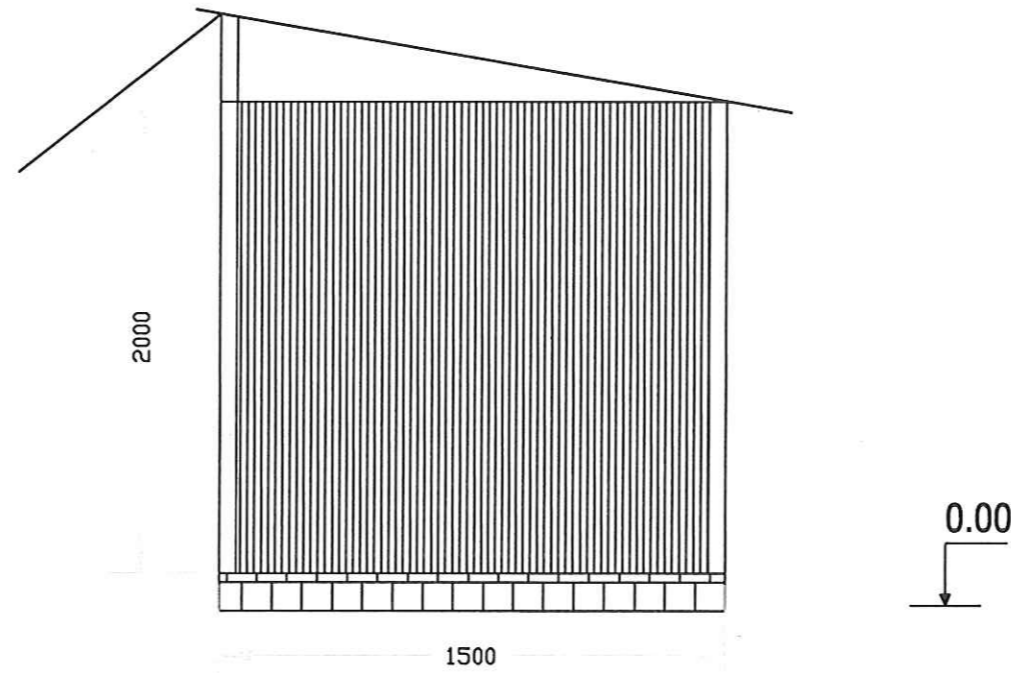
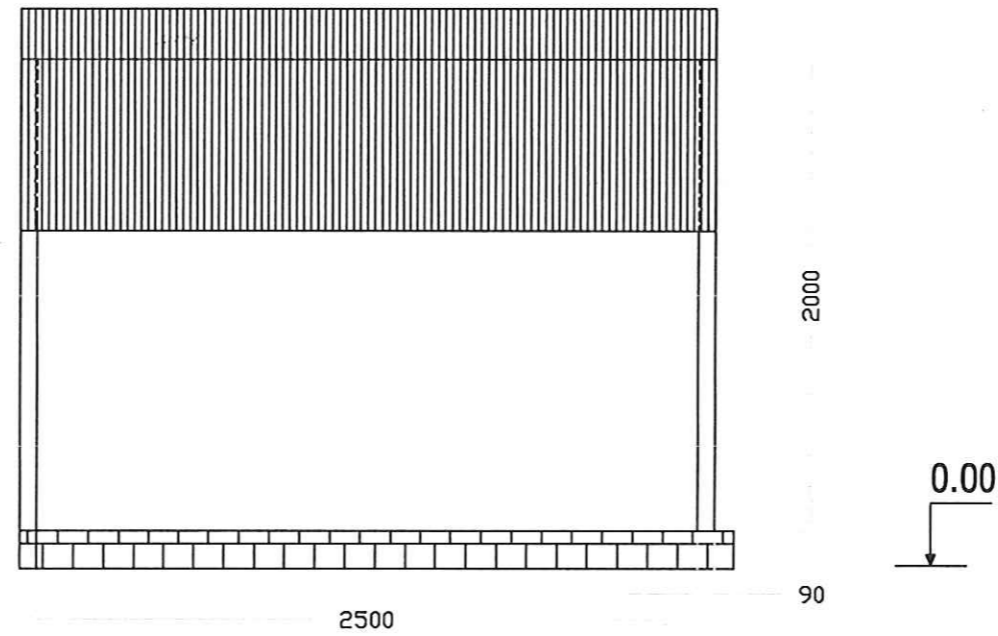
HỒ LẮNG NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN  
MỎ ĐÁ XÂY DỰNG KHE NGỌ SU - PHƯỜNG KỲ LONG, THỊ XÃ KỲ ANH



GHI CHÚ:  
- Kích thước ghi trong bản vẽ: cm  
- Chọn mặt đất làm chuẩn: Cao độ +0,0m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 22 tháng 7 năm 2024		
Người lập	Chỉ huy công trình	Tư vấn giám sát trưởng
TRƯƠNG HUY TUẤN	NGUYỄN NGỌC TÚ	THIỀU ĐỨC ANH

# BẢN VẼ KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

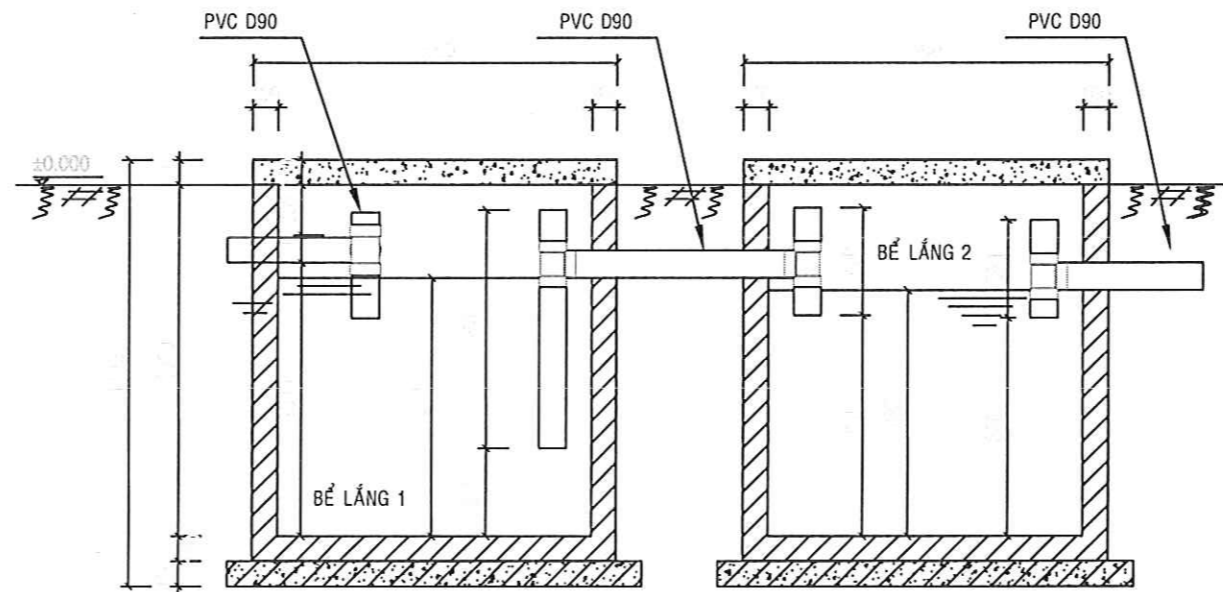


**GHI CHÚ:**

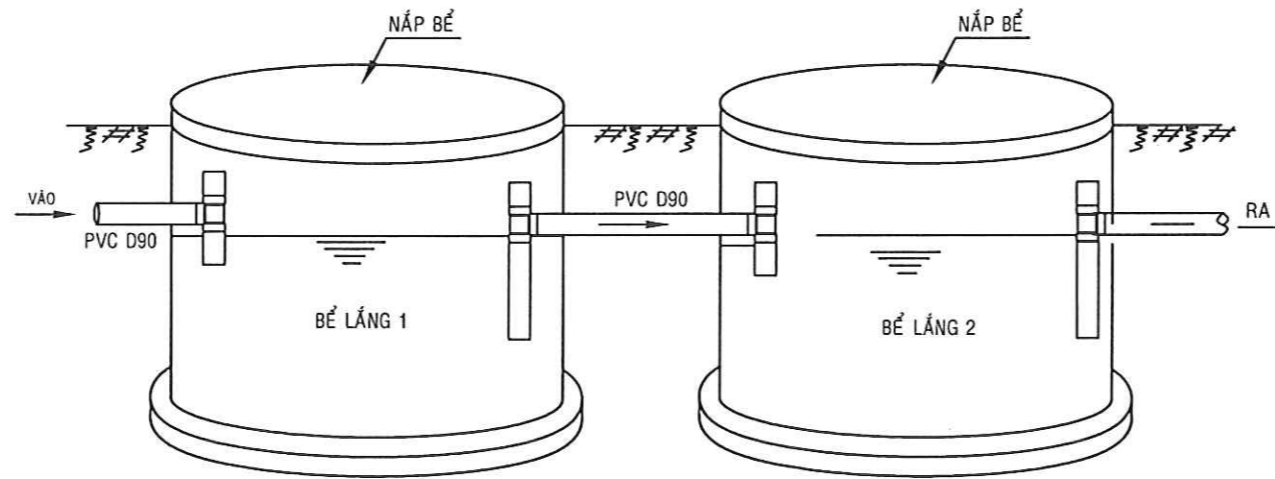
- Kích thước ghi trong bản vẽ: cm
- Chọn mặt đất làm chuẩn: Cao độ +0,0m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 22 tháng 7 năm 2024		
Người lập	Chỉ huy công trình	Tư vấn giám sát trưởng
TRƯƠNG HUY TUẤN	NGUYỄN NGỌC TÚ	THIỀU ĐỨC ANH

# BẢN VẼ BỂ LẮNG LỌC 2 NGĂN



MẶT CẮT A - A



MẶT ĐỨNG 3D

**GHI CHÚ:**

- Kích thước ghi trong bản vẽ: cm
- Chọn mặt đất làm chuẩn: Cao độ +0,0m

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRUNG HẬU

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày 22 tháng 7 năm 2024

Người lập

TRƯƠNG HUY TUẤN

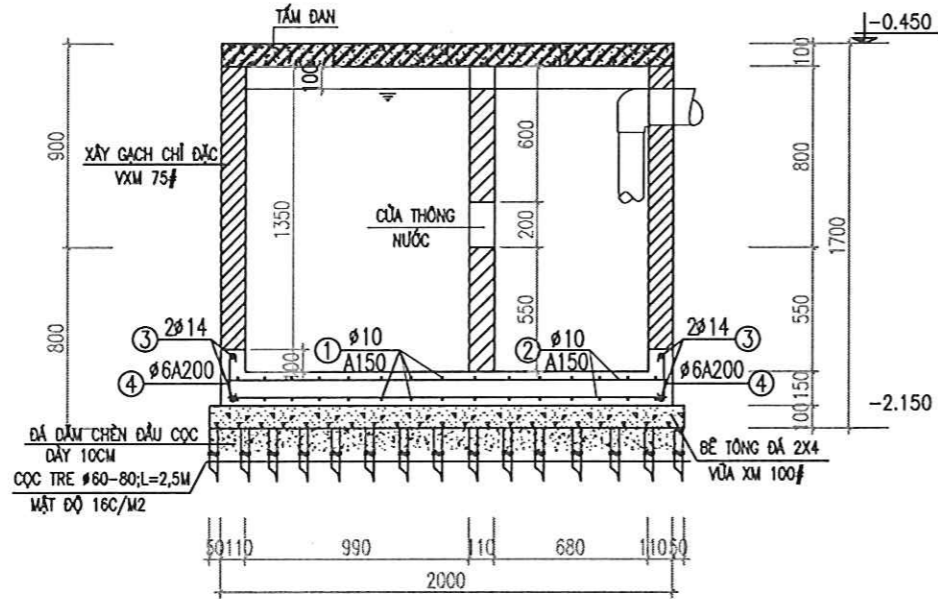
Chỉ huy công trình

NGUYỄN NGỌC TÚ

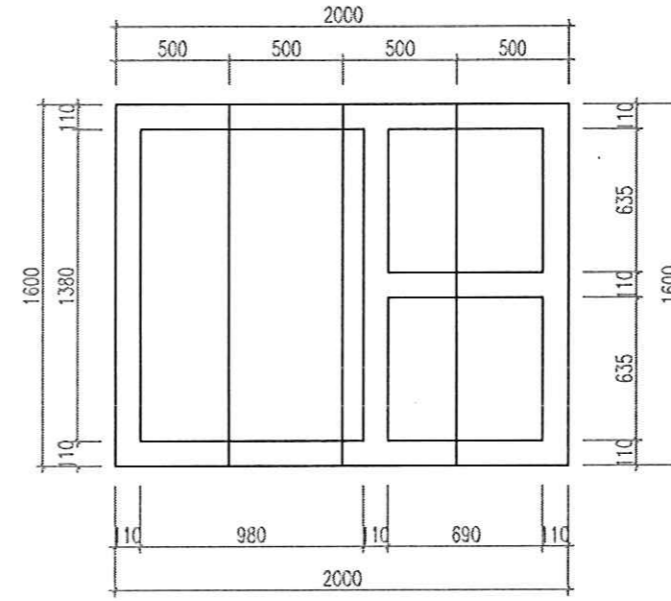
Tư vấn giám sát trưởng

THIỆU ĐỨC ANH

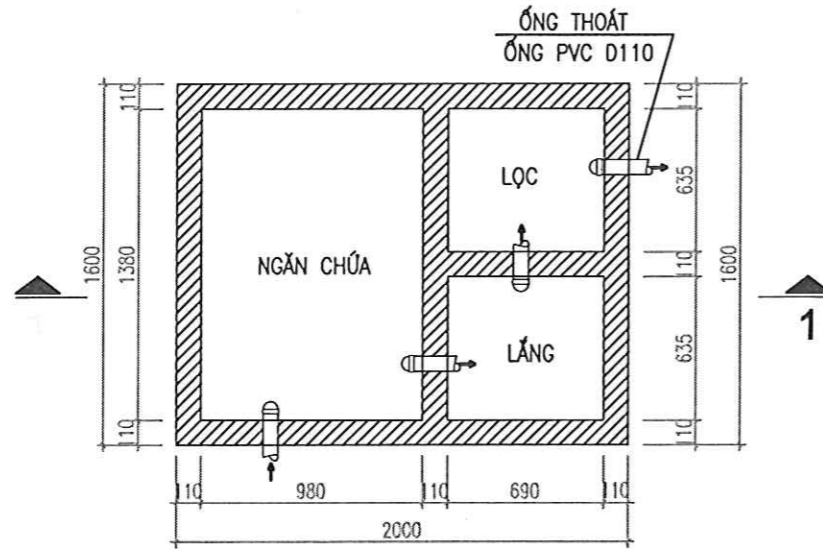
# BẢN VẼ BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN



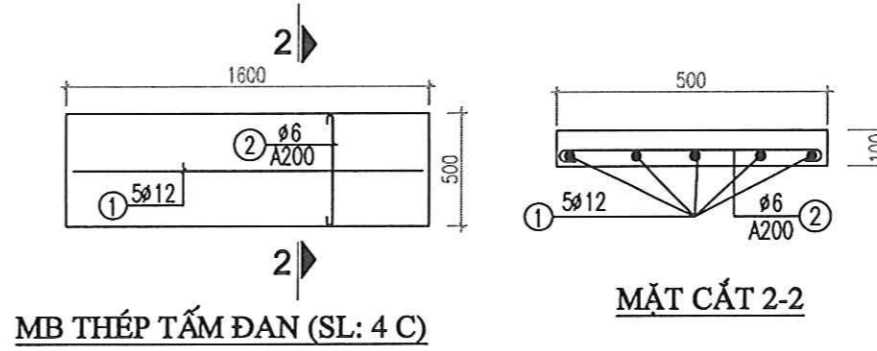
MẶT CẮT 1-1



MẶT BẰNG TẤM ĐÀN



MẶT BẰNG BỂ PHỐT



MB THÉP TẤM ĐÀN (SL: 4 C)

MẶT CẮT 2-2

## THỐNG KÊ THÉP

### BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
ĐÁY BỂ	1	1580	10	1580	28	28	44.24	27.28
	2	1980	10	1980	24	24	47.52	29.30
	3	7200	14	7200	2	2	14.4	17.40
	4	50 210 50	6	310	37	37	11.47	2.55
NÁP BỂ	1	1580	12	1580	5	20	31.6	28.05
	2	50 480 50	6	580	9	36	20.88	4.63

#### GHI CHÚ:

- GIA CỐ ĐÁY BỂ BẰNG CỌC TRE DÀI 2,5M MẬT ĐỘ 16C/M2
- LÓT MÓNG ĐÁY BỂ BT ĐÁ 2X4 MÁC 100#, DÀY 100
- TƯỜNG BỂ XÂY GẠCH CHỈ ĐẶC, Vữa XM 75#; ĐÁY BỂ BTCT ĐÁ 1X2 M200#
- TẤM ĐÀN NÁP BỂ BTCT ĐÁ 1X2 M200#, DÀY 100
- TRÁT TƯỜNG TRONG, TƯỜNG NGOÀI Vữa XM 75#; TƯỜNG TRONG BỂ CÓ ĐÁNH MÀU
- ĐÁY BỂ LĂNG Vữa XM 75#, DÀY 3CM, CÓ ĐÁNH MÀU

#### GHI CHÚ:

- Kích thước ghi trong bản vẽ: cm
- Chọn mặt đất làm chuẩn: Cao độ +0,0m

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG HÀ TĨNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 22 tháng 7 năm 2024

Người lập

Chỉ huy công trình

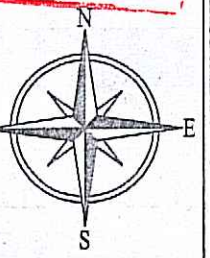
Tư vấn giám sát trường

TRƯƠNG HUY TUẤN

NGUYỄN NGỌC TÚ

THIỆU ĐỨC ANH

# BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC MỎ ĐÁ XÂY DỰNG KHE NGỌ SU - XÃ KỲ LONG - HUYỆN KỲ ANH - TỈNH HÀ TĨNH



594 400                      594 500                      594 600                      594 700                      594 800

1990  
800

1990  
700

1990  
600

1990  
500

1990  
400

1990  
300

1990  
200

1990  
800

1990  
700

1990  
600

1990  
500

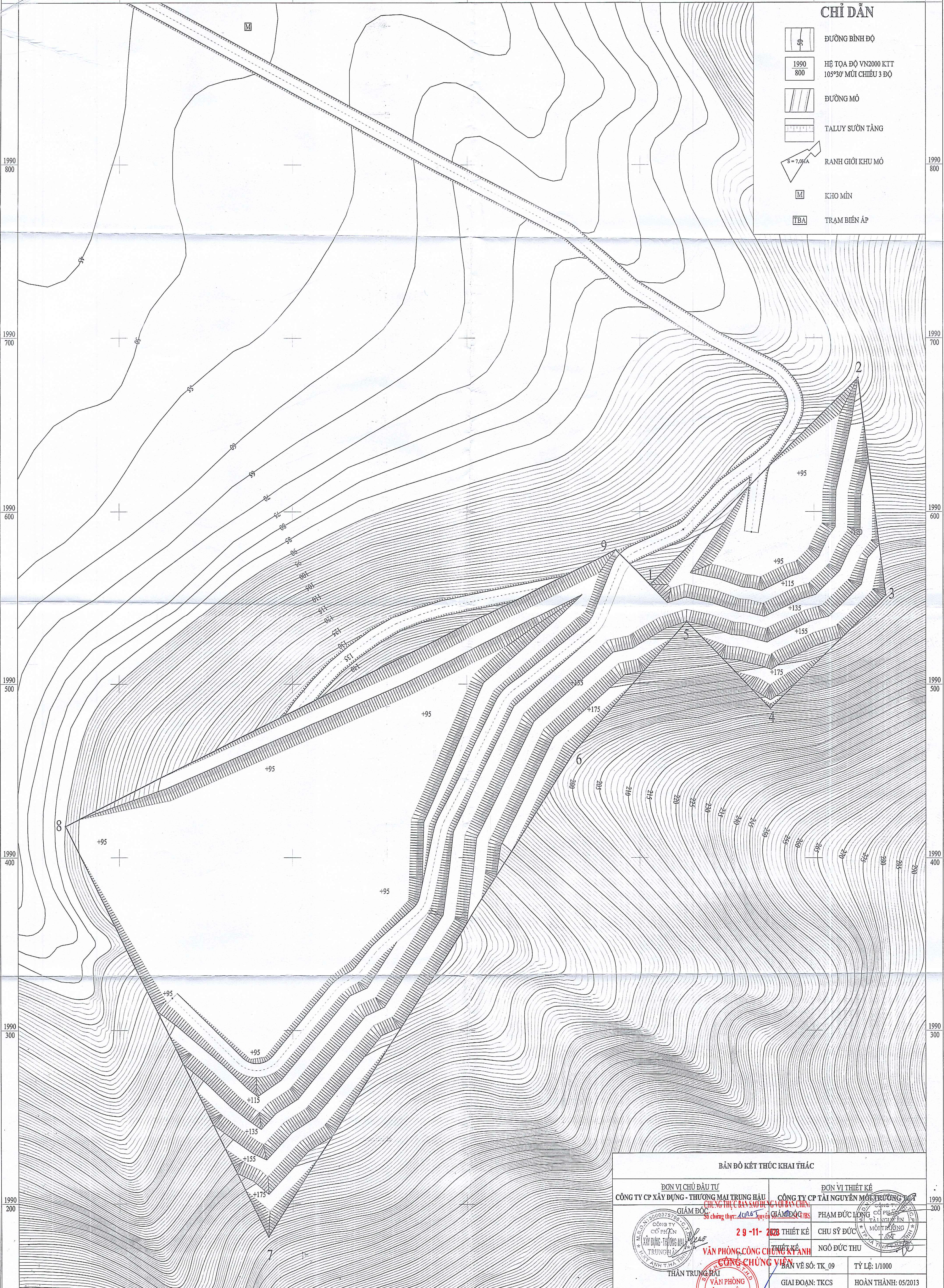
1990  
400

1990  
300

1990  
200

### CHỈ DẪN

- ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ
- HỆ TỌA ĐỘ VN2000 KTT  
105°30' MỨC CHIỀU 3 ĐỘ
- ĐƯỜNG MỎ
- TALUY SƯỜN TĂNG
- RANH GIỚI KHU MỎ  
S = 7,0HA
- KHO MÍN
- TRẠM BIẾN ÁP



BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC			
ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ <b>CÔNG TY CP XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TRUNG HẢI</b> CHUNG THỨC BAN SAU ĐÓNG VÀI BAN CHỈ HUY Giám đốc: <i>(Signature)</i> Phó Giám đốc: <i>(Signature)</i>		ĐƠN VỊ THIẾT KẾ <b>CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM</b> Giám đốc: <i>(Signature)</i> Phó Giám đốc: <i>(Signature)</i>	
29-11-2028 THIẾT KẾ VẤN PHÒNG CÔNG CHỨNG KỶ ANH THÂN TRUNG HẢI		THIẾT KẾ NGÔ ĐỨC THU	
BẢN VẼ SỐ: TK_09		TỶ LỆ: 1/1000	
GIAI ĐOẠN: TKCS		HOÀN THÀNH: 05/2013	

594 400                      594 500                      594 600                      594 700                      594 800

**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
**VẤN PHÒNG**  
**CÔNG CHỨNG**  
**KỶ ANH**  
*(Signature)*  
 Nguyễn Duy Sỹ

